

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI699	Định lượng Albumin [Máu]		g/L	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...
DI884	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]		lần	1	76.500	75.400	75.400	
BO30	Bơm hơi / khí tiền phòng		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2--/Mở tiền phòng rửa máu hoặc mù
DI664	Định lượng Amylase (dịch)		lần	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...
CH959	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R15]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
NE10	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi		lần	1	70.300	68.000	68.000	--/Vi khuẩn nhuộm soi
CH854	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
TH530	Thay băng, cắt chi vết mổ		lần	1	85.000	82.400	82.400	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế./Thay băng vết mổ chiều dài trên 15cm đến 30 cm
TH531	Thay băng, cắt chi		lần	1	85.000	82.400	82.400	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-Thay băng vết thương chiều dài trên 15 cm đến 30 cm
DI482	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]		lần	1	27.300	26.900	26.900	--/Định lượng Tryglyceride hoặc Phospholipid hoặc Lipid toàn phần hoặc Cholesterol toàn phần hoặc HDL-Cholesterol hoặc LDL - Cholesterol
PH1032	Phẫu thuật cắt phanh má		lần	1	313.000	295.000	295.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt, tạo hình phanh môi, phanh má hoặc lưỡi (không gây mê)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2434	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA627	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân		lần	1	3.446.000	3.345.000	3.345.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA457	Cắt bán phần hoặc gần toàn bộ dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống Di hoặc D2		lần	1	5.125.000	4.913.000	4.913.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, kẹp khóa mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt bán phần dạ dày
GI166	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	287.500	256.300	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
NO200	Nội soi hậu môn ống cứng		lần	1	148.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 3--/Tháo lòng ruột bằng hơi hay baryte
CH828	Chụp Xquang khớp vai thẳng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
GI168	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	252.100	223.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
DO88	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]		U/L (37°)	1	21.800	21.500	21.500	--Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được./Định lượng Bilirubin toàn phần hoặc trực tiếp; các enzym: phosphataze kiềm hoặc GOT hoặc GPT...
CH443	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH902	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH388	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng		lần	1	544.000	529.000	529.000	Thủ thuật loại 1--/Chụp niệu quản - bể thận ngược dòng (UPR) có tiêm thuốc cản quang
CA625	Cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1103	Phẫu thuật kết hợp xương chân thương Lisfranc và bàn chân giữa		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
XE29	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường		lần	1	15.500	15.200	15.200	-NHI KHOA-/Đường máu mao mạch
CH591	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH1367	Phẫu thuật treo thận		lần	1	2.958.000	2.859.000	2.859.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật treo từ cung
CH945	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R37]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
PH1690	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1022	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)		lần	1	2.898.000	2.814.000	2.814.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây mê)
RU73	Rubella virus IgM miễn dịch tự động		lần	1	148.000	143.000	143.000	
CH380	Chụp Xquang thực quản dạ dày		lần	1	239.000	224.000	224.000	--/Chụp dạ dày-tá tràng có uống thuốc cản quang số hóa
RU74	Rubella virus IgG miễn dịch tự động		lần	1	123.000	119.000	119.000	
PH2465	Phẫu thuật treo thận[Gây tê]		lần	1	2.883.000	2.021.711	2.859.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật treo từ cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TA48	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày		lần	1	2.883.000	2.790.000	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2
CH862	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
HC09	HCV Ab test nhanh		.	1	55.400	53.600	53.600	--/Anti-HCV (nhanh)
NO235	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán		lần	1	854.000	825.000	825.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nội soi ổ bụng
CA1020	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm		lần	1	4.569.000	4.468.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CA589	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần		lần	1	2.838.000	2.761.000	2.761.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt bỏ âm hộ đơn thuần

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA515	Cắt lách toàn bộ do chấn thương		lần	1	4.644.000	4.472.000	4.472.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt lách
DA235	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/ 2 bên[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
KH120	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ		lần	1	5.487.000	5.273.000	5.273.000	--Chưa bao gồm vật liệu cầm máu./Phẫu thuật khâu vết thương gan hoặc chèn gạc cầm máu
CH954	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R48]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA1122	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da[Gây tê]		lần	1	3.937.000	3.548.951	5.305.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1037	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài		lần	1	1.340.000	1.242.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
CA1124	Cắt một phần bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.937.000	3.548.951	5.305.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1123	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da[Gây tê]		lần	1	3.937.000	3.548.951	5.305.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1121	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời[Gây tê]		lần	1	3.930.000	3.615.298	4.616.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA114	Đặt vít gãy thân xương sên		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO332	Nội soi phế quản dưới gây mê		lần	1	3.278.000	3.261.000	3.261.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi phế quản dưới gây mê lấy dị vật phế quản
CA638	Cắt bề cứng giác mạc (Trabeculectomy)		lần	1	1.140.000	1.104.000	1.104.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt bề
CA1101	Cắt bỏ dương vật ung thư có vết hạch[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2312	Phẫu thuật vết thương bàn tay		lần	1	2.122.000	1.965.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
CA1070	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu[Gây tê]		lần	1	2.042.000	1.910.305	2.598.000	Phẫu thuật loại 3--NHI KHOA-/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO441	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)		lần	1	2.811.000	2.694.000	2.694.000	-
PH1355	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1265	Phẫu thuật vết thương bàn tay		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
CA613	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	2.378.000	2.269.000	2.269.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn, dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
CA1058	Cắt bỏ tinh hoàn[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.321.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH521	Tháo khớp chi thể bóng không còn khả năng bảo tồn điều trị bóng sâu[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA634	Cắt bỏ nang tụy		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
CA631	Cắt lách bệnh lý		lần	1	4.644.000	4.472.000	4.472.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt lách
DA100	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
DA234	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GH27	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể[Gây tê]		lần	1	1.140.000	881.486	1.824.000	Phẫu thuật loại 3--/Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể (chưa gồm mảnh da ghép)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GH17	Ghi điện não đồ cấp cứu		lần	1	68.300	64.300	64.300	Thủ thuật loại 2--/Điện não đồ
CA637	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2--/Khoét bỏ nhãn cầu
PH1426	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
TH434	Tháo khớp cổ tay		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
BE04	Bê cuốn dưới		lần	1	144.000	133.000	133.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Bê cuốn mũi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO141	Mở bụng thăm dò[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1110	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tăng sinh mô phức tạp		lần	1	4.830.000	4.616.000	4.616.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
PH1473	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi		lần	1	6.080.000	5.910.000	5.910.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi
CA1057	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.321.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA590	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng		lần	1	6.387.000	6.130.000	6.130.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
MO58	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
NA279	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA655	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.321.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
PH1292	Phẫu thuật cắt phanh má		lần	1	313.000	295.000	295.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Cắt, tạo hình phanh môi, phanh má hoặc lưỡi (không gây mê)
PH1058	Phẫu thuật cắt phanh môi		lần	1	313.000	295.000	295.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt, tạo hình phanh môi, phanh má hoặc lưỡi (không gây mê)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2276	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo		lần	1	3.894.000	3.736.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo
PH1055	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
NO333	Nội soi phế quản dưới gây mê		lần	1	1.478.000	1.461.000	1.461.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi phế quản dưới gây mê không sinh thiết
CA1039	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ		lần	1	2.383.000	2.321.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
CA1067	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2574	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)[Gây tê]		lần	1	3.048.000	2.723.585	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH974	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa		lần	1	7.655.000	7.397.000	7.397.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa
PH992	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang		lần	1	5.691.000	5.434.000	5.434.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt u bàng quang
TH454	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)		lần	1	32.000	29.900	29.900	--/Test trắc nghiệm tâm lý
NO231	Nội soi đại tràng sigma		lần	1	322.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA473	Cắt bỏ trĩ vòng		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kê hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH2303	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung		lần	1	1.997.000	1.935.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung
PH1347	Phẫu thuật chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV		lần	1	5.326.000	5.209.000	5.209.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình tai giữa
NO329	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản		lần	1	1.159.000	1.133.000	1.133.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi phế quản ống mềm gây tê có sinh thiết
GI169	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	224.700	199.200	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
PH1212	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
CA1069	Cắt bỏ trĩ vòng[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kê hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH524	Tháo khớp gối[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GI176	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	182.700	160.000	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
CA434	Cắt bỏ u mạc nối lớn		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1492	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung		lần	1	1.997.000	1.935.000	1.935.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung
PH1144	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH2514	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH435	Tháo khớp khuỷu		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
NO330	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản		lần	1	1.778.000	1.761.000	1.761.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi phế quản dưới gây mê có sinh thiết
GI149	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa nội tổng hợp		ngày	1	182.700	160.000	160.000	
CA1086	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2379	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung[Gây tê]		lần	1	1.428.000	1.255.473	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH927	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt		lần	1	2.737.000	2.627.000	2.627.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u nhỏ lành tính phần mềm vùng hàm mặt (gây mê nội khí quản)
PH1522	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
TH295	Tháo lồng ruột non		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt dây chằng giữ dính ruột
NO210	Nội soi sinh thiết u vòm		lần	1	1.575.000	1.559.000	1.559.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây mê
GH21	Ghi điện cơ bằng điện cực kim		lần	1	131.000	128.000	128.000	--/Điện cơ (EMG)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH471	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)[có thuốc cản quang]		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
DO82	Doppler động mạch cánh, Doppler xuyên sọ		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA570	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm		lần	1	729.000	705.000	705.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm
PH2380	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung[Gây tê]		lần	1	1.428.000	1.255.473	1.935.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1096	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
NO175	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê		lần	1	523.000	508.000	508.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Tai Mũi Họng)
PH2516	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH294	Tháo một nửa bàn chân trước		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
NO295	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
CA526	Cắt các u ác tuyến giáp		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CH857	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA567	Cắt các u lành vùng cổ		lần	1	2.737.000	2.627.000	2.627.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u nhỏ lành tính phần mềm vùng hàm mặt (gây mê nội khí quản)
PH1356	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
TR41	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ		lần	1	2.981.000	2.860.000	2.860.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ
NO192	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	722.000	703.000	703.000	Thủ thuật loại ĐB--/Lấy dị vật thanh quản gây mê ống cứng
PH2416	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức[Gây tê]		lần	1	2.042.000	1.910.305	2.598.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
VA11	Vá da tạo hình mi		lần	1	1.110.000	1.062.000	1.062.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vá da điều trị lật mi
TH308	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ		ngày	1	204.000	198.000	198.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Holter điện tâm đồ/ huyết áp
DO101	Đo khúc xạ máy		lần	1	10.900	9.900	9.900	--/Đo khúc xạ máy
CA566	Cắt các u nang giáp móng		lần	1	2.190.000	2.133.000	2.133.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u nang giáp móng
KE08	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH980	Phẫu thuật viêm ruột thừa		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt ruột thừa
CA1033	Cắt các u nang giáp móng		lần	1	2.190.000	2.133.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Cắt u nang giáp móng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2399	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2606	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO172	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê		lần	1	523.000	508.000	508.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Tai Mũi Họng)
TA92	Tập vận động có kháng trở		lần	1	51.400	46.900	46.900	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động toàn thân
PH1120	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mòm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
CA593	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)		lần	1	5.708.000	5.550.000	5.550.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi
PH1461	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo		lần	1	3.894.000	3.736.000	3.736.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo
PH1411	Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
PH1635	Phẫu thuật KHX gãy cánh chậu		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA1096	Cắt cụt cẳng chân do ung thư[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2642	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang[Gây tê]		lần	1	4.286.000	3.871.741	5.434.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt u bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1529	Phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1376	Phẫu thuật vết thương khớp		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
PH2439	Phẫu thuật viên tẩy bao hoạt dịch bàn tay[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO270	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán		lần	1	224.000	213.000	213.000	Thủ thuật loại 1--/Soi thanh khí phế quản bằng ống mềm
DO145	Đo khúc xạ giác mạc Javal		lần	1	38.300	36.200	854.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 3--/Đo Javal
PH1585	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.321.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
CA1090	Cắt cụt cẳng tay[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CO58	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
SI116	Siêu âm Doppler từ cung, buồng trứng qua đường bụng		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bằng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí
CA584	Cắt cụt cánh tay do ung thư		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi
PH2438	Phẫu thuật vết thương khớp[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1045	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động)		lần	1	2.190.000	2.133.000	2.133.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u nang giáp móng
PH2280	Phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
NO174	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê		lần	1	523.000	508.000	508.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Tai Mũi Họng)
CA1093	Cắt cụt cánh tay do ung thư[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DU08	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1015	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)		lần	1	3.123.000	3.014.000	3.014.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật u máu các vị trí
SI100	Siêu âm Doppler xuyên sọ		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA1092	Cắt cụt cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1409	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột có cắt nối ruột		lần	1	4.465.000	4.293.000	4.293.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt nối ruột
PH1654	Phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1305	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu		lần	1	2.660.000	2.598.000	2.598.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO319	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu		lần	1	255.000	244.000	244.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết
CA1094	Cắt cụt cấp cứu chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1042	Cắt hẹp bao quy đầu		lần	1	1.340.000	1.242.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
LA230	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương[Gây tê]		lần	1	4.059.000	3.803.683	4.634.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật ghép xương/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TA91	Tập vận động trên bóng		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
MO149	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1410	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
PH1633	Phẫu thuật KHX gãy cổ máu chuyển xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2415	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu[Gây tê]		lần	1	2.042.000	1.910.305	2.598.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO177	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê		lần	1	255.000	244.000	244.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết
CA1088	Cắt cụt dưới máu chuyển xương đùi[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TR40	Treponema pallidum nhuộm soi		lần	1	70.300	68.000	68.000	--/Vi khuẩn nhuộm soi
KH170	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo		lần	1	268.000	257.000	257.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm
PH2277	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi		lần	1	1.499.000	1.415.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
CH869	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghe nghiêng hoặc chếch [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA511	Cắt dạ dày hình chêm		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH1113	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
FI02	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
CA543	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt dây chằng gỡ dính ruột
PH1025	Phẫu thuật cắt u thành bụng		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
PH1439	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
HO12	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi		lần	1	39.500	38.200	38.200	--/Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi trực tiếp
VI28	Vi khuẩn nhuộm soi		lần	1	70.300	68.000	68.000	--/Vi khuẩn nhuộm soi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA545	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn		lần	1	7.610.000	7.266.000	7.266.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, kẹp khóa mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt dạ dày
PH1477	Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn		lần	1	6.387.000	6.130.000	6.130.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
PH1642	Phẫu thuật KHX gãy đài quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1425	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
NO397	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	234.000	223.000	4.049.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây tê ống cứng
PH1489	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn		lần	1	3.868.000	3.710.000	3.710.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn
PH2550	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DO103	Đo nhân áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz.....)		lần	1	28.000	25.900	25.900	--/Đo nhân áp
CA426	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
PH1369	Phẫu thuật cắt u thành ngực		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA472	Cắt đoạn ruột non		lần	1	4.801.000	4.629.000	4.629.000	Phẫu thuật loại 2--NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt ruột non
PH2376	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1697	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ		lần	1	628.000	587.000	587.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Sân khoa)
TE41	Test thử cảm giác giác mạc		lần	1	42.100	39.600	39.600	--/Test thử cảm giác giác mạc
CA581	Cắt đoạn ruột non do u		lần	1	4.801.000	4.629.000	4.629.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt ruột non
MO143	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2639	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung[Gây tê]		lần	1	3.480.000	3.053.167	4.838.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2304	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quầng quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đỉnh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA447	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)		lần	1	4.801.000	4.629.000	4.629.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt ruột non
PH1565	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo		lần	1	2.759.000	2.660.000	2.660.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1069	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)		lần	1	4.296.000	4.159.000	4.159.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papilloma, kén hơi thanh quản...)
PH2378	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn[Gây tê]		lần	1	1.429.000	1.240.793	1.898.000	Phẫu thuật loại 1--/Khâu rách cùng đồ âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1424	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay		lần	1	4.830.000	4.616.000	4.616.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
PH1101	Phục hồi cổ răng bằng Composite		lần	1	348.000	337.000	337.000	Thủ thuật loại 2--/Hàn composite cổ răng
PH1340	Phẫu thuật chỉnh hình khối mũi sàng		lần	1	8.419.000	8.042.000	8.042.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng
PH1531	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quầng quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA441	Cắt đoạn trực tràng nối ngay		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
MO60	Mở nhu mô gan lấy sỏi		lần	1	5.087.000	4.728.000	4.728.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Ngoại khoa)
PH2401	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2421	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo[Gây tê]		lần	1	2.039.000	1.794.711	2.660.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1074	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương		lần	1	2.720.000	2.672.000	2.672.000	Phẫu thuật loại 1--/Nâng xương chính mũi sau chấn thương gây mê
PH2539	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)[Gây tê]		lần	1	2.247.000	2.040.379	3.014.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật u máu các vị trí/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2650	Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn[Gây tê]		lần	1	5.505.000	5.067.365	6.130.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1040	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng		lần	1	8.419.000	8.042.000	8.042.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng
PH2568	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực[Gây tê]		lần	1	2.139.000	1.772.056	3.288.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt sẹo khâu kín/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO302	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết		lần	1	255.000	244.000	244.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết
CA633	Cắt đuôi tụy bảo tồn lách		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
PH936	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ		lần	1	3.621.000	3.424.000	3.424.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Tai Mũi Họng)
PH920	Phẫu thuật chỉnh hình thu nhỏ vành tai		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
SI123	Siêu âm Doppler xuyên sọ		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA529	Cắt đuôi tụy và cắt lách		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
XE30	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)		mg/dL	1	15.500	15.200	15.200	--/Đường máu mao mạch
CA674	Cắt đường rò bàng quang -rốn, khâu lại bàng quang		lần	1	4.587.000	4.415.000	4.415.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật đóng dò bàng quang

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2584	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo[Gây tê]		lần	1	3.122.000	2.806.465	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1118	Cắt đường rò bàng quang -rốn, khâu lại bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.555.000	3.268.327	4.415.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật đóng rò bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
MO64	Mổ quặm bẩm sinh		lần	1	1.291.000	1.236.000	1.236.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 4 mi - gây tê
PH1289	Phục hồi cổ răng bằng Composite		lần	1	348.000	337.000	337.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Hàn composite cổ răng
PH1041	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng-hàm		lần	1	5.453.000	5.336.000	5.336.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật chấn thương xoang sàng - hàm
PH1077	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
PH1102	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement		lần	1	348.000	337.000	337.000	Thủ thuật loại 2--/Hàn composite cổ răng
TE31	Test nội bì		lần	1	482.000	475.000	475.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Test nội bì chậm đặc hiệu với thuốc hoặc vaccin hoặc huyết thanh
CA672	Cắt đường rò bàng quang rốn, khâu lại bàng quang		lần	1	4.587.000	4.415.000	4.415.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật đóng rò bàng quang
PH1076	Phẫu thuật chấn thương xoang trán		lần	1	5.453.000	5.336.000	5.336.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật kết hợp xương trong chấn thương sọ mặt
PH919	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai cụp		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
GI156	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	287.500	256.300	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
CA557	Cắt eo thận móng ngựa		lần	1	4.404.000	4.232.000	4.232.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt thận
PH1129	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1116	Cắt eo thận móng ngựa[Gây tê]		lần	1	3.279.000	2.982.288	4.232.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt thận/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
MO67	Mô quặm bẩm sinh		lần	1	877.000	845.000	845.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mô quặm 2 mi - gây tê
PH1334	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1252	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1515	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não		lần	1	7.144.000	6.843.000	6.843.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật áp xe não
PH2325	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên		lần	1	3.351.000	3.258.000	8.372.000	(THEO YẾU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
SI175	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CA540	Cắt hẹp bao quy đầu		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
PH1704	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ		lần	1	3.432.000	3.288.000	3.288.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt sẹo khâu kín
CA670	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	4.168.000	4.010.000	4.010.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn, $\geq 1\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em
PH1703	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực		lần	1	3.432.000	3.288.000	3.288.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt sẹo khâu kín

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2375	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1628	Phẫu thuật KHX gây lồi cầu ngoài xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA663	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em		lần	1	3.382.000	3.274.000	3.274.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
MO137	Mở rộng lỗ sáo		lần	1	1.340.000	1.242.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
PH1224	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức		lần	1	2.660.000	2.598.000	2.598.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu
CA669	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	3.382.000	3.274.000	3.274.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
DO128	Đo áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP / MEP		lần	1	788.000	778.000	778.000	Thủ thuật loại 1--/Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)/dung tích sống gắng sức - FVC/dung tích sống chậm - SVC/ thông khí tự nguyện tối đa - MVV/áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP / MEP
DO97	Đo đường kính giác mạc		lần	1	59.600	54.800	54.800	Thủ thuật loại 2--/Đo đường kính giác mạc; đo độ lồi
GI165	Giường Ngoại khoa loại I Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	287.500	256.300	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
CH831	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DO102	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)		lần	1	31.200	29.900	29.900	Thủ thuật loại 2--/Soi bóng đồng tử
DO122	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm		lần	1	29.600	28.800	28.800	Thủ thuật loại 1--/Đo thị trường, ám điểm
GI179	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	252.100	223.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
CH387	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng		lần	1	579.000	564.000	564.000	Thủ thuật loại 1--/Chụp niệu quản - bể thận ngược dòng (UPR) số hóa
DO98	Đo thị giác 2 mắt		lần	1	68.600	63.800	63.800	Thủ thuật loại 1--/Đo độ lác; Xác định sơ đồ song thị; Đo biên độ điều tiết; Đo thị giác 2 mắt; Đo thị giác tương phản
XA04	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)		lần	1	178.000	173.000	173.000	--/Định nhóm máu hệ Rh (D yếu , D từng phần)
XE26	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường		Phút	1	13.000	12.600	12.600	--/Thời gian máu đông
GI180	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	252.100	223.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
GI170	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	224.700	199.200	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
XA03	Xác định sơ đồ song thị		lần	1	68.600	63.800	63.800	--/Đo độ lác; Xác định sơ đồ song thị; Đo biên độ điều tiết; Đo thị giác 2 mắt; Đo thị giác tương phản
DI708	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)		lần	1	40.200	39.100	39.100	--/Định nhóm máu hệ ABO bằng phương pháp ống nghiệm; trên phiến đá hoặc trên giấy
DI711	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)		lần	1	32.000	31.100	31.100	--/Định nhóm máu hệ Rh(D) bằng phương pháp ống nghiệm, phiến đá
DI831	Điện não đồ thường quy		lần	1	68.300	64.300	64.300	-NHI KHOA-/Điện não đồ
GI167	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	252.100	223.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
GI196	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	192.100	170.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
CH882	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA425	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
PH918	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai vùi		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
GI213	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	224.700	199.200	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
DO92	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)		lần	1	77.800	73.000	73.000	--/Đo chỉ số ABI (Chỉ số cổ chân/cánh tay)
CH499	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
CA586	Cắt nang giáp móng		lần	1	2.190.000	2.133.000	2.133.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt u nang giáp móng
GI153	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	182.700	160.000	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
CH515	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	532.000	522.000	522.000	--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang
DI543	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]		µmol/L	1	21.800	21.500	21.500	--Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được./Định lượng Bilirubin toàn phần hoặc trực tiếp; các enzym: phosphataze kiềm hoặc GOT hoặc GPT...
CH953	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R47]		lần	1	20.700	18.900	18.900	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1018	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm		lần	1	479.000	455.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Cắt u lợi đường kính từ 2cm trở lên
DI514	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu]		mg/l	1	54.600	53.800	53.800	--/CRP hs
DI511	Định lượng Ferritin [Máu]		ng/ml	1	82.000	80.800	80.800	--/Ferritin
DI500	Định lượng Glucose [Máu]		lần	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...
CH466	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)[có thuốc cản quang]		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
CH955	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R11]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA495	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm		lần	1	479.000	455.000	455.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u lợi đường kính từ 2cm trở lên
PH1514	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não		lần	1	7.144.000	6.843.000	6.843.000	Phẫu thuật loại DB--Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật áp xe não
PH1288	Phẫu thuật cố định màng sườn di động bằng nẹp		lần	1	6.943.000	6.686.000	6.686.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật điều trị bệnh lý lồng ngực khác
NO315	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết		lần	1	430.000	408.000	408.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết
CA571	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm		lần	1	3.037.000	2.927.000	2.927.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt nang xương hàm từ 2-5cm
PH1317	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
DI479	Định lượng Urê máu [Máu]		lần	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1634	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1663	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
GI202	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nhi		ngày	1	212.600	187.100	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
NO409	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết		lần	1	430.000	401.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết
RA06	Rạch áp xe túi lệ		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chích rạch nhọt, Áp xe nhỏ dẫn lưu
CA596	Cắt nang thờng tinh hai bên		lần	1	2.953.000	2.754.000	2.754.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại I (Ung bướu)
PH1603	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
PH1666	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
GI70	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Truyền nhiễm		ngày	1	212.600	187.100	187.100	
NO256	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê		lần	1	234.000	223.000	223.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây tê ống cứng
CA597	Cắt nang thờng tinh một bên		lần	1	1.914.000	1.784.000	1.784.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
PH2502	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
SO35	Soi cổ tử cung		lần	1	63.900	61.500	61.500	--/Soi cổ tử cung
CA1024	Cắt nang vùng sàn miệng		lần	1	2.887.000	2.777.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Cắt bỏ nang sàn miệng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2339	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CH405	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	184.000	177.000	177.000	Thủ thuật loại 1--Áp dụng với trường hợp dùng bơm kim thông thường để chọc hút./Chọc dò sinh thiết vú dưới siêu âm
CH877	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA575	Cắt nang vùng sàn miệng		lần	1	2.887.000	2.777.000	2.777.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Cắt bỏ nang sàn miệng
PH1604	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng		lần	1	3.883.000	3.725.000	3.725.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng
PH2555	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1223	Phẫu thuật vết thương vùng hàm mặt do hoà khí		lần	1	3.179.000	2.998.000	2.998.000	--/Phẫu thuật khâu phục hồi vết thương phần mềm vùng hàm mặt, có tổn thương tuyến, mạch, thần kinh.
GI73	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	182.700	160.000	160.000	
PH979	Phẫu thuật viêm phức mạc ruột thừa		lần	1	4.447.000	4.289.000	4.289.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ú mủ vòi trứng
CH349	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	442.000	431.000	431.000	Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết màng phổi
CA465	Cắt nang vùng sàn miệng		lần	1	2.887.000	2.777.000	2.777.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt bỏ nang sàn miệng
PH1315	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)		lần	1	3.129.000	3.044.000	3.044.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt túi sa niệu quản bằng nội soi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1651	Phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DO142	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm		lần	1	62.900	59.100	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Đo tính công suất thủy tinh thể nhân tạo
CA523	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm		lần	1	4.740.000	4.623.000	4.623.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm
PH2672	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch liên		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại ĐB-
RU35	Rửa dạ dày cấp cứu		lần	1	131.000	119.000	119.000	Thủ thuật loại 3--/Rửa dạ dày
PH1564	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp		lần	1	2.943.000	2.844.000	2.844.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp
SI158	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu		lần	1	49.300	43.900	43.900	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm
CA605	Cắt nang/polyp rốn		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
GI206	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	287.500	256.300	256.300	
SI109	Siêu âm Doppler động mạch thận		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA446	Cắt nhiều đoạn ruột non		lần	1	4.801.000	4.629.000	4.629.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt ruột non
PH1620	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2491	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2392	Phẫu thuật viêm ruột thừa[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
SI105	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA657	Cắt nối niệu đạo sau		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
PH1597	Phẫu thuật Crossen		lần	1	4.170.000	4.012.000	4.012.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật Crossen
PH2441	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1177	Phẫu thuật viêm xương		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
SI115	Siêu âm Doppler từ cung, buồng trứng qua đường âm đạo		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
PH2612	Phẫu thuật Crossen[Gây tê]		lần	1	3.396.000	3.082.465	4.012.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật Crossen/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1296	Phẫu thuật lấy bỏ u xương		lần	1	3.870.000	3.746.000	3.746.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học./Phẫu thuật lấy bỏ u xương

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1255	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
TH354	Thăm dò, khâu vết thương cùng mạc		lần	1	1.160.000	1.112.000	1.112.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu cùng mạc phức tạp
SI152	Siêu âm Doppler xuyên sọ cấp cứu tại giường		lần	1	233.000	222.000	222.000	--/Siêu âm Doppler màu tim ho?c m?ch máu
CA1102	Cắt nối niệu đạo trước[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2583	Phẫu thuật lấy bỏ u xương[Gây tê]		lần	1	3.123.000	2.915.683	3.746.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học./Phẫu thuật lấy bỏ u xương/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
SI171	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CA536	Cắt nối niệu quản		lần	1	3.129.000	3.044.000	3.044.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt túi sa niệu quản bằng nội soi
CA528	Cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kehr		lần	1	4.671.000	4.499.000	4.499.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi./Phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
PH2458	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1050	Cắt polyp cổ tử cung[Gây tê]		lần	1	1.428.000	1.255.473	1.935.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1726	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hồ chậu do lao		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1527	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
PH1051	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt		lần	1	2.605.000	2.461.000	2.461.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt
GI175	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	182.700	160.000	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
SI97	Siêu âm Doppler tĩnh hoàn, mào tĩnh hoàn hai bên		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bảng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí
CA550	Cắt polyp mũi		lần	1	679.000	663.000	663.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi cắt polype mũi gây mê
PH1325	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe não do tai		lần	1	6.054.000	5.937.000	5.937.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật áp xe não do tai
PH1222	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt		lần	1	3.179.000	2.998.000	2.998.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật khâu phục hồi vết thương phần mềm vùng hàm mắt, có tổn thương tuyến, mạch, thần kinh.
CA520	Cắt polyp ống tai		lần	1	2.038.000	1.990.000	1.990.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt polyp ống tai gây mê
PH1009	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe ổ mắt		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
PH2597	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH931	Phẫu thuật lấy nang rò khe mang II		lần	1	4.740.000	4.623.000	4.623.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm
PH2625	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)[Gây tê]		lần	1	3.305.000	2.915.101	4.307.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân hoặc bệnh lý sản khoa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2489	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH920	Chọc hút dịch màng tim dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	259.000	243.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Chọc dò màng tim
CA439	Cắt polyp ống tai		lần	1	2.038.000	1.990.000	1.990.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt polyp ống tai gây mê
PH1244	Phẫu thuật dẫn lưu dịch khoang màng tim		lần	1	3.398.000	3.285.000	3.285.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực
PH2369	Phẫu thuật Longo		lần	1	2.346.000	2.224.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật điều trị trĩ kỹ thuật cao (phương pháp Longo)
PH2363	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản		lần	1	813.000	790.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Nạo VA gây mê
SI174	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu		lần	1	49.300	43.900	43.900	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm
CA1034	Cắt polyp ống tai		lần	1	2.038.000	1.990.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Cắt polyp ống tai gây mê
PH2564	Phẫu thuật dẫn lưu dịch khoang màng tim[Gây tê]		lần	1	2.522.000	2.310.638	3.285.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2357	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn		lần	1	4.034.000	3.876.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung
PH1268	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bước giáp đa nhân		lần	1	7.849.000	7.652.000	7.652.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại đặc biệt tuyến nội tiết mổ nội soi dùng dao siêu âm
TH291	Tháo đốt bàn		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2293	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay		lần	1	2.457.000	2.318.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật giải áp thần kinh
PH1026	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
DI648	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]		lần	1	60.100	59.200	59.200	--/TSH
CA431	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
PH1720	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi		lần	1	1.818.000	1.756.000	1.756.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật dẫn lưu màng phổi
TH253	Thay canuyn		lần	1	253.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2--/Thay canuyn mở khí quản
GI44	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền		ngày	1	182.700	160.000	160.000	
CA1065	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO272	Nối vị tràng		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
CA1087	Cắt sẹo khâu kín[Gây tê]		lần	1	2.139.000	1.772.056	3.288.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt sẹo khâu kín/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2474	Phẫu thuật viêm xương[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1427	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động		lần	1	4.830.000	4.616.000	4.616.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
PH2393	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA622	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc		lần	1	3.446.000	3.345.000	3.345.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mở mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA420	Cắt thận đơn thuần		lần	1	4.404.000	4.232.000	4.232.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt thận
RU71	Rút sonde jj qua đường nội soi bàng quang		lần	1	915.000	893.000	893.000	-
PH2632	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động[Gây tê]		lần	1	3.930.000	3.615.298	4.616.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1400	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu		lần	1	12.996.000	12.653.000	12.653.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch./Phẫu thuật thay đoạn mạch nhân tạo
NO258	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết		lần	1	430.000	408.000	408.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết
PH964	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
PH1181	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở		lần	1	5.596.000	5.383.000	5.383.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ./Phẫu thuật vết thương sọ não hở
DI691	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động		g/L	1	105.000	102.000	102.000	Định lượng Fibrinogen (Yếu tố I) bằng phương pháp trực tiếp/
SI144	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	158.000	151.000	151.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn của siêu âm
CA1112	Cắt thận đơn thuần[Gây tê]		lần	1	3.279.000	2.982.288	4.232.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt thận/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
SA09	Sắc thuốc thang		lần	1	13.100	12.500	12.500	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc./Sắc thuốc thang (1 thang)
TH505	Thay huyết tương bằng gelatin hoặc dung dịch cao phân tử		lần	1	1.672.000	1.636.000	1.636.000	--Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin./Lọc tách huyết tương (01 lần)
DI499	Định lượng HbA1c [Máu]		%	1	102.000	101.000	101.000	--/HbA1C
PH1152	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
SI205	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	847.000	822.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết vú hoặc tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
CA422	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
CH451	Chụp Xquang mỏm trâm [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
BO46	Bóc phúc mạc bên phải		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
BO48	Bóc phúc mạc bên trái		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
CA1079	Cắt u nang buồng trứng[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1469	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên		lần	1	538.000	520.000	520.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên
DI660	Định lượng Protein (dịch chọc dò)		lần	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DO81	Đo hoạt độ LDH (dịch chọc dò)		lần	1	27.300	26.900	26.900	--/LDH
XE22	Xét nghiệm tể bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)		lần	1	43.700	43.100	43.100	--/Tể bào cận nước tiểu hoặc cận Adis
DI865	Định lượng CRP		lần	1	54.600	53.800	53.800	--/CRP định lượng
CA508	Cắt thần kinh X siêu chọn lọc		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt dây chằng gỡ dính ruột
PH2600	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2548	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI686	Định lượng Axit Uric (niệu)		lần	1	16.400	16.100	16.100	--/Ure hoặc Axit Uric hoặc Creatinin niệu
PH1721	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên		lần	1	2.457.000	2.318.000	2.318.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật giải áp thần kinh
DI680	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine) [niệu]		mg/l	1	43.700	43.100	43.100	--/Micro Albumin
CA510	Cắt thần kinh X toàn bộ		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt dây chằng gỡ dính ruột
PH1065	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú		lần	1	2.962.000	2.862.000	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
PH2618	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu[Gây tê]		lần	1	3.665.000	3.411.679	4.228.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥10 cm2/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1525	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2669	Phẫu thuật KHX gây khung chậu – trật khớp mu		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
CH957	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R13]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA1115	Cắt thận rộng rãi + nạo vết hạch[Gây tê]		lần	1	3.279.000	2.982.288	4.232.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật cắt thận/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2551	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH231	Theo dõi nhãn áp 3 ngày		lần	1	115.000	107.000	107.000	--/Nghiệm pháp phát hiện Glôcôm
CA675	Các phẫu thuật đường mật khác		lần	1	4.871.000	4.699.000	4.699.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm keo sinh học, đầu dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô, Stent, chi phí DSA./Phẫu thuật điều trị bệnh lý gan hoặc mật khác
PH981	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng trái/phải		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
PH2433	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1267	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp		lần	1	4.830.000	4.616.000	4.616.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
XE18	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công		lần	1	56.800	56.000	56.000	--/Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...)
CH906	Chụp Xquang khớp vai thẳng [thẳng và nghiêng][Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA404	Cắt thị thần kinh		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2--/Khoét bỏ nhãn cầu
PH1274	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun		lần	1	4.671.000	4.499.000	4.499.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi./Phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
CA751	Cấy chỉ điều trị khản tiếng		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DO119	Đo hoạt độ Amylase [Máu]		lần	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...
DO121	Đo thị trường chu biên		lần	1	29.600	28.800	28.800	Thủ thuật loại 1--/Đo thị trường, ám điểm
CH843	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA656	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
CA544	Cắt toàn bộ dạ dày		lần	1	7.610.000	7.266.000	7.266.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, kẹp khóa mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt dạ dày
PH1435	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA442	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non - trực tràng		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại DB--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
PH2601	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
SI132	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo		lần	1	393.000	382.000	382.000	Thủ thuật loại 3--/Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo
SI106	Siêu âm Doppler động mạch tử cung		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
BO69	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu[Gây tê]		lần	1	3.859.000	3.500.907	4.947.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA421	Cắt toàn bộ thận và niệu quản		lần	1	4.404.000	4.232.000	4.232.000	Phẫu thuật loại DB--/Phẫu thuật cắt thận
PH1434	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CH940	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R32]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CH963	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [Trẻ em]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
PH1264	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2493	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mòm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
BO68	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.859.000	3.500.907	4.947.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1047	Cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CA1110	Cắt toàn bộ thận và niệu quản[Gây tê]		lần	1	3.279.000	2.982.288	4.232.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt thận/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH958	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi		lần	1	6.943.000	6.686.000	6.686.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật điều trị bệnh lý lồng ngực khác
CH891	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH887	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA429	Các phẫu thuật ruột thừa khác		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
CA518	Cắt 2/3 dạ dày do ung thư		lần	1	5.125.000	4.913.000	4.913.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, kẹp khóa mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt bán phần dạ dày
CA626	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân		lần	1	3.446.000	3.345.000	3.345.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA650	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1056	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1104	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2575	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung[Gây tê]		lần	1	3.048.000	2.723.585	3.668.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1138	Phẫu thuật trĩ độ 3		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH2387	Phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH888	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA410	Cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA1103	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư-[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA418	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da		lần	1	5.517.000	5.305.000	5.305.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt bàng quang
CA408	Cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CA532	Cắt bề cùng giác mạc (Trabeculectomy)		lần	1	1.140.000	1.104.000	1.104.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt bề
CA632	Cắt lách do chấn thương		lần	1	4.644.000	4.472.000	4.472.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt lách
CA628	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân		lần	1	2.839.000	2.772.000	2.772.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại 3 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
PH1001	Phẫu thuật cắt polyp mũi bằng Laser		lần	1	3.176.000	3.053.000	3.053.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi đóng lỗ rò xoang lê bằng laser hoặc nhiệt
TA86	Tạo hình phần nối bể thận- niệu quản		lần	1	5.749.000	5.390.000	5.390.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt niệu quản hoặc tạo hình niệu quản hoặc tạo hình bể thận (do bệnh lý hoặc chấn thương)
CA1100	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng[Gây tê]		lần	1	3.262.000	2.946.465	3.876.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mổ bụng cắt tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1085	Cắt u nang buồng trứng[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mổ bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO424	Nối gân gấp[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1052	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt		lần	1	4.356.000	4.140.000	4.140.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật đa chấn thương vùng hàm mặt
PH899	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu		lần	1	4.400.000	4.228.000	4.228.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ²

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1129	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng[Gây tê]		lần	1	5.505.000	5.067.365	6.130.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA240	Dẫn lưu áp xe ruột thừa[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA118	Dẫn lưu nang ống mật chủ		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
HU73	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang[Gây tê]		lần	1	1.857.000	1.588.718	2.741.000	Phẫu thuật loại 2--/Huỷ thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DO109	Đo khúc xạ giác mạc Javal		lần	1	38.300	36.200	36.200	--/Đo Javal
NO391	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]		lần	1	520.000	514.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây mê)
SI124	Sinh thiết thận qua da dưới siêu âm		lần	1	1.025.000	1.002.000	1.002.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Sinh thiết gan hoặc thận dưới hướng dẫn của siêu âm
DU07	Đường máu mao mạch		mg/dL	1	15.500	15.200	15.200	--/Đường máu mao mạch
TH450	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)		lần	1	32.000	29.900	29.900	--/Test trắc nghiệm tâm lý
SI143	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)		lần	1	63.200	59.500	59.500	--/Siêu âm mắt chẩn đoán
CA423	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
CA645	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1077	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH355	Chọc hút kim nhỏ các hạch		lần	1	276.000	258.000	258.000	Thủ thuật loại 3--/Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học qua chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA)
CH354	Chọc hút kim nhỏ mô mềm		lần	1	276.000	258.000	258.000	Thủ thuật loại 3--/Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học qua chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA)
DA129	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
PH1057	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
PH1510	Phẫu thuật tụ mũ dưới màng cứng		lần	1	7.144.000	6.843.000	6.843.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật áp xe não
DI521	Định lượng BNP (B-Type Natriuretic Peptide) [Máu]		lần	1	590.000	581.000	581.000	BNP (B - Type Natriuretic Peptide)/ Giá áp dụng cho bệnh nhân SUY THẬN
CA406	Cắt đoạn xương bàn chân trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH2450	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm²[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm²/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2535	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi[Gây tê]		lần	1	2.762.000	2.076.340	3.040.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH962	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R18]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA640	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mở mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
PH1197	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles tới muộn		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH1661	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1672	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CH935	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R25]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA411	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH2518	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles tới muộn[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
RU53	Rửa chất nhân tiền phòng		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2--/Mở tiền phòng rửa máu hoặc mủ
SO29	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi		lần	1	915.000	893.000	893.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi bàng quang và gấp dị vật hoặc lấy máu cục
TH442	Thủ thuật cấp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)		lần	1	628.000	587.000	587.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Sân khoa)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO387	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết		lần	1	322.000	305.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết
CA501	Cắt túi mật		lần	1	4.694.000	4.523.000	4.523.000	Phẫu thuật loại 2--/NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt túi mật
RU54	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2--/Mở tiền phòng rửa máu hoặc mủ
PH954	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
XU07	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt		lần	1	968.000	926.000	926.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu vết thương phần mềm, tổn thương vùng mắt
SO19	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương		lần	1	55.300	52.500	52.500	Thủ thuật loại 2--/Soi đáy mắt hoặc soi góc tiền phòng
CA517	Cắt một nửa đại tràng phải, trái		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
CA678	Cắt túi mật		lần	1	4.694.000	4.523.000	4.523.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt túi mật
KH231	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2519	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH237	Thủ thuật nong vòi nhĩ		lần	1	40.600	37.900	37.900	Thủ thuật loại 1--NHI KHOA-/Nong vòi nhĩ
CA1091	Cắt cụt đùi do ung thư[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA455	Cắt u bàng quang đường trên		lần	1	5.691.000	5.434.000	5.434.000	--/Phẫu thuật cắt u bàng quang

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH955	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
XU10	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt		lần	1	968.000	926.000	926.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu vết thương phần mềm, tổn thương vùng mắt
SO25	Soi góc tiền phòng		lần	1	55.300	52.500	52.500	Thủ thuật loại 2--/Soi đáy mắt hoặc soi góc tiền phòng
TH395	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo		lần	1	406.000	388.000	388.000	Thủ thuật loại 1--/Xoắn hoặc cắt bỏ polype âm hộ, âm đạo, cổ tử cung
CA652	Cắt bỏ tinh hoàn		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.321.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
PH1326	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi		lần	1	313.000	295.000	295.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Cắt, tạo hình phanh môi, phanh má hoặc lưỡi (không gây mê)
PH2306	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi		lần	1	3.087.000	2.963.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH2515	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH293	Tháo khớp cổ chân		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
CA1095	Cắt cụt chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA553	Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5 cm		lần	1	729.000	705.000	705.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5 cm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1086	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2419	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ[Gây tê]		lần	1	1.964.000	1.745.496	2.612.000	Phẫu thuật loại 1--/Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2484	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa môm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA440	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
PH1408	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc		lần	1	5.970.000	5.712.000	5.712.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH2582	Phẫu thuật chấn thương tạng sinh môn[Gây tê]		lần	1	3.183.000	2.884.165	3.710.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật chấn thương tạng sinh môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1372	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2350	Phẫu thuật KHX gãy đài quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
SU04	Sửa sẹo bỏng bằng kim (Phẫu thuật needling)		lần	1	88.400	82.100	82.100	Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê)
TH236	Thụt tháo		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3--/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
CH937	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R27]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA610	Cắt u da mi không ghép		lần	1	756.000	724.000	724.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật u mi không vá da
PH1099	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép		lần	1	3.136.000	3.044.000	3.044.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên
SI131	Sinh thiết tổ chức mi		lần	1	150.000	150.000	150.000	Phẫu thuật loại 3--/Sinh thiết u, tế bào học, dịch tổ chức
BE03	Bé cuốn mũi		lần	1	144.000	133.000	133.000	Thủ thuật loại 2--/Bé cuốn mũi
SU05	Súc rửa vòm họng trong xạ trị		lần	1	30.000	27.400	27.400	Thủ thuật loại 3--/Rửa tai, rửa mũi, xông họng
TH448	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3--/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
CA595	Cắt u lành dương vật		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
PH1098	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	3.136.000	3.044.000	3.044.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1271	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh		lần	1	15.196.000	14.645.000	14.645.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, dung dịch bảo vệ tạng, dây truyền dung dịch bảo vệ tạng./Phẫu thuật các mạch máu lớn (động mạch chủ ngực hoặc bụng hoặc cảnh hoặc thận)
PH1639	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
TA84	Tách màng ngăn âm hộ		lần	1	2.759.000	2.660.000	2.660.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo
BO33	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè		lần	1	152.000	144.000	144.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó vớ xương bánh chè không có chỉ định mổ
HU66	Hút đờm hầu họng		lần	1	12.200	11.100	11.100	Thủ thuật loại 3--/Hút đờm
TE45	Test chẩn đoán nhược cơ bằng điện sinh lý		lần	1	131.000	128.000	128.000	--/Điện cơ (EMG)
SI185	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
PH1081	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng Laser		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
PH2634	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay[Gây tê]		lần	1	3.930.000	3.615.298	4.616.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TA69	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi		lần	1	1.560.000	1.512.000	1.512.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm ống silicon./Phẫu thuật tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi
HB26	HBsAg test nhanh		.	1	55.400	53.600	53.600	--/HBsAg (nhanh)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA562	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm		lần	1	1.914.000	1.784.000	1.784.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
PH1358	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	3.036.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy gò má cung tiếp 2 bên
TA63	Tán sỏi thận qua da		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
BO29	Bóc giả mạc		lần	1	88.400	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3--/Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê)
TA53	Tập các kiểu thở		lần	1	31.100	30.100	30.100	Thủ thuật loại 3--/Vật lý trị liệu hô hấp
TH297	Thụt tháo phân		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
GI211	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	252.100	223.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
PH1037	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
PH1314	Phẫu thuật vết thương sọ não hở		lần	1	5.596.000	5.383.000	5.383.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ./Phẫu thuật vết thương sọ não hở
KH107	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ		lần	1	248.000	237.000	237.000	Thủ thuật loại 1--/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài $\geq$ 10 cm
CA1023	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)		lần	1	1.340.000	1.242.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
PH910	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chì thép		lần	1	2.385.000	2.241.000	2.241.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Răng Hàm Mất)
TA60	Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/Laser		lần	1	5.087.000	4.728.000	4.728.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Ngoại khoa)
BO38	Bơm rửa lệ đạo		lần	1	38.300	36.700	36.700	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Bơm rửa lệ đạo
TA72	Tập đi với chân giả dưới gối		lần	1	30.600	29.000	29.000	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
TH460	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)		lần	1	64.200	61.400	61.400	Thủ thuật loại 2--/Thủy trị liệu
CH941	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R33]		lần	1	20.700	18.900	18.900	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1108	Cắt nối niệu đạo sau[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA469	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
PH1602	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang		lần	1	3.923.000	3.766.000	3.766.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
PH2286	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	2.385.000	2.241.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Răng Hàm Mặt)
TA56	Tập đi với chân giả trên gối		lần	1	30.600	29.000	29.000	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
TI87	Tiêm bắp thịt		lần	1	12.800	11.400	11.400	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm (bắp hoặc dưới da hoặc tĩnh mạch)
SI170	Siêu âm ổ bụng		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
DI840	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
PH1234	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
DI508	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]		lần	1	65.600	64.600	64.600	--/T3/FT3/T4/FT4 (1 loại)
CA1062	Cắt ruột thừa đơn thuần[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2388	Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1166	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng		lần	1	2.657.000	2.564.000	2.564.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
PH2486	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đực, mỗ, nạo, dẫn lưu[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỗ mổ cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA699	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
RU32	Rửa dạ dày cấp cứu		lần	1	131.000	119.000	119.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Rửa dạ dày
TA57	Tập đi với gậy		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
VI19	Vi nấm soi tươi		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
CH942	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R34]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
PH2662	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ.
PH1429	Phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH2589	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối[Gây tê]		lần	1	3.262.000	2.946.465	3.876.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2487	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đực, mỗ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỗ mổ cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH433	Tháo khớp chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi
TA79	Tập đi với khung tập đi		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
CA1113	Cắt thận đơn thuần[Gây tê]		lần	1	3.279.000	2.982.288	4.232.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt thận/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2377	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi[Gây tê]		lần	1	1.589.000	1.463.568	1.756.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật dẫn lưu màng phổi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1493	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng chu kỳ		lần	1	7.476.000	7.275.000	7.275.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng
PH1173	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr		lần	1	3.216.000	3.093.000	3.093.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật nội soi cắt túi mật
PH2322	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang		lần	1	3.311.000	3.188.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
PH1511	Phẫu thuật viêm xương sọ		lần	1	5.646.000	5.389.000	5.389.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm nẹp, ghim, ốc, vít./Phẫu thuật điều trị viêm xương sọ hoặc hàm mặt
TH353	Tháo khớp cổ chân do ung thư		lần	1	2.953.000	2.754.000	2.754.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ung bướu)
TH522	Tháo khớp cổ chân[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TA78	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
CA509	Cắt thần kinh X chọn lọc		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt dây chằng gỡ dính ruột
CA433	Cắt u mạc treo ruột		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
PH1309	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ định
PH2599	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH962	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1318	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
TH507	Thay huyết tương sử dụng huyết tương		lần	1	1.672.000	1.636.000	1.636.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin./Lọc tách huyết tương (01 lần)
CA484	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ		lần	1	3.237.000	3.093.000	3.093.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt u bạch mạch lớn vùng hàm mặt
PH1308	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH1145	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
PH1042	Phẫu thuật vỡ xoang hàm		lần	1	5.453.000	5.336.000	5.336.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật chấn thương xoang sàng - hàm
TA70	Tập điều hợp vận động		lần	1	51.400	46.900	46.900	--/Tập vận động toàn thân
PH2347	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1665	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1109	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
TH428	Tháo khớp gối		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
SI150	Siêu âm can thiệp - chọc hút mũ ổ áp xe gan		lần	1	568.000	558.000	558.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm can thiệp điều trị áp xe hoặc u hoặc nang trong ổ bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TA81	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động		lần	1	51.400	46.900	46.900	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động toàn thân
PH1468	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)		lần	1	1.988.000	1.970.000	1.970.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm thể thủy tinh nhân tạo. /Phẫu thuật đặt IOL (1 mắt)
PH1370	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng		lần	1	3.699.000	3.570.000	3.570.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm đỉnh, nếp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cổ định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật điều trị xơ cứng gân cơ hoặc xơ cứng khớp
PH1107	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
PH1659	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật		lần	1	3.986.000	3.816.000	3.816.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi./Phẫu thuật nội soi cắt túi mật - mở ống mật chủ lấy sỏi và nối mật - ruột
PH1768	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.321.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
SI102	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang gan		lần	1	568.000	558.000	558.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm can thiệp điều trị áp xe hoặc u hoặc nang trong ổ bụng
TH356	Thở máy bằng xâm nhập		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Thở máy (01 ngày điều trị)
CA481	Cắt thị thần kinh		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Khoét bỏ nhãn cầu
PH2572	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng[Gây tê]		lần	1	2.960.000	2.749.080	3.570.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm đỉnh, nếp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cổ định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật điều trị xơ cứng gân cơ hoặc xơ cứng khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2657	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận		lần	1	4.198.000	4.027.000	4.027.000	Phẫu thuật loại 1-
PH1550	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ		lần	1	6.832.000	6.575.000	6.575.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
PH2382	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.321.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
SI187	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe		lần	1	620.000	597.000	597.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
PH1422	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
PH1188	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)		lần	1	1.921.000	1.837.000	1.837.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Mổ quặm 4 mi - gây mê
PH1073	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
PH1006	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)		lần	1	2.887.000	2.777.000	2.777.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở xoang lấy răng ngầm
TH439	Thông bàng quang		lần	1	94.300	90.100	90.100	Thủ thuật loại 3--/Thông đái
TH355	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi
SI165	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe gan		lần	1	620.000	597.000	597.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
CA603	Cắt u nang buồng trứng		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u nang buồng trứng hoặc cắt phần phụ
PH2462	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH948	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp		lần	1	803.000	752.000	752.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật điều trị u dưới móng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH514	Thăm dò, sinh thiết gan[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH526	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA743	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
TA82	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động		lần	1	51.400	46.900	46.900	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động toàn thân
CA579	Cắt u nang buồng trứng		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
PH1368	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
PH1445	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương		lần	1	5.596.000	5.383.000	5.383.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ./Phẫu thuật vết thương sọ não hở
PH1750	Phẫu thuật hẹp khe mi		lần	1	687.000	643.000	643.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật hẹp khe mi
TH233	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	2.621.000	2.477.000	2.477.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại bỏ hoại tử ổ loét vết thương mạn tính
TH306	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
SI117	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bằng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí
CA514	Cắt toàn bộ thận và niệu quản		lần	1	4.404.000	4.232.000	4.232.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt thận
PH1061	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2460	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI483	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]		lần	1	65.600	64.600	64.600	--/T3/FT3/T4/FT4 (1 loại)
DO94	Đo độ lồi		lần	1	59.600	54.800	54.800	Thủ thuật loại 3--/Đo đường kính giác mạc; đo độ lồi
CH956	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R12]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
PH1652	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1363	Phẫu thuật tái tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng vật da, cân cơ, xương		lần	1	6.054.000	5.937.000	5.937.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tái tạo vùng đầu cổ mặt bằng vật da cơ xương
PH2545	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1117	Cắt toàn bộ thận và niệu quản[Gây tê]		lần	1	3.279.000	2.982.288	4.232.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật cắt thận/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1022	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng		lần	1	4.034.000	3.876.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung
PH1114	Phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1505	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2546	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2560	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA592	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng		lần	1	4.034.000	3.876.000	3.876.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung
PH1396	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em		lần	1	5.087.000	4.728.000	4.728.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Ngoại khoa)
TH520	Tháo đốt bàn[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mồm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH478	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm		lần	1	620.000	597.000	597.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
TA93	Tập vận động có trợ giúp		lần	1	51.400	46.900	46.900	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động toàn thân
TI77	Tiêm gân nhị đầu khớp vai		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1099	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng[Gây tê]		lần	1	3.262.000	2.946.465	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1449	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt		lần	1	4.356.000	4.140.000	4.140.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật đa chấn thương vùng hàm mặt
PH1627	Phẫu thuật KHX gây lồi cầu trong xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2562	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH351	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư		lần	1	2.953.000	2.754.000	2.754.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ung bướu)
MY03	Mycobacterium leprae nhuộm soi		lần	1	70.300	68.000	68.000	
CA623	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
NO418	Nối nang tụy với hồng tràng[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH898	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu		lần	1	2.883.000	2.790.000	2.790.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật vắ da nhỏ diện tích < 10 cm2

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2563	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2668	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn – ngón tay		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm gân nhân tạo.
VI35	Virus PCR		lần	1	748.000	734.000	734.000	
CH320	Chụp Xquang Blondeau[Blondeau + Hirtz số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA1026	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
PH2635	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp[Gây tê]		lần	1	3.930.000	3.615.298	4.616.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
SO20	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh		lần	1	336.000	319.000	319.000	Thủ thuật loại 2--/Thủ thuật loại II (Nội khoa)
CA643	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
PH1112	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn		lần	1	1.979.000	1.898.000	1.898.000	Phẫu thuật loại 1--/Khâu rách cùng đồ âm đạo
PH953	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH1093	Phẫu thuật tổn thương gân Achille		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH1437	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán		lần	1	5.596.000	5.383.000	5.383.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ./Phẫu thuật vết thương sọ não hở

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
SO32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu		lần	1	1.008.000	989.000	989.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Tạo nhịp cấp cứu ngoài lồng ngực
TH246	Thông tiêu		lần	1	94.300	90.100	90.100	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thông đái
TI96	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)		lần	1	37.900	36.900	36.900	--/Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu bằng phương pháp thủ công
CH357	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp		lần	1	276.000	258.000	258.000	Thủ thuật loại 2--/Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học qua chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA)
PH2327	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2292	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2524	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1301	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 1--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Mở sào bào - thượng nhĩ
TR47	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ[Gây tê]		lần	1	2.245.000	1.975.981	2.860.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
VA10	Vá nhĩ đơn thuần		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Vá nhĩ đơn thuần
TA89	Tập với thang tường		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
CH936	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R26]		lần	1	20.700	18.900	18.900	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1046	Cắt u buồng trứng qua nội soi		lần	1	5.229.000	5.071.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
MO70	Mô quặm bẩm sinh		lần	1	1.277.000	1.235.000	1.235.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mô quặm 1 mi - gây mê
RU44	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mở tiền phòng rửa máu hoặc mủ
XU08	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt		lần	1	968.000	926.000	926.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm, tổn thương vùng mắt
SO28	Soi góc tiền phòng		lần	1	55.300	52.500	52.500	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Soi đáy mắt hoặc soi góc tiền phòng
SO27	Soi trực tràng		lần	1	198.000	189.000	189.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
TA54	Tập với xe đạp tập		lần	1	12.500	11.200	11.200	--/Tập với xe đạp tập
CA1120	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời[Gây tê]		lần	1	3.930.000	3.615.298	4.616.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2520	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH908	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	2.385.000	2.241.000	2.241.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Răng Hàm Mặt)
PH2608	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
RU37	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương		lần	1	1.777.000	1.731.000	1.731.000	Phẫu thuật loại 2--/Rút đinh hoặc tháo phương tiện kết hợp xương
RU55	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật		lần	1	2.830.000	2.686.000	2.686.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương một bên
XU06	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp		lần	1	3.868.000	3.710.000	3.710.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
XU13	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp[Gây tê]		lần	1	3.183.000	2.884.165	3.710.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH314	Thụt giữ		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3--/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
CA554	Cắt u da đầu lạnh, đường kính từ 5 cm trở lên		lần	1	1.156.000	1.126.000	1.126.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Cắt u da đầu lạnh, đường kính từ 5 cm trở lên
CA392	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm		lần	1	1.914.000	1.784.000	1.784.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
CA636	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi		lần	1	4.078.000	3.950.000	3.950.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt tuyến tiền liệt qua nội soi
PH907	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu		lần	1	2.385.000	2.241.000	2.241.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Răng Hàm Mặt)
RU70	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật[Gây tê]		lần	1	2.172.000	1.995.863	2.686.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương một bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
AP03	Áp lạnh họng hạt (Nitor, CO2 lỏng)		lần	1	151.000	148.000	148.000	Thủ thuật loại 2--/Đốt họng bằng khí Nitơ lỏng
SU06	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kê tiền thuốc)		lần	1	161.000	155.000	155.000	--Chưa bao gồm hoá chất. Áp dụng với bệnh nhân ngoại trú/Truyền hóa chất tĩnh mạch [ngoại trú]
PH1359	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chi thép		lần	1	3.036.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy gò má cung tiếp 2 bên
TA106	Tách màng ngăn âm hộ[Gây tê]		lần	1	2.039.000	1.794.711	2.660.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
BO70	Bỏ thuốc		lần	1	53.100	50.500	50.500	Thủ thuật loại 3-
TA62	Tán sỏi ngoài cơ thể định vị bằng X quang hoặc siêu âm		lần	1	2.412.000	2.388.000	2.388.000	Thủ thuật loại 1--/Tán sỏi ngoài cơ thể bằng sóng xung (thủy điện lực)
TA73	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)		lần	1	30.600	29.000	29.000	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
TE44	Test hồi phục phế quản.		lần	1	179.000	172.000	172.000	--/Test hồi phục phế quản

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH239	Thụt tháo phân		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
GI195	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	192.100	170.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
CA1048	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm		lần	1	1.914.000	1.784.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
PH2289	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	3.036.000	2.944.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy gò má cung tiếp 2 bên
TA61	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi + siêu âm/ có C.Arm		lần	1	5.087.000	4.728.000	4.728.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Ngoại khoa)
TA64	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
BO28	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)		lần	1	88.400	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3--/Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê)
BO67	Bơm thông lệ đạo		lần	1	98.600	94.400	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Thông lệ đạo hai mắt
CA490	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên		lần	1	479.000	455.000	455.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt u lợi đường kính từ 2cm trở lên
CA1045	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên		lần	1	479.000	455.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Cắt u lợi đường kính từ 2cm trở lên
PH909	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	2.385.000	2.241.000	2.241.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Răng Hàm Mặt)
PH1361	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
PH2663	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại ĐB-Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ.
TA68	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes		lần	1	3.129.000	3.044.000	3.044.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt túi sa niệu quản bằng nội soi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA403	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	258.000	246.000	246.000	Thủ thuật loại 2--Áp dụng đối với bệnh Pemphigus hoặc Pemphigoid hoặc ly thượng bì bong nước bẩm sinh hoặc vết loét bàn chân do đái tháo đường hoặc vết loét, hoại tử ở bệnh nhân phong hoặc vết loét, hoại tử do tỳ đề. /Thay băng cắt lọc vết thương mạn tính
CA1025	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm		lần	1	439.000	415.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Cắt u lợi, lợi xơ để làm hàm giả
CA788	Cắt u sau phúc mạc		lần	1	5.970.000	5.712.000	5.712.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH2278	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	2.736.000	2.644.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
TA49	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày		lần	1	4.400.000	4.228.000	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích $\geq 10 \text{ cm}^2$
CA486	Cắt phanh lưỡi		lần	1	745.000	729.000	729.000	Thủ thuật loại 2--/Trích rạch apxe thành sau họng (gây mê)
TI99	Tiêm cạnh nhãn cầu		lần	1	50.300	47.500	47.500	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc./Tiêm hậu nhãn cầu một mắt
TI82	Tiêm cạnh nhãn cầu		lần	1	50.300	47.500	47.500	Thủ thuật loại 2--NHI KHOA-Chưa bao gồm thuốc./Tiêm hậu nhãn cầu một mắt
CA551	Cắt u lưỡi lành tính		lần	1	2.953.000	2.754.000	2.754.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ung bướu)
PH1249	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay		lần	1	2.457.000	2.318.000	2.318.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật giải áp thần kinh
TA107	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích $< 10 \text{ cm}^2$ /Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TA109	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày[Gây tê]		lần	1	3.665.000	3.411.679	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ² /Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA617	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn		lần	1	758.000	682.000	682.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO ₂ , cắt bỏ thương tổn
CA757	Cấy chi chàm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)
TA80	Tập đi với thanh song song		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
TI64	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu ngoài) xương cánh tay		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
PH1250	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ		lần	1	2.457.000	2.318.000	2.318.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật giải áp thần kinh
PH1251	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay		lần	1	2.457.000	2.318.000	2.318.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật giải áp thần kinh
PH2490	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1127	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên		lần	1	3.102.000	2.945.000	2.945.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai lần thứ 2 trở lên
TA50	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng		lần	1	2.883.000	2.790.000	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm ²
CA686	Cấy chi chàm điều trị liệt các dây thần kinh		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
TI75	Tiêm điểm bám gân móm cùng vai		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
TI66	Tiêm điểm bám gân móm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
CH943	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R35]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA547	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1523	Phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên		lần	1	2.637.000	2.493.000	2.493.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình môi một bên
TA108	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TA110	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng[Gây tê]		lần	1	3.665.000	3.411.679	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥10 cm2/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA730	Cấy chi điều trị bại não		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
TI65	Tiêm điểm bám gân móm trâm quay (móm trâm trụ)		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA1119	Cắt đường rò bàng quang rốn, khâu lại bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.555.000	3.268.327	4.415.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật đóng dò bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA573	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mắt đường kính dưới 5 cm		lần	1	2.737.000	2.627.000	2.627.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt u nhỏ lành tính phần mềm vùng hàm mắt (gây mê nội khí quản)
PH1731	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo có viêm xương cho người bệnh phong		lần	1	652.000	628.000	628.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật điều trị lỗ đáo có viêm xương
TA66	Tạo hình khuyết da đầu bằng vật da tại chỗ		lần	1	4.986.000	4.770.000	4.770.000	Phẫu thuật loại 1--/Kỹ thuật tạo vật da có cuống mạch liền điều trị vết thương, sẹo
CA685	Cấy chi điều trị bệnh tự kỷ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
TA74	Tập lên, xuống cầu thang		lần	1	30.600	29.000	29.000	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
TI74	Tiêm điểm bám gân móm trâm quay (trâm trụ)		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA489	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mắt đường kính trên 5 cm		lần	1	1.353.000	1.334.000	1.334.000	Phẫu thuật loại 2--/Mô cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây mê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1199	Phẫu thuật điều trị màng sườn di động		lần	1	6.943.000	6.686.000	6.686.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật điều trị bệnh lý lồng ngực khác
TH429	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc		lần	1	1.160.000	1.112.000	1.112.000	Phẫu thuật loại 1--/Khâu củng mạc phức tạp
CA697	Cấy chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH384	Chọc hút tế bào tuyến giáp		lần	1	116.000	110.000	110.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc hút tế bào tuyến giáp
TA76	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)		lần	1	308.000	302.000	302.000	Thủ thuật loại 3--/Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
TI63	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA493	Cắt u môi lành tính có tạo hình		lần	1	1.266.000	1.234.000	1.234.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật u có và da tạo hình
PH960	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi		lần	1	6.943.000	6.686.000	6.686.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật điều trị bệnh lý lồng ngực khác
PH1256	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên		lần	1	4.670.000	4.498.000	4.498.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật giải ép thần kinh hoặc khoan thăm dò sọ
PH1632	Phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
TH258	Thăm dò, sinh thiết gan		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hỗng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
CA732	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA689	Cấy chỉ điều trị đau lưng		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA578	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u nang buồng trứng hoặc cắt phần phụ
CA591	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung		lần	1	6.368.000	6.111.000	6.111.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
TH292	Tháo bỏ các ngón chân		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa môm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
CA709	Cấy chi điều trị hội chứng vai gáy		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)
TA83	Tập nhược thị		lần	1	36.100	31.700	31.700	--/Điều trị Laser hồng ngoại; Tập nhược thị
TH309	Thận nhân tạo (ở người đã có mở thông động tĩnh mạch)		lần	1	567.000	543.000	543.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Quả lọc dây máu dùng 6 lần./Thận nhân tạo chu kỳ
TI101	Tiêm dưới kết mạc		lần	1	50.300	47.500	47.500	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc./Tiêm dưới kết mạc một mắt
CH951	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R45]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
PH969	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
TH518	Tháo bỏ các ngón chân[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa môm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA731	Cấy chi điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
CA770	Cấy chi điều trị viêm mũi dị ứng		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)
TI78	Tiêm gân gấp ngón tay		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1081	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1082	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2406	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH432	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa môm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
TA90	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng		lần	1	51.400	46.900	46.900	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động toàn thân
TA75	Tập tri giác và nhận thức		lần	1	45.300	41.800	41.800	Thủ thuật loại 3--/Tập do liệt thần kinh trung ương
CA580	Cắt u nang buồng trứng xoắn		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
MO145	Mở dạ dày lấy bã thức ăn[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2279	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản		lần	1	2.655.000	2.562.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1332	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
TH519	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mồm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA779	Cấy chi điều trị viêm quanh khớp vai		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
TI73	Tiêm gân gót		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA602	Cắt u nang buồng trứng xoắn		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
PH2407	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH523	Tháo khớp cổ tay[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA755	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH428	Chọc dò dịch não tủy		lần	1	114.000	107.000	107.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm kim chọc dò./Chọc dò tủy sống
TA71	Tập vận động thụ động		lần	1	51.400	46.900	46.900	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động toàn thân
TI90	Tiêm khớp háng		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CH952	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R46]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA1083	Cắt u nang buồng trứng xoắn[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2396	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH352	Tháo khớp gối do ung thư		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
TA87	Tập với dụng cụ chèo thuyền		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
TI68	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
TI76	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA1080	Cắt u nang buồng trứng[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1272	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1242	Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
CH376	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
CH418	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc dò màng tim
TA77	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi		lần	1	12.500	11.200	11.200	--/Tập luyện với ghế tập cơ bốn đầu đùi
CA463	Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi		lần	1	3.125.000	3.002.000	3.002.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi cắt u hạ họng hoặc hồ lưỡi thanh thiệt
PH989	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
TH517	Tháo khớp gối do ung thư[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TA55	Tập với ròng rọc		lần	1	12.500	11.200	11.200	--/Tập với hệ thống ròng rọc
TI106	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
CA417	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang		lần	1	5.691.000	5.434.000	5.434.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt u bàng quang
PH984	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng có cắt nối ruột		lần	1	4.465.000	4.293.000	4.293.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt nối ruột
TH515	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường[Gây tê]		lần	1	1.842.000	1.537.236	2.477.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại bỏ hoại tử ổ loét vết thương mạn tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH436	Tháo khớp vai		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
CH415	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter		lần	1	150.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút khí màng phổi
TI83	Tiêm hậu nhãn cầu		lần	1	50.300	47.500	47.500	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chưa bao gồm thuốc./Tiêm hậu nhãn cầu một mắt
CA1125	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang[Gây tê]		lần	1	4.286.000	3.871.741	5.434.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt u bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA587	Cắt u phần mềm vùng cổ		lần	1	2.737.000	2.627.000	2.627.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt u nhỏ lành tính phần mềm vùng hàm mặt (gây mê nội khí quản)
PH985	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt dây chằng gỡ dính ruột
TH527	Tháo khớp vai[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH386	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp		lần	1	170.000	166.000	166.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc hút dịch điều trị u nang giáp
CH385	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng dẫn của siêu âm		lần	1	228.000	221.000	221.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc hút dịch điều trị u nang giáp dưới hướng dẫn của siêu âm
TI98	Tiêm hậu nhãn cầu		lần	1	50.300	47.500	47.500	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc./Tiêm hậu nhãn cầu một mắt
TI80	Tiêm hội chứng DeQuervain		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CH489	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1521	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm mạng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2547	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2337	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
TE29	Test áp (Patch test) với các loại thuốc		lần	1	530.000	521.000	521.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Test áp bì (Patch test) đặc hiệu với thuốc (Đối với 6 loại thuốc) hoặc mỹ phẩm
PH1491	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
TH528	Tháo một nửa bàn chân trước[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH296	Tháo xoắn ruột non		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt dây chằng đỡ dính ruột
CH336	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc dò màng tim
CH341	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chọc dò màng tim
HU51	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm (Bác sĩ chuyên khoa cơ xương khớp được đào tạo chọc hút dịch khớp)
TI70	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH451	Thang đánh giá lo âu - Hamilton		lần	1	22.000	19.900	19.900	--/Test tâm lý BECK/ZUNG
CA1017	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi		lần	1	4.078.000	3.950.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt tuyến tiền liệt qua nội soi
CA524	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt		lần	1	1.266.000	1.234.000	1.234.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật u có vảy da tạo hình
PH1526	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
TH257	Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái)		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
CH306	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang giáp		lần	1	170.000	166.000	166.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Chọc hút dịch điều trị u nang giáp
TE43	Test kích thích phế quản không đặc hiệu với Methacholine		lần	1	893.000	878.000	878.000	Thủ thuật loại ĐB--/Test kích thích phế quản không đặc hiệu với Methacholine
TI122	Tiêm khớp bàn ngón chân		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CH938	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R28]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CH496	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA582	Cắt u sau phúc mạc		lần	1	5.970.000	5.712.000	5.712.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH2362	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein		lần	1	3.351.000	3.258.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TE50	Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh		lần	1	383.000	377.000	377.000	Thủ thuật loại 1--/Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với các loại thuốc (Đối với 6 loại thuốc hoặc vacxin hoặc huyết thanh)
TI110	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
TE26	Test phát hiện khô mắt		lần	1	42.100	39.600	39.600	--/Test thử cảm giác giác mạc
PH2553	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH346	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
TH310	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
CH916	Chọc hút dịch vành tai		lần	1	56.800	52.600	854.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 3--/Chọc hút dịch vành tai
CH370	Chọc hút khí màng phổi		lần	1	150.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc hút khí màng phổi
TE33	Test lấy da với các dị nguyên		lần	1	337.000	334.000	334.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với các dị nguyên hô hấp hoặc thức ăn hoặc sữa
TE32	Test lấy da với các dị nguyên		lần	1	383.000	377.000	377.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với các loại thuốc (Đối với 6 loại thuốc hoặc vacxin hoặc huyết thanh)
TI120	Tiêm khớp bàn ngón tay		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA598	Cắt u sùi đầu miệng sáo		lần	1	1.298.000	1.206.000	1.206.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ung bướu)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1520	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
TH516	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH361	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	250.000	242.000	242.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng cắt lọc vết bỏng diện tích dưới 10% diện tích cơ thể
TI108	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
CH427	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng quang niệu quản		lần	1	221.000	206.000	206.000	--/Chụp bàng quang có bơm thuốc cản quang
CA599	Cắt u thận lạnh		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
PH2349	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác		lần	1	3.351.000	3.258.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
CH414	Chọc hút mũ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	183.000	176.000	176.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
TE30	Test nội bì		lần	1	395.000	389.000	389.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Test nội bì nhanh đặc hiệu với thuốc hoặc vaccin hoặc huyết thanh
TI123	Tiêm khớp cổ chân		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1387	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do thủng ruột: dẫn lưu ổ bụng, làm hậu môn nhân tạo		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
BO42	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất		lần	1	209.000	198.000	198.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm hóa chất./Rửa bàng quang
CA436	Cầm máu mũi bằng Merocel		lần	1	279.000	275.000	275.000	Thủ thuật loại 2--/Cầm máu mũi bằng Merocell (2 bên)
CA783	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH426	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ		lần	1	116.000	110.000	110.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc hút hạch hoặc u
DA128	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ		lần	1	188.000	185.000	185.000	Thủ thuật loại 1--/Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục
TH359	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em		lần	1	250.000	242.000	242.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng cắt lọc vết bỏng diện tích dưới 10% diện tích cơ thể
CA807	Cắt u thành âm đạo		lần	1	2.128.000	2.048.000	2.048.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u thành âm đạo
CA1054	Cắt u thành âm đạo[Gây tê]		lần	1	1.577.000	1.390.243	2.048.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt u thành âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1518	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm mạng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
BO52	Bơm thông lệ đạo		lần	1	98.600	94.400	94.400	Thủ thuật loại 1--/Thông lệ đạo hai mắt
CA413	Cầm máu thực quản qua nội soi		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
CH421	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
TE47	Test nội bì chậm đặc hiệu với thuốc		lần	1	482.000	475.000	475.000	Thủ thuật loại 1--/Test nội bì chậm đặc hiệu với thuốc hoặc vacxin hoặc huyết thanh

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TE46	Test nội bì chậm đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh		lần	1	482.000	475.000	475.000	Thủ thuật loại 1--/Test nội bì chậm đặc hiệu với thuốc hoặc vacxin hoặc huyết thanh
TI111	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
CH944	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R36]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA1051	Cắt u thành âm đạo[Gây tê]		lần	1	1.577.000	1.390.243	2.048.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt u thành âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2556	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1097	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA653	Cắt chỉ khâu kết mạc		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
CH424	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ		lần	1	116.000	110.000	110.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc hút hạch hoặc u
TE49	Test nội bì nhanh đặc hiệu với thuốc		lần	1	395.000	389.000	389.000	Thủ thuật loại 1--/Test nội bì nhanh đặc hiệu với thuốc hoặc vacxin hoặc huyết thanh
TI121	Tiêm khớp cổ tay		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA611	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung		lần	1	6.368.000	6.111.000	6.111.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2343	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng		lần	1	3.351.000	3.258.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
CA612	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung		lần	1	125.000	117.000	117.000	--/Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
CH930	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)		lần	1	114.000	107.000	107.000	Thủ thuật loại ĐB-Chưa bao gồm kim chọc dò.
TE48	Test nội bì nhanh đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh		lần	1	395.000	389.000	389.000	Thủ thuật loại 1--/Test nội bì nhanh đặc hiệu với thuốc hoặc vacxin hoặc huyết thanh
TI109	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
TI114	Tiêm khớp đòn-cùng vai		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
GI54	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	224.700	199.200	199.200	
PH1519	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
PH1374	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1647	Phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA531	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới		lần	1	166.000	158.000	158.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Cắt lợi trùm
CH420	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA478	Cắt vú theo phương pháp Patey + vết hạch nách		lần	1	5.060.000	4.803.000	4.803.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt vú theo phương pháp Patey, cắt khối u vú ác tính + vết hạch nách
PH2557	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA485	Cắt phanh lưỡi		lần	1	313.000	295.000	295.000	Thủ thuật loại 2--/Cắt, tạo hình phanh môi, phanh má hoặc lưỡi (không gây mê)
CH344	Chọc hút dịch vành tai		lần	1	56.800	52.600	52.600	Thủ thuật loại 3--/Chọc hút dịch vành tai
CH348	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận		lần	1	743.000	732.000	732.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm thuốc cản quang nếu có sử dụng./Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của cắt lớp vi tính
SA13	Sắc thuốc thang		lần	1	13.100	12.500	12.500	--Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc./Sắc thuốc thang (1 thang)
TH438	Thận nhân tạo cấp cứu		lần	1	1.565.000	1.541.000	1.541.000	Thủ thuật loại 1--Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận./Thận nhân tạo cấp cứu
CA1128	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung[Gây tê]		lần	1	5.486.000	5.048.365	6.111.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2558	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2272	Phẫu thuật KHX gây mất cá ngoài		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CH304	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
TH360	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em		lần	1	428.000	410.000	410.000	Thủ thuật loại 2--/Thay băng cắt lọc vết bỏng diện tích từ 10% đến 19% diện tích cơ thể
SI193	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CA1127	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung[Gây tê]		lần	1	5.486.000	5.048.365	6.111.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1273	Phẫu thuật điều trị thủng đường mật ngoài gan		lần	1	4.871.000	4.699.000	4.699.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm keo sinh học, đầu dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô, Stent, chi phí DSA./Phẫu thuật điều trị bệnh lý gan hoặc mật khác
PH1653	Phẫu thuật KHX gây trật cổ xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA758	Cấy chỉ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH503	Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)		lần	1	1.565.000	1.541.000	1.541.000	Thủ thuật loại 1--Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận./Thận nhân tạo cấp cứu
CA419	Cắt u tuyến thượng thận (mổ mở)		lần	1	6.374.000	6.117.000	6.117.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt u thượng thận hoặc cắt nang thận
CA577	Cắt u vú lành tính		lần	1	2.962.000	2.862.000	2.862.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
PH1143	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
CA745	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH316	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị		lần	1	183.000	176.000	176.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
CH373	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu		lần	1	183.000	176.000	176.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
TH504	Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần)		lần	1	567.000	556.000	556.000	Thủ thuật loại 2--Quả lọc dây máu dùng 6 lần./Thận nhân tạo chu kỳ
TI91	Tiêm khớp gối		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA791	Cấy chỉ điều trị đái dầm		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA452	Cắt u vú lành tính		lần	1	2.962.000	2.862.000	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
PH2594	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1399	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn		lần	1	12.996.000	12.653.000	12.653.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch./Phẫu thuật thay đoạn mạch nhân tạo
PH1503	Phẫu thuật KHX gãy trật xương sên		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA729	Cấy chi điều trị khàn tiếng		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
CH623	Chọc hút nước tiểu trên xương mu		lần	1	116.000	110.000	110.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc hút hạch hoặc u
TI112	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
GI159	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	224.700	199.200	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
CH961	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R17]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA616	Cắt u vú lành tính		lần	1	2.962.000	2.862.000	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
PH1401	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
PH1645	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
CO18	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn		lần	1	53.000	49.900	49.900	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Cố định gãy xương sườn
SI151	Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm		lần	1	183.000	176.000	176.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
TH232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	414.000	392.000	392.000	Thủ thuật loại 2--/Thủ thuật loại II (Nội tiết)
CH932	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R22]		lần	1	20.700	18.900	18.900	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA552	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản		lần	1	2.737.000	2.627.000	2.627.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Cắt u nhỏ lành tính phần mềm vùng hàm mặt (gây mê nội khí quản)
PH1259	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da lân cận		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
PH1513	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ		lần	1	7.144.000	6.843.000	6.843.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật áp xe não
CA738	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA776	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh tọa		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CU15	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
TH449	Thang đánh giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)		lần	1	37.000	34.900	34.900	--/Test WAIS/ WICS
CA572	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm		lần	1	2.737.000	2.627.000	2.627.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Cắt u nhỏ lành tính phần mềm vùng hàm mặt (gây mê nội khí quản)
PH1260	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
CA712	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CU23	Cứu điều trị hội chứng thất lưng-hông thể phong hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
TH234	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN		lần	1	139.000	134.000	134.000	Thủ thuật loại 2--/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng
TI115	Tiêm khớp ức - sườn		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA713	Cấy chỉ điều trị động kinh		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1055	Cắt bỏ tinh hoàn[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.321.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA558	Cắt u xương sụn lành tính		lần	1	3.870.000	3.746.000	3.746.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học./Phẫu thuật lấy bỏ u xương
PH1257	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
PH1502	Phẫu thuật KHX gãy xương gót		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
TH311	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)		lần	1	253.000	240.000	240.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài > 50cm nhiễm trùng
CA1097	Cắt u xương sụn lành tính[Gây tê]		lần	1	3.123.000	2.915.683	3.746.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học./Phẫu thuật lấy bỏ u xương/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1258	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
PH2649	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung[Gây tê]		lần	1	5.486.000	5.048.365	6.111.000	--/Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA762	Cấy chi điều trị giảm đau do ung thư		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CU19	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
TI116	Tiêm khớp ức đòn		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
DO100	Đo khúc xạ giác mạc Javal		lần	1	38.300	36.200	36.200	Thủ thuật loại 3--/Đo Javal
CA588	Cắt u xương, sụn		lần	1	3.870.000	3.746.000	3.746.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học./Phẫu thuật lấy bỏ u xương
PH1205	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần		lần	1	7.011.000	6.799.000	6.799.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm các loại đinh, nẹp, vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật phục hồi thành ngực (do chấn thương hoặc vết thương)
CA781	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CU16	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
TH313	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)		lần	1	139.000	134.000	134.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng
TH464	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	115.000	112.000	112.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm
TI104	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
CA1098	Cắt u xương, sụn[Gây tê]		lần	1	3.123.000	2.915.683	3.746.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học./Phẫu thuật lấy bỏ u xương/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA470	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1204	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu		lần	1	7.011.000	6.799.000	6.799.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm các loại đinh, nẹp, vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật phục hồi thành ngực (do chấn thương hoặc vết thương)
PH1203	Phẫu thuật điều trị vết thương tim		lần	1	14.180.000	13.836.000	13.836.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học dùng trong phẫu thuật phình tách động mạch./Phẫu thuật tim kín khác
TH312	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)		lần	1	184.000	179.000	179.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng
CA1078	Cắt đoạn xương bàn chân trên người bệnh đái tháo đường[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA466	Cắt ung thư da vùng hàm mặt và tạo hình bằng vật tại chỗ		lần	1	7.972.000	7.629.000	7.629.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật từ xa hoặc tại chỗ
PH2359	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay		lần	1	2.850.000	2.758.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1528	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1136	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
CU20	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
CA556	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình		lần	1	4.019.000	3.789.000	3.789.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế./Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy hoặc tế bào gai vùng mặt + tạo hình vật da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình
CO20	Cổ định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới		lần	1	3.041.000	2.829.000	2.829.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo
PH2431	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA753	Cấy chỉ điều trị hội chứng thất lưng-hông		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
TI62	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)		lần	1	229.000	220.000	220.000	Thủ thuật loại ĐB--/Tạo hình vùng bề bằng Laser
XO254	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)		lần	1	55.800	50.700	50.700	--/Xoa bóp toàn thân
CH939	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R31]		lần	1	20.700	18.900	18.900	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA492	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm		lần	1	1.266.000	1.234.000	1.234.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật u có vá da tạo hình
CA563	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm		lần	1	2.953.000	2.754.000	2.754.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ung bướu)
LA216	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2440	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA752	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH317	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
DA149	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar		lần	1	1.021.000	979.000	979.000	Thủ thuật loại ĐB--/Thủ thuật đặc biệt (Ngoại khoa)
DA126	Dẫn lưu dịch màng bụng		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
CA749	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA564	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm		lần	1	1.914.000	1.784.000	1.784.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
CA454	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống		lần	1	4.404.000	4.232.000	4.232.000	--/Phẫu thuật cắt thận
PH1412	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát		lần	1	4.447.000	4.289.000	4.289.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ú mủ vòi trứng
DA177	Dẫn lưu màng ngoài tim		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc dò màng tim
TH362	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	428.000	410.000	410.000	Thủ thuật loại 2--/Thay băng cắt lọc vết bỏng diện tích từ 10% đến 19% diện tích cơ thể

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TI81	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt		lần	1	12.800	11.400	11.400	--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm (bắp hoặc dưới da hoặc tĩnh mạch)
CA1111	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống[Gây tê]		lần	1	3.279.000	2.982.288	4.232.000	--/Phẫu thuật cắt thận/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2621	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát[Gây tê]		lần	1	2.992.000	3.289.567	4.289.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1104	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel		lần	1	4.465.000	4.293.000	4.293.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt nối ruột
PH1354	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1608	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung		lần	1	3.665.000	3.507.000	3.507.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung
CA451	Cắt vú theo phương pháp Patey + Cắt buồng trứng hai bên		lần	1	5.060.000	4.803.000	4.803.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt vú theo phương pháp Patey, cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách
PH2390	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt[Gây tê]		lần	1	2.042.000	1.884.603	2.461.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2413	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA708	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
TH266	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]		lần	1	139.000	134.000	134.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng
DA111	Dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
PH987	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt dây chằng cố định ruột
PH986	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột		lần	1	4.801.000	4.629.000	4.629.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt ruột non
PH1033	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi		lần	1	5.087.000	4.728.000	4.728.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Ngoại khoa)
PH2586	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần[Gây tê]		lần	1	3.262.000	2.946.465	3.876.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA754	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DA180	Đặt catheter tĩnh mạch cánh để lọc máu cấp cứu		lần	1	1.137.000	1.126.000	1.126.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng
CA444	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng		lần	1	559.000	535.000	535.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắm và cố định lại một răng bật khỏi huyệt ổ răng
PH1067	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh		lần	1	2.129.000	2.012.000	2.012.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Tai Mũi Họng)
PH1630	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2641	Phẫu thuật mở cạnh mũi[Gây tê]		lần	1	3.419.000	3.245.297	4.922.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở cạnh mũi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH443	Thay canuyn mở khí quản		lần	1	253.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2--/Thay canuyn mở khí quản

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH351	Chích áp xe tăng sinh môn		lần	1	831.000	807.000	807.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Chích áp xe tăng sinh môn
PH1118	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân		lần	1	2.168.000	2.106.000	2.106.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân
PH1306	Phẫu thuật sửa móm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
CA724	Cấy chỉ điều trị mất ngủ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DA133	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng
TH396	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	573.000	547.000	547.000	Thủ thuật loại 2--/Thay băng cắt lọc vết bỏng diện tích từ 20% đến 39% diện tích cơ thể
TR32	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Trám bít hố rãnh
GI158	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	252.100	223.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
GI65	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	192.100	170.800	170.800	
CA665	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bì sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em		lần	1	2.407.000	2.298.000	2.298.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bì sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
CA1060	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.321.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA741	Cấy chỉ điều trị nấc		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DA174	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TR28	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1--/Trám bít hố rãnh
CH314	Chích áp xe thành sau họng		lần	1	745.000	729.000	729.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Trích rạch apxe thành sau họng (gây mê)
PH1619	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH991	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)		lần	1	4.465.000	4.307.000	4.307.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân hoặc bệnh lý sản khoa
CA688	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cây chỉ)
DA220	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	1.137.000	1.126.000	1.126.000	Thủ thuật loại 2--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng
TH405	Thay băng điều trị vết thương mạn tính		lần	1	258.000	246.000	246.000	Thủ thuật loại 3--Áp dụng đối với bệnh Pemphigus hoặc Pemphigoid hoặc ly thượng bì bong nước bẩm sinh hoặc vết loét bàn chân do đái tháo đường hoặc vết loét, hoại tử ở bệnh nhân phong hoặc vết loét, hoại tử do tỳ đờ. /Thay băng cắt lọc vết thương mạn tính
TR33	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement (GiC) quang trùng hợp		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Trám bít hố rãnh
CA445	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới		lần	1	166.000	158.000	158.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt lợi trùm
DA152	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng
CH315	Chích áp xe thành sau họng		lần	1	274.000	263.000	263.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Chích rạch apxe thành sau họng (gây tê)
DA153	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp		lần	1	243.000	231.000	231.000	Phẫu thuật loại 3--/Dẫn lưu áp xe tuyến giáp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
HA16	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.321.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1050	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài		lần	1	613.000	602.000	602.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt polyp ống tai gây tê
PH956	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CA1063	Cắt túi thừa tá tràng[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH290	Chích mù mắt		lần	1	473.000	452.000	452.000	Phẫu thuật loại 3--/Chích mù hốc mắt
CH915	Chích nhọt ống tai ngoài		lần	1	197.000	186.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Chích rạch nhọt, Apxe nhỏ dẫn lưu
PH2511	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA701	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA771	Cấy chỉ điều trị teo cơ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/
DA181	Đặt dẫn lưu ổ dịch/áp xe ổ bụng sau mổ dưới siêu âm		lần	1	620.000	597.000	597.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
DA171	Đặt sonde bàng quang		lần	1	94.300	90.100	90.100	Thủ thuật loại 3--/Thông đái
TH462	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	60.000	57.600	57.600	Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế./Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài ≤ 15cm
PH1470	Phẫu thuật Epicanthus		lần	1	872.000	840.000	840.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật Epicanthus (1 mắt)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1625	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2447	Phẫu thuật Lefort[Gây tê]		lần	1	2.322.000	2.109.759	2.783.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật Lefort hoặc Labhart/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH346	Chích áp xe quanh Amidan		lần	1	745.000	729.000	729.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Trích rạch apxe Amidan (gây mê)
DA104	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu		lần	1	807.000	762.000	762.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (HSCC - CD)
TH467	Thay băng trên người bệnh đài tháo đường		lần	1	253.000	240.000	240.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài > 50cm nhiễm trùng
TR42	Truyền hóa chất tĩnh mạch		lần	1	161.000	155.000	155.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm hoá chất. Áp dụng với bệnh nhân ngoại trú/Truyền hóa chất tĩnh mạch [ngoại trú]
TR34	Truyền tĩnh mạch		lần	1	22.800	21.400	21.400	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền./Truyền tĩnh mạch
CH917	Chích áp xe tăng sinh môn		lần	1	831.000	807.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Chích áp xe tăng sinh môn
CH931	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R21]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CH928	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con[Gây tê]		lần	1	2.989.000	2.709.775	3.720.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Vá nhĩ đơn thuần/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA176	Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim		lần	1	1.718.000	1.625.000	1.625.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung./Cấy hoặc đặt máy tạo nhịp hoặc cấy máy tạo nhịp phá rung
DA103	Đặt nội khí quản		lần	1	579.000	568.000	568.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt nội khí quản

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH465	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	139.000	134.000	134.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng
VA07	Vận động trị liệu bàng quang		lần	1	308.000	302.000	302.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
CO17	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
PH1589	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1254	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1313	Phẫu thuật mở nắp sọ giải áp, lấy máu tụ và chùng màng cứng		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ hoặc ngoài màng cứng hoặc dưới màng cứng hoặc trong não
CH353	Chọc dịch tủy sống		lần	1	114.000	107.000	107.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm kim chọc dò./Chọc dò tủy sống
TH466	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	184.000	179.000	179.000	Thủ thuật loại 3--/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng
VA12	Vận động trị liệu hô hấp		lần	1	31.100	30.100	30.100	Thủ thuật loại 3--/Vật lý trị liệu hô hấp
CO26	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1623	Phẫu thuật gây lồi cầu ngoài xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1307	Phẫu thuật gỡ đinh khớp gối		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ đinh khớp hoặc làm sạch khớp
CA777	Cấy chi điều trị liệt do bệnh của cơ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
CH371	Chọc dò dịch màng phổi		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
DA218	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube		lần	1	807.000	762.000	762.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (HSCC - CD)
VA09	Vận động trị liệu hô hấp		lần	1	31.100	30.100	30.100	Thủ thuật loại 2--/Vật lý trị liệu hô hấp
CH933	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R23]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
GI155	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	287.500	256.300	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
GI63	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	252.100	223.800	223.800	
CO25	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2476	Phẫu thuật gây móm trên rỗng rọc xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH302	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhân giáp		lần	1	150.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chọc hút khí màng phổi
CH305	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang giáp		lần	1	228.000	221.000	221.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Chọc hút dịch điều trị u nang giáp dưới hướng dẫn của siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA96	Đặt ống nội khí quản		lần	1	579.000	568.000	568.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Đặt nội khí quản
DA98	Đặt ống thông dạ dày		lần	1	94.300	90.100	90.100	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Đặt sonde dạ dày
TH458	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]		lần	1	60.000	57.600	57.600	Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế./Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài ≤ 15cm
PH1624	Phẫu thuật gãy Monteggia		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CH949	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R43]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA502	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm		lần	1	3.236.000	3.144.000	3.144.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy dò thần kinh./Phẫu thuật cắt u lành tính tuyến dưới hàm
CO19	Cố định ngoài điều trị gãy xương cẳng chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DA148	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
TH459	Thay băng vết mổ [trên 15cm đến 30 cm]		lần	1	85.000	82.400	82.400	Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế./Thay băng vết mổ chiều dài trên 15cm đến 30 cm
XO198	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay		lần	1	69.300	65.500	65.500	Thủ thuật loại 2--/Xoa bóp bấm huyệt
PH2384	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.321.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2352	Phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân		lần	1	4.109.000	3.985.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
CH400	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh		lần	1	150.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút khí màng phổi
DA150	Đặt ống thông dạ dày		lần	1	94.300	90.100	90.100	Thủ thuật loại 3--/Đặt sonde dạ dày
DI504	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
TH267	Thay ống nội khí quản		lần	1	579.000	568.000	568.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt nội khí quản
CO21	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên		lần	1	3.041.000	2.829.000	2.829.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo
PH1373	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1457	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung		lần	1	3.455.000	3.355.000	3.355.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung
DA155	Đặt ống thông dạ dày		lần	1	94.300	90.100	90.100	Thủ thuật loại 3--/Đặt sonde dạ dày
TH260	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [Cắt chỉ]		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
TH264	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]		lần	1	253.000	240.000	240.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài > 50cm nhiễm trùng
GI51	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	252.100	223.800	223.800	
PH1280	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay		lần	1	5.105.000	4.907.000	4.907.000	Phẫu thuật loại 2--/Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft)
PH951	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1539	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp + eo giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CH419	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
DA160	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh		lần	1	94.300	90.100	90.100	--/Đặt sonde dạ dày
XO255	Xông hơi thuốc		lần	1	45.600	42.900	42.900	Thủ thuật loại 3-
CU13	Cắt chấn thương cổ và bàn chân		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mồm cắt ngón tay, chân hoặc cắt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
CU26	Cắt chấn thương cổ và bàn chân[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mồm cắt ngón tay, chân hoặc cắt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1281	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay		lần	1	5.105.000	4.907.000	4.907.000	Phẫu thuật loại 2--/Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft)
CA693	Cấy chi điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)
CH334	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	183.000	176.000	176.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
DA112	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang		lần	1	94.300	90.100	90.100	Thủ thuật loại 3--/Thông đái
TH277	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]		lần	1	60.000	57.600	57.600	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế./Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài ≤ 15cm
GI190	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	224.700	199.200	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
GI49	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	192.100	170.800	170.800	
DA163	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn		lần	1	197.000	186.000	186.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Chích rạch nhọt, Áp xe nhỏ dẫn lưu
PH2453	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH997	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,...)		lần	1	2.129.000	2.012.000	2.012.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Tai Mũi Họng)
CH429	Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da		lần	1	211.000	205.000	205.000	Thủ thuật loại 3--/Chụp và phân tích da bằng máy
DA138	Đặt ống thông dẫn lưu bằng quang trên khớp vệ		lần	1	384.000	373.000	373.000	Thủ thuật loại 1--/Mở thông bằng quang (gây tê tại chỗ)
TH265	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]		lần	1	184.000	179.000	179.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng
CU28	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3-
GI186	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	224.700	199.200	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
CA565	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm		lần	1	1.914.000	1.784.000	1.784.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
DA157	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH870	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
DA107	Đặt ống thông hậu môn		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3--/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
TH440	Thay canuyn mở khí quản		lần	1	253.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 3--/Thay canuyn mở khí quản
TH474	Thận nhân tạo thường qui		Lần	1	567.000	556.000	556.000	Thủ thuật loại 2--Quả lọc dây máu dùng 6 lần./Thận nhân tạo chu kỳ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1072	Cắt cụt cổ tử cung[Gây tê]		lần	1	2.132.000	1.889.469	2.747.000	Phẫu thuật loại 2--/Khoét chóp hoặc cắt cụt cổ tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA144	Đặt ống thông khí màng nhĩ		lần	1	3.102.000	3.040.000	3.040.000	Phẫu thuật loại 3--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên
HA17	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA170	Dẫn lưu áp xe gan		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
PH2521	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH872	Phẫu thuật ghép mảnh da dương vật bị loét găng		lần	1	4.400.000	4.228.000	4.228.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ²
PH2449	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm ² /Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CU18	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
DA140	Đặt ống thông hậu môn		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3--/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
DA145	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản		lần	1	831.000	807.000	807.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Chích áp xe tăng sinh môn
PH2615	Phẫu thuật ghép mảnh da dương vật bị loét găng[Gây tê]		lần	1	3.665.000	3.411.679	4.228.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ² /Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH960	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R16]		lần	1	20.700	18.900	18.900	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1073	Cắt u vú lành tính[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2611	Phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2661	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang		lần	1	4.735.000	4.565.000	4.565.000	-
CU17	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
DA101	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản		lần	1	929.000	917.000	917.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm Sonde JJ./Đặt sonde JJ niệu quản
DA102	Dẫn lưu áp xe ruột thừa		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
PH1295	Phẫu thuật ghép xương tự thân		lần	1	4.806.000	4.634.000	4.634.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật ghép xương
CU30	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3-
DA134	Đặt catheter động mạch		lần	1	557.000	546.000	546.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Đặt catheter động mạch quay
DA113	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ)		lần	1	929.000	917.000	917.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm Sonde JJ./Đặt sonde JJ niệu quản
DA154	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê		lần	1	929.000	917.000	917.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm Sonde JJ./Đặt sonde JJ niệu quản
TH247	Thay canuyn mở khí quản		lần	1	253.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Thay canuyn mở khí quản
GI187	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	224.700	199.200	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
DA169	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2631	Phẫu thuật ghép xương tự thân[Gây tê]		lần	1	4.059.000	3.803.683	4.634.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật ghép xương/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1381	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)		lần	1	2.457.000	2.318.000	2.318.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật giải áp thần kinh
DA143	Đặt catheter qua màng nhĩ giáp lấy bệnh phẩm		lần	1	227.000	216.000	216.000	Thủ thuật loại 2--/Bơm rửa khoang màng phổi
DA175	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 2--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng
TH261	Thay huyết tương		lần	1	1.672.000	1.636.000	1.636.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin./Lọc tách huyết tương (01 lần)
DA146	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
CA778	Cấy chi điều trị liệt nửa người		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
PH1135	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DA151	Đặt catheter tĩnh mạch cánh ngoài		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 2--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng
DI421	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit		lần	1	472.000	460.000	460.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị đóng cuống răng
PH1385	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài		lần	1	2.038.000	1.990.000	1.990.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt polyp ống tai gây mê
PH886	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH506	Thay huyết tương sử dụng albumin		lần	1	1.672.000	1.636.000	1.636.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin./Lọc tách huyết tương (01 lần)
GI157	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	252.100	223.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
CA546	Cắt đoạn dạ dày		lần	1	7.610.000	7.266.000	7.266.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, kẹp khóa mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt dạ dày
DA238	Dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA131	Dẫn lưu bể thận tối thiểu		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
PH885	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi		lần	1	2.883.000	2.790.000	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2
PH1379	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
DA105	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)		lần	1	807.000	762.000	762.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (HSCC - CĐ)
GI191	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	192.100	170.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
DA225	Dẫn lưu bể thận tối thiểu[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA230	Dẫn lưu đài bể thận qua da[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2432	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1682	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CA769	Cây chỉ điều trị liệt dương		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cây chỉ)
DA97	Đặt sonde hậu môn		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
DA158	Đặt sonde hậu môn sơ sinh		lần	1	85.900	82.100	82.100	--/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
TH441	Thay máu sơ sinh		lần	1	628.000	587.000	587.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Sân khoa)
GI173	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	182.700	160.000	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
PH1696	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc buồng trứng		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
PH1083	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DA123	Dẫn lưu đường mật ra da		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
PH1592	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.321.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
PH1501	Phẫu thuật KHX gãy trật xương gót		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DA127	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ		lần	1	188.000	185.000	185.000	Thủ thuật loại 1--/Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI800	Điện nhĩ châm điều di tĩnh		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DA119	Dẫn lưu túi mật		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
DA237	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1440	Phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2620	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng[Gây tê]		lần	1	2.992.000	3.289.567	4.289.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1685	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
DI823	Điện châm		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
GI185	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	224.700	199.200	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
CH853	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA236	Dẫn lưu túi mật[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI432	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
PH1240	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
DI505	Điện nhĩ châm điều trị bại não		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI599	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hồ mắt		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI797	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
NO386	Nội soi đại tràng sigma		lần	1	322.000	305.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết
CA498	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mồm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
CA471	Cắt túi thừa đại tràng		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
DA156	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
KH109	Khâu giác mạc		lần	1	777.000	764.000	764.000	Phẫu thuật loại 1--/Khâu giác mạc đơn thuần

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2602	Phẫu thuật kết hợp xương chân thương Lisfranc và bàn chân giữa[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1291	Phẫu thuật hẹp khe mi		lần	1	687.000	643.000	643.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật hẹp khe mi
PH1130	Phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI581	Điện nhĩ châm điều trị bí đái		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
CH958	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R14]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
DA164	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)		lần	1	1.560.000	1.512.000	1.512.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm ống silicon./Phẫu thuật đặt ống Silicon tiền phòng
DI598	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1688	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
DI796	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TH248	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BiPAP)		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Thở máy (01 ngày điều trị)
GI60	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	224.700	199.200	199.200	
CH850	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1056	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
PH952	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH1649	Phẫu thuật KHX gãy trên lõi cầu xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2654	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan		lần	1	3.486.000	3.316.000	3.316.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm đầu dao cắt gan siêu âm, keo sinh học, dao cắt hàn mạch, hàn mô.
DI580	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
GI188	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	224.700	199.200	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
GI62	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	192.100	170.800	170.800	
CA1068	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA106	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
DI704	Điện đông thể mi		lần	1	506.000	474.000	474.000	Phẫu thuật loại 3--/Điện đông thể mi
DI557	Điều trị tủy lại		lần	1	966.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy lại

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1133	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI420	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA		lần	1	472.000	460.000	460.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị đóng cuống răng
DI434	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê)		lần	1	3.036.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy gò má cung tiếp 2 bên
DI462	Điều trị tùy lại		lần	1	966.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tùy lại
PH1131	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2497	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI810	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI804	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DO107	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm		lần	1	62.900	59.100	59.100	--/Đo tính công suất thủy tinh thể nhân tạo
PH1087	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2628	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi[Gây tê]		lần	1	2.706.000	2.216.333	8.372.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1692	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
PH1743	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
DI578	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI771	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI832	Điện tim thường		lần	1	35.400	32.800	32.800	--/Điện tâm đồ
GI64	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	224.700	199.200	199.200	
DI867	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gãy mê hoặc gãy tê)		lần	1	3.036.000	2.944.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy gò má cung tiếp 2 bên
DI607	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 2--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH1416	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1383	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
GI154	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	182.700	160.000	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
SI98	Siêu âm Doppler tim, van tim		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CH311	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai		lần	1	56.800	52.600	52.600	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Chọc hút dịch vành tai
DI643	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI644	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
PH950	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH1178	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA726	Cấy chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DI503	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI777	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI815	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
GI205	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	182.700	160.000	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
CH934	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R24]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
DI640	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam		lần	1	102.000	97.000	97.000	Phẫu thuật loại 3--NHI KHOA-/Hàn răng sữa sâu ngà
PH1134	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI765	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TH307	Thông khí nhân tạo không xâm nhập [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1084	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1095	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH1028	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
PH1713	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH2655	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm tấm lưới nhân tạo.
DI792	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI764	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
CH948	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R42]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
CA1066	Các phẫu thuật ruột thừa khác[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI606	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 2--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
CA687	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
PH2605	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1717	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI772	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI579	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
GI192	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	192.100	170.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
CH946	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R38]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
DA232	Dẫn lưu nang ống mật chủ[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI609	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 2--/Điều trị tủy răng số 4, 5
DI633	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 2--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
DI783	Điện nhĩ châm điều trị đau hồ mắt		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI780	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TH304	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
DI426	Điện nhĩ châm điều trị đau môi cơ		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
GI161	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	192.100	170.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
DI794	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI614	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH2397	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2513	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1735	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa		lần	1	2.657.000	2.564.000	2.564.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
GI46	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	192.100	170.800	170.800	
CH950	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R44]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
DI605	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 2--/Điều trị tủy răng số 4, 5
DI613	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH1213	Phẫu thuật nội soi điều trị nang gan đơn thuần		lần	1	3.486.000	3.316.000	3.316.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm đầu dao cắt gan siêu âm, keo sinh học, dao cắt hàn mạch, hàn mô./Phẫu thuật nội soi điều trị bệnh lý gan mật khác
DI820	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH347	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 2--/Thở máy (01 ngày điều trị)
DI634	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 2--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
DI616	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
PH1180	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ		lần	1	2.693.000	2.612.000	2.612.000	Phẫu thuật loại 1--/Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa
PH1027	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
PH1694	Phẫu thuật nội soi điều trị buồng trứng bị xoắn		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
PH2394	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH305	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
GI204	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	182.700	160.000	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
PH1351	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1201	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi		lần	1	6.943.000	6.686.000	6.686.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật điều trị bệnh lý lồng ngực khác

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI585	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI775	Điện nhĩ châm điều trị đau răng		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI822	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI610	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH1008	Phẫu thuật nội soi giảm áp thần kinh thị giác		lần	1	5.892.000	5.628.000	5.628.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
DI586	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI805	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI787	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TH303	Thông khí nhân tạo xâm nhập [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
GI174	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	182.700	160.000	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
DA233	Dẫn lưu nang tủy[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI615	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
DI611	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
DI497	Điện nhĩ châm điều trị động kinh		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI789	Điện nhĩ châm điều trị khản tiếng		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH301	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
DI431	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
GO17	Gỡ dính gân[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1593	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bông sâu		lần	1	3.819.000	3.661.000	3.661.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bông sâu
PH2573	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bông sâu[Gây tê]		lần	1	2.575.000	2.184.200	3.661.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bông sâu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI806	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI808	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TH298	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
DI612	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
PH1453	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung		lần	1	3.421.000	3.322.000	3.322.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung
PH1507	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI501	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI602	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
TH508	Thông khí nhân tạo xâm nhập phồng thức HFO [giờ theo thực tế]		giờ	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại ĐB--/Thở máy (01 ngày điều trị)
CO24	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI628	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
DI813	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI626	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
PH2270	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI591	Điện nhĩ châm điều trị lác		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI818	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI428	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DA229	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2576	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)[Gây tê]		lần	1	3.048.000	2.723.585	3.668.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2670	Phẫu thuật KHX gãy bán phần chỏm xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
TH302	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV [giờ theo thực tế]		lần	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
DI799	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI623	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH2271	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè		lần	1	4.109.000	3.985.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH2281	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm		lần	1	3.037.000	2.955.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang hoặc polyp hoặc hạt xơ hoặc u hạt dây thanh
TH299	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
DI624	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
DI619	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
PH1508	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI506	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI809	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI791	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI784	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
GH22	Ghi điện não đồ thông thường		lần	1	68.300	64.300	64.300	--/Điện não đồ
LA204	Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn[Gây tê]		lần	1	1.798.000	1.408.368	2.248.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI768	Điện nhĩ châm điều trị liệt rẽ, đám rối dây thần kinh		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
PH2310	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)		lần	1	3.878.000	3.750.000	13.700.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1174	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr		lần	1	3.986.000	3.816.000	3.816.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi./Phẫu thuật nội soi cắt túi mật - mở ống mật chủ lấy sỏi và nối mật - ruột
DI811	Điện nhĩ châm điều trị nấc		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TH300	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SiMV [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
DI494	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2342	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1626	Phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1664	Phẫu thuật KHX gãy hai mâm chày		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI812	Điện nhĩ châm điều trị nôn		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI790	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TH259	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV [giờ theo thực tế]		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1--/Thở máy (01 ngày điều trị)
CA692	Cấy chỉ điều trị mất ngủ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DI495	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 4, 5
DI582	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI848	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH1497	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2284	Phẫu thuật nhỏ răng ngầm		lần	1	218.000	207.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Nhỏ răng khó
DI587	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
NO410	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết		lần	1	455.000	426.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--Đã bao gồm chi phí Test HP/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm có sinh thiết
DI803	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI584	Điện nhĩ châm điều trị trĩ		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI493	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH1496	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1171	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
DI595	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH1431	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI788	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI824	Điều trị bằng sóng cực ngắn		lần	1	37.200	34.900	34.900	Thủ thuật loại 3--/Sóng ngắn
GA06	Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi		lần	1	207.000	196.000	196.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc hoặc hóa chất gây dính màng phổi./Gây dính màng phổi bằng thuốc hoặc hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH254	Thông vòi nhĩ		lần	1	90.800	86.600	86.600	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thông vòi nhĩ
GH20	Ghi điện não thường quy		lần	1	68.300	64.300	64.300	--/Điện não đồ
DI767	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DA224	Dẫn lưu nước tiểu bằng quang[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI472	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 4, 5
PH1494	Phẫu thuật KHX gây hở độ II trên và liên lõi cầu xương đùi		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH1149	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản		lần	1	4.198.000	4.027.000	4.027.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH1324	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm		lần	1	8.419.000	8.042.000	8.042.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm
GI50	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	182.700	160.000	160.000	
CH468	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dây)[có thuốc cản quang]		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
DI596	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH1430	Phẫu thuật KHX gây hở độ III thân xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI785	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH255	Thủ thuật nong vòi nhĩ		lần	1	122.000	117.000	117.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nong vòi nhĩ nội soi
DI766	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI563	Điều trị bướu cổ đơn thuần bằng I ¹³¹		lần	1	828.000	767.000	767.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Điều trị Basedow/ bướu tuyến giáp đơn thuần/ nhân độc tuyến giáp bằng I ¹³¹
DI631	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
GO18	Gỡ dính thần kinh[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1648	Phẫu thuật KHX gây liên lõi cầu xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI597	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
PH1646	Phẫu thuật KHX gây lõi cầu ngoài xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI776	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI703	Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên		lần	1	323.000	312.000	312.000	Thủ thuật loại ĐB--/Cắt mỏng mắt chu biên bằng Laser
TH513	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo		lần	1	406.000	388.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Xoắn hoặc cắt bỏ polype âm hộ, âm đạo, cổ tử cung
HB24	HBsAg miễn dịch tự động		S/CO	1	77.300	74.700	74.700	--/HBsAg miễn dịch bán tự động/ tự động
DI798	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI839	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
DI604	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
MO56	Mở khí quản		lần	1	734.000	719.000	719.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mở khí quản
DI588	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
PH1674	Phẫu thuật KHX gây lồi cầu xương bàn và ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI719	Điều trị hạt com bằng đốt điện		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
TH256	Thụt tháo phân		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3--/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
HU57	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	132.000	125.000	125.000	Thủ thuật loại 2--/Hút dịch khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
NO266	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng		lần	1	255.000	244.000	244.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết
DI593	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
CA725	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DI795	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI778	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
PH2317	Phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI671	Điều trị hạt com bằng Nitor lông		lần	1	350.000	332.000	332.000	Thủ thuật loại 3--/Điều trị một số bệnh da bằng Ni tơ lông, nạo thương tổn
KH105	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ		lần	1	323.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 1--/Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm
DI600	Điện nhĩ châm điều trị sụp mí		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI827	Điều trị bằng sóng ngắn		lần	1	37.200	34.900	34.900	Thủ thuật loại 3--/Sóng ngắn
DI594	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 4, 5
NO313	Nội soi can thiệp - cắt gấp bã thức ăn dạ dày		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
TH427	Thủy châm		lần	1	70.100	66.100	66.100	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc./Thủy châm
PH2273	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI828	Điều trị bằng tia hồng ngoại		lần	1	37.300	35.200	35.200	--/Hồng ngoại
DI435	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement		lần	1	102.000	97.000	97.000	Thủ thuật loại 1--/Hàn răng sữa sâu ngà
DI566	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH2294	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA774	Cấy chỉ điều trị đau môi cơ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DI817	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI565	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục		lần	1	351.000	334.000	334.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
TI72	Tiêm cân gan chân		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
XE21	Xét nghiệm Khí máu [Máu]		lần	1	218.000	215.000	215.000	--/Khí máu
CA700	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiền đình		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DI779	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI451	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
MO68	Mổ quặm bẩm sinh		lần	1	1.474.000	1.417.000	1.417.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 2 mi - gây mê
PH1398	Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đứt sống		lần	1	5.087.000	4.728.000	4.728.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Ngoại khoa)
PH1675	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
NO182	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê		lần	1	301.000	290.000	290.000	Thủ thuật loại 2--/Thủ thuật loại II (Tai Mũi Họng)
DI449	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH2287	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI590	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
NO337	Nội soi tai		lần	1	40.000	40.000	40.000	-NHI KHOA-Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca./Nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng
DI448	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH1662	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI793	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI676	Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO2		lần	1	758.000	682.000	682.000	Thủ thuật loại 1--/Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO2, cắt bỏ thương tổn
TI88	Tiêm dưới da		lần	1	12.800	11.400	11.400	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm (bấp hoặc dưới da hoặc tĩnh mạch)
DI427	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
DI443	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
LA205	Lấy máu tụ tầng sinh môn[Gây tê]		lần	1	1.798.000	1.408.368	2.248.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2552	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2302	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI430	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH1499	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH2360	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI816	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TI84	Tiêm dưới kết mạc		lần	1	50.300	47.500	47.500	Thủ thuật loại 2--NHI KHOA-Chưa bao gồm thuốc./Tiêm dưới kết mạc một mắt
NO345	Nội soi tai mũi họng [Tai hoặc mũi hoặc họng]		lần	1	40.000	40.000	40.000	--Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca./Nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng
DI846	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2592	Phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1536	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
TI69	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
DI454	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
MO148	Mở thông dạ dày ra da do ung thư[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1530	Phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
DI603	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
TI67	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
DI575	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
PH2340	Phẫu thuật KHX gây xương đòn		lần	1	3.878.000	3.750.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA736	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
HU64	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	132.000	125.000	125.000	Thủ thuật loại 2--/Hút dịch khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
TI71	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--/Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
GI177	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	182.700	160.000	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
DI452	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
LA213	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO251	Nội soi xé lỗ niệu quản lấy sỏi		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
PH2308	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DI572	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH2554	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1023	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay		lần	1	4.806.000	4.634.000	4.634.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật ghép xương
DI770	Điện nhĩ châm điều trị ù tai		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
HU37	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần		lần	1	337.000	317.000	317.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thủ thuật loại III (HSCC - CĐ)
TI79	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
GI214	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	224.700	199.200	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
DI576	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 4, 5
PH2593	Phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI763	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TI102	Tiêm khớp đòn-cung vai dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
DI782	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI453	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
TI119	Tiêm khớp đốt ngón tay		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
PH2346	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH963	Phẫu thuật lác thông thường		lần	1	1.188.000	1.170.000	1.170.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lác (2 mắt)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI774	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
TI107	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
DI446	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
MO78	Mở rộng lỗ sáo		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
PH1467	Phẫu thuật lác thông thường		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lác (1 mắt)
TR37	Trichomonas vaginalis soi tươi		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
DI558	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
TI113	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
PH2590	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1121	Phẫu thuật lại chữa rò ống tiêu hóa sau mổ		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
TR23	Trứng giun soi tập trung		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
DI444	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO105	Mở thông dạ dày ra da do ung thư		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH2412	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
KH127	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm		lần	1	184.000	178.000	178.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm
TI118	Tiêm khớp khuỷu tay		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
DI773	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI447	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
PH2457	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp[Gây tê]		lần	1	2.366.000	2.151.009	2.844.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1003	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm		lần	1	3.037.000	2.955.000	2.955.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang hoặc polyp hoặc hạt xơ hoặc u hạt dây thanh
GI285	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Nhi		ngày	1	359.200	325.000	325.000	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI473	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH1419	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH1047	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)		lần	1	1.605.000	1.574.000	1.574.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm cả dao Hummer./Nội soi nạo VA gây mê sử dụng Hummer
CA761	Cấy chỉ điều trị thất ngôn		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DI781	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI559	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
DI589	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
PH1303	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
KH147	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ		lần	1	268.000	257.000	257.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm
TI103	Tiêm khớp ức - sườn dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
DI445	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH1034	Phẫu thuật Laser cắt u nang lạnh tính đáy lưỡi, hạ họng, màn hầu, Amygdale		lần	1	7.276.000	7.159.000	7.159.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm ống nội khí quản./Phẫu thuật Laser trong khối u vùng họng miệng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1148	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản		lần	1	4.198.000	4.027.000	4.027.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
DI807	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
KY48	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu		lần	1	48.700	45.300	45.300	Thủ thuật loại 3--/Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp
TI117	Tiêm khớp vai		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
CA727	Cấy chỉ điều trị thất vận ngôn		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DI560	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 4, 5
PH1512	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, tiểu não, bàng đường mở nắp sọ		lần	1	7.144.000	6.843.000	6.843.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật áp xe não
DI695	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều		lần	1	46.700	45.400	45.400	Thủ thuật loại 3--/Điện phân
LA136	Lấy dị vật giác mạc sâu		lần	1	688.000	665.000	665.000	Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây mê)
TI105	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	138.000	132.000	132.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
DI439	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 4, 5
MO138	Mở thông dạ dày ra da do ung thư[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO147	Mở thông dạ dày[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI826	Điều trị bằng Laser công suất thấp		lần	1	49.100	47.400	47.400	--/Laser châm
TI93	Tiêm nội khớp: acid Hyaluronic		lần	1	96.200	91.500	91.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm khớp
PH1404	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung		lần	1	6.368.000	6.111.000	6.111.000	--/Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
DI465	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
PH1243	Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng		lần	1	3.398.000	3.285.000	3.285.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực
DI422	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống		lần	1	47.600	45.800	45.800	Thủ thuật loại 3--/Bàn kéo
LO04	Lọc máu liên tục (CRRT)		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
TI86	Tiêm tĩnh mạch		lần	1	12.800	11.400	11.400	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm (bắp hoặc dưới da hoặc tĩnh mạch)
DI687	Định lượng Amylase (niệu)		U/d	1	38.200	37.700	37.700	--/Amylase niệu
DI710	Điều trị bằng siêu âm		lần	1	46.700	45.600	45.600	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm điều trị
DI464	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2391	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt[Gây tê]		lần	1	2.042.000	1.884.603	2.461.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LO22	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
TI85	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch		lần	1	12.800	11.400	11.400	--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm (bắp hoặc dưới da hoặc tĩnh mạch)
GI184	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	252.100	223.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
DO123	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1343	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ		lần	1	3.102.000	3.040.000	3.040.000	Phẫu thuật loại 3--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ 1 bên, 2 bên
PH2426	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch sàng[Gây tê]		lần	1	1.887.000	1.628.167	2.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi 1 bên, 2 bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TR26	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1--/Trám bít hố rãnh
DI685	Định lượng Canxi (niệu)		lần	1	25.000	24.600	24.600	--/Calci niệu
SI159	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
DO93	Đóng mở thông ruột non		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bả thức ăn xuống đại tràng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2596	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TR35	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Trám bít hố rãnh
PH1344	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ		lần	1	520.000	486.000	486.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt bỏ đường rò luân nhĩ gây tê
DI683	Định lượng Creatinin (niệu)		mmol/d	1	16.400	16.100	16.100	--/Ure hoặc Axit Uric hoặc Creatinin niệu
DI696	Điều trị bằng từ trường		lần	1	39.700	38.400	38.400	Thủ thuật loại 3--/Điện từ trường
CH864	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
DO146	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.020.665	4.113.000	Phẫu thuật loại 1--/Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
MO139	Mở thông dạ dày[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1350	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ		lần	1	3.102.000	3.040.000	3.040.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ 1 bên, 2 bên
DU03	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1443	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ hoặc ngoài màng cứng hoặc dưới màng cứng hoặc trong não
DI564	Điều trị bệnh Basedow bằng I ¹³¹		lần	1	828.000	767.000	767.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Điều trị Basedow/ bước tuyến giáp đơn thuần/ nhân độc tuyến giáp bằng I ¹³¹
NA237	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
TR43	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1--/Trám bít hố rãnh
DU09	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1441	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ hoặc ngoài màng cứng hoặc dưới màng cứng hoặc trong não
PH1676	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
DI829	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm		lần	1	64.200	61.400	61.400	Thủ thuật loại 3--/Thủy trị liệu
TR36	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Trám bít hố rãnh
GI286	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Nội tim mạch		ngày	1	359.200	325.000	325.000	
FE02	FESS giải quyết các u lành tính		lần	1	4.296.000	4.159.000	4.159.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papilloma, kén hơi thanh quản...)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1442	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ hoặc ngoài màng cứng hoặc dưới màng cứng hoặc trong não
PH1018	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)		lần	1	3.037.000	2.955.000	2.955.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang hoặc polyp hoặc hạt xơ hoặc u hạt dây thanh
DI714	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
TR31	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Trám bít hố rãnh
SI145	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
GA05	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1444	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ hoặc ngoài màng cứng hoặc dưới màng cứng hoặc trong não
DI672	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO2		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
GH16	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể		lần	1	1.922.000	1.824.000	1.824.000	Phẫu thuật loại 3--/Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể (chưa gồm mảnh da ghép)
PH1030	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm		lần	1	1.028.000	1.014.000	1.014.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy sỏi ống Wharton
DI646	Điều trị bớt sùi bằng Nito lỏng		lần	1	350.000	332.000	332.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Ni tơ lỏng, nạo thương tổn

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NA197	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
TR30	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1--/Trám bít hố rãnh
DI688	Định tính Amphetamin (test nhanh) [niệu]		lần	1	43.700	43.100	43.100	--/Amphetamin (định tính)
GH12	Ghép da rời rộng mỗi chiều trên 5cm		lần	1	2.995.000	2.841.000	2.841.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Ghép da rời mỗi chiều trên 5cm
MO79	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
DI716	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
PH2614	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch...)[Gây tê]		lần	1	2.978.000	2.572.277	4.202.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch...)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA257	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
DI681	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]		lần	1	43.700	43.100	43.100	--/Marijuana định tính
GH14	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em		lần	1	2.908.000	2.818.000	2.818.000	Phẫu thuật loại 2--/Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn, dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
PH2354	Phẫu thuật lấy thai lần đầu		lần	1	2.431.000	2.332.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy thai lần đầu
PH2658	Phẫu thuật nội soi treo cổ bàng quang điều trị tiểu không kiểm soát		lần	1	2.618.000	2.448.000	2.448.000	Phẫu thuật loại 1-

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI717	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
XO197	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy		lần	1	32.300	28.500	28.500	Thủ thuật loại 2--/Xoa bóp bằng máy
DI679	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]		lần	1	43.700	43.100	43.100	--/Opiate định tính
GH15	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	2.908.000	2.818.000	2.818.000	Phẫu thuật loại 2--/Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn, dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
PH2648	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)[Gây tê]		lần	1	4.895.000	4.427.813	5.929.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI702	Điều trị glôcôm bằng tạo hình móng mắt (Iridoplasty)		lần	1	323.000	312.000	312.000	Thủ thuật loại ĐB--/Cắt móng mắt chu biên bằng Laser
XO256	Xông khói thuốc		lần	1	40.600	37.900	37.900	Thủ thuật loại 3-
DI478	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]		lần	1	43.700	43.100	43.100	--/Opiate định tính
SI180	Siêu âm màng phổi cấp cứu		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
DI675	Điều trị hạt com bằng Laser CO2		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
GH13	Ghép khuyết xương sọ		lần	1	4.746.000	4.557.000	4.557.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, đỉnh, nẹp, vít, lưới tital, ghim, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu cầm máu sinh học./Phẫu thuật ghép khuyết sọ
NA232	Nắn, bó bột trật khớp háng		lần	1	727.000	714.000	714.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh (bột liền)
PH1125	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)		lần	1	4.465.000	4.307.000	4.307.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân hoặc bệnh lý sản khoa
XO221	Xông thuốc bằng máy		lần	1	45.600	42.900	42.900	Thủ thuật loại 3--/Xông thuốc bằng máy

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1571	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ		lần	1	4.906.000	4.744.000	4.744.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ
GI287	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội tổng hợp		ngày	1	212.600	187.100	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
SI110	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
GO11	Gỡ dính sau mổ lại		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt dây chằng gỡ dính ruột
PH2652	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược[Gây tê]		lần	1	6.776.000	6.244.513	7.919.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GO08	Gỡ dính thần kinh		lần	1	3.131.000	2.973.000	2.973.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nối dây thần kinh (tính 1 dây)
PH1276	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
DI436	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam		lần	1	102.000	97.000	97.000	Thủ thuật loại 1--/Hàn răng sữa sâu ngà
NA190	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu		lần	1	412.000	399.000	399.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn trật khớp khuỷu tay hoặc khớp xương đòn hoặc khớp hàm (bột liền)
HU72	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết		lần	1	215.000	204.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
CA744	Cấy chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
GO07	Gỡ dính thần kinh		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO140	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2494	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mồm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GO19	Gỡ dính thần kinh[Gây tê]		lần	1	2.433.000	2.197.199	2.973.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nối dây thần kinh (tính 1 dây)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1287	Phẫu thuật loét tì đè cùng cụt bằng ghép da tự thân		lần	1	5.105.000	4.907.000	4.907.000	Phẫu thuật loại 2--/Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft)
CA784	Cấy chi điều trị thoái hóa khớp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
DI429	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục		lần	1	351.000	334.000	334.000	Thủ thuật loại 1--/Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
GI151	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền		ngày	1	49.200	39.180	39.180	
SI162	Siêu âm màng phổi		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
DI456	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da		lần	1	309.000	285.000	285.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng tiêm tại chỗ, chắm thuốc
NH19	Nhổ chân răng sữa		lần	1	40.700	37.300	37.300	Thủ thuật loại 1--/Nhổ răng sữa hoặc chân răng sữa
GO10	Gọt giác mạc đơn thuần		lần	1	802.000	770.000	770.000	Phẫu thuật loại 2--/Gọt giác mạc
MU03	Mức nội nhãn		lần	1	561.000	539.000	539.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm vật liệu độn./Mức nội nhãn (có độn hoặc không độn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1284	Phẫu thuật loét tì đè máu chuyển bằng vật da cơ có cuống mạch		lần	1	4.986.000	4.770.000	4.770.000	Phẫu thuật loại 1--/Kỹ thuật tạo vật da có cuống mạch liền điều trị vết thương, sẹo
DI715	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
HA05	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.321.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
NH24	Nhổ răng vĩnh viễn		lần	1	218.000	207.000	207.000	Phẫu thuật loại 3--/Nhổ răng khó
NO426	Nối gân gấp[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1285	Phẫu thuật loét tì đè ụ ngồi bằng vật da cơ có cuống mạch		lần	1	4.986.000	4.770.000	4.770.000	Phẫu thuật loại 1--/Kỹ thuật tạo vật da có cuống mạch liền điều trị vết thương, sẹo
HU52	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ		lần	1	2.981.000	2.860.000	2.860.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ
PH1352	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ		lần	1	2.346.000	2.254.000	2.254.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật điều trị trĩ kỹ thuật cao (phương pháp Longo)
CA710	Cấy chỉ điều trị viêm co cứng cơ delta		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DI670	Điều trị sẩn cục bằng Nito lỏng		lần	1	350.000	332.000	332.000	Thủ thuật loại 3--/Điều trị một số bệnh da bằng Ni tơ lỏng, nạo thương tổn
NH22	Nhổ chân răng vĩnh viễn		lần	1	200.000	190.000	190.000	Thủ thuật loại 1--/Nhổ chân răng
HU74	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ[Gây tê]		lần	1	2.245.000	1.975.981	2.860.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2571	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung[Gây tê]		lần	1	2.699.000	2.450.989	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI458	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2--/Răng sâu ngà
NH31	Nhổ răng sữa		lần	1	40.700	37.300	37.300	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nhổ răng sữa hoặc chân răng sữa
HU42	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang		lần	1	2.818.000	2.741.000	2.741.000	Phẫu thuật loại 2--/Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang
PH1460	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn		lần	1	4.034.000	3.876.000	3.876.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung
DI459	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2--/Răng sâu ngà
NO227	Nội soi bàng quang		lần	1	943.000	925.000	925.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm sonde JJ./Nội soi bàng quang - Nội soi niệu quản
TH509	Thận nhân tạo thường qui [COVID]		Lần	1	487.300	487.300	487.300	Thủ thuật loại 2--/
KE07	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
NO297	Nội diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
PH1459	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối		lần	1	4.034.000	3.876.000	3.876.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung
DI637	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Răng sâu ngà
NO239	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxeo (i bên)		lần	1	279.000	275.000	275.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Cầm máu mũi bằng Merocell (2 bên)
TH511	Thận nhân tạo (ở người đã có mở thông động tĩnh mạch) [COVID]		lần	1	487.300	487.300	487.300	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH476	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)		lần	1	532.000	522.000	522.000	--/Chụp CT Scanner đến 32 dây không có thuốc cản quang
KE09	Kết xương đỉnh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH2651	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu[Gây tê]		lần	1	4.067.000	4.978.571	6.145.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1557	Phẫu thuật quặm		lần	1	1.112.000	1.068.000	1.068.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 3 mi - gây tê
DI457	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2--/Răng sâu ngà
DI555	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]		lần	1	32.800	32.300	32.300	--/Định lượng Ethanol (cồn)
KE17	Kết xương đỉnh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1405	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
DI577	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) kết hợp Composite		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Răng sâu ngà
KH157	Khâu ẹ mi, tháo ẹ		lần	1	419.000	400.000	400.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu cò mi
PH1456	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
PH1455	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng		lần	1	6.832.000	6.575.000	6.575.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
DI461	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2--/Răng sâu ngà

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI556	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]		lần	1	29.500	29.000	29.000	Điện giải đồ (Ca ⁺⁺ , Na ⁺ , K ⁺ , CL ⁻)
KH139	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ		lần	1	5.487.000	5.273.000	5.273.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm vật liệu cầm máu./Phẫu thuật khâu vết thương gan hoặc chèn gạc cầm máu
PH1375	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
DI647	Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng		lần	1	350.000	332.000	332.000	Thủ thuật loại 3--/Điều trị một số bệnh da bằng Ni tơ lỏng, nạo thương tổn
AF02	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen		lần	1	70.300	68.000	68.000	--/Vi khuẩn nhuộm soi
DI700	Định lượng Acid Uric [Máu]		lần	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...
KH142	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH2501	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI645	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn		lần	1	309.000	285.000	285.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng tiêm tại chỗ, chắm thuốc
CO23	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)		lần	1	15.300	14.900	14.900	--/Co cục máu đông
CH502	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
KH153	Khâu củng mạc		lần	1	1.266.000	1.234.000	1.234.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu củng giác mạc phức tạp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2504	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA767	Cấy chi điều trị viêm mũi dị ứng		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
DI720	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
KH119	Khâu củng mạc		lần	1	827.000	814.000	814.000	Phẫu thuật loại 1--/Khâu củng mạc đơn thuần
PH2446	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa[Gây tê]		lần	1	2.928.000	1.836.323	2.782.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2542	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)[Gây tê]		lần	1	2.433.000	2.197.199	2.973.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nối dây thần kinh (tính 1 dây)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI825	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu		lần	1	161.000	155.000	155.000	--Chưa bao gồm hoá chất. Áp dụng với bệnh nhân ngoại trú/Truyền hóa chất tĩnh mạch [ngoại trú]
KH164	Khâu củng mạc		lần	1	1.160.000	1.112.000	1.112.000	Phẫu thuật loại 1--/Khâu củng mạc phức tạp
DI641	Điều trị tủy răng sữa		lần	1	394.000	382.000	382.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng sữa nhiều chân
PH1454	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng		lần	1	4.447.000	4.289.000	4.289.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
PH1191	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)		lần	1	1.710.000	1.640.000	1.640.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 3 mi - gây mê
DI562	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
KH156	Khâu da mi		lần	1	1.497.000	1.440.000	1.440.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây mê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1366	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe		lần	1	3.125.000	3.002.000	3.002.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe
KH123	Khâu da mi		lần	1	841.000	809.000	809.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây tê
NO246	Nội nang tụy - hồng tràng		lần	1	4.571.000	4.399.000	4.399.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nối mật ruột
CA739	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH289	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại 3--/Chích rạch nhọt, Áp xe nhỏ dẫn lưu
DI571	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	589.000	565.000	565.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 4, 5
PH2540	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe[Gây tê]		lần	1	1.463.000	1.598.927	3.002.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
KH167	Khâu da mi đơn giản		lần	1	841.000	809.000	809.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây tê
PH1195	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)		lần	1	660.000	638.000	638.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 1 mi - gây tê
PH2356	Phẫu thuật mở cạnh mũi		lần	1	5.039.000	4.922.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở cạnh mũi
DI561	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
GI160	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	224.700	199.200	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
PH1196	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)		lần	1	1.277.000	1.235.000	1.235.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 1 mi - gây mê
KH122	Khâu giác mạc		lần	1	1.160.000	1.112.000	1.112.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu giác mạc phức tạp
PH1395	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/ lấy dị vật		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI570	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
KH124	Khâu kết mạc		lần	1	841.000	809.000	809.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây tê
PH1035	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)		lần	1	734.000	719.000	719.000	Phẫu thuật loại 3--/Mở khí quản
CA698	Cấy chi hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)
DI713	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn		lần	1	350.000	332.000	332.000	Thủ thuật loại 3--/Điều trị một số bệnh da bằng Ni tơ lỏng, nạo thương tổn
MA02	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)		lần	1	23.700	23.100	23.100	--/Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
KH140	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH1266	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ hoặc ngoài màng cứng hoặc dưới màng cứng hoặc trong não
CA682	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị các rối loạn nhịp chậm		lần	1	1.718.000	1.625.000	1.625.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung./Cấy hoặc đặt máy tạo nhịp hoặc cấy máy tạo nhịp phá rung
DI718	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
NG12	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)		lần	1	83.100	80.800	80.800	--/Nghiệm pháp Coombs gián tiếp hoặc trực tiếp (bằng một trong các phương pháp: ống nghiệm, Gelcard/ Scangel);

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH117	Khâu lỗ thủng đại tràng		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH1386	Phẫu thuật mở rộng khe mi		lần	1	687.000	643.000	643.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật hẹp khe mi
DI674	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO2		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
NG19	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)		lần	1	83.100	80.800	80.800	--/Nghiệm pháp Coombs gián tiếp hoặc trực tiếp (bằng một trong các phương pháp: ống nghiệm, Gelcard/ Scangel);
KH141	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH1670	Phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1767	Phẫu thuật mở rộng khe mi		lần	1	687.000	643.000	643.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật hẹp khe mi
DI638	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em		lần	1	33.900	32.300	32.300	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Rửa chấm thuốc điều trị viêm loét niêm mạc (1 lần)
PH2675	Phát hiện chất ức chế không phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu nội sinh		lần	1	296.000	288.000	288.000	-
DI498	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]		mmol/L	1	98.400	96.900	96.900	--/Lactat
GI53	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	224.700	199.200	199.200	
CH509	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
KH116	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1183	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa		lần	1	872.000	840.000	840.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mạc ghép kết mạc tự thân
DO78	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)		lần	1	1.071.000	1.002.000	1.002.000	Thủ thuật loại 1--/Đỡ đẻ ngôi ngược
PH2674	Phát hiện chất ức chế phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu nội sinh		lần	1	366.000	358.000	358.000	-
KH132	Khâu nối thần kinh		lần	1	3.131.000	2.973.000	2.973.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nối dây thần kinh (tính 1 dây)
NO324	Nối mật ruột bên - bên		lần	1	4.571.000	4.399.000	4.399.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nối mật ruột
PH1465	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa		lần	1	1.007.000	963.000	963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm chi phí màng ối./Phẫu thuật cắt mạc ghép màng ối, kết mạc - gây tê
PH1192	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)		lần	1	1.112.000	1.068.000	1.068.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mô quặm 3 mi - gây tê
DO76	Đỡ đẻ thường ngôi chòm		lần	1	736.000	706.000	706.000	Thủ thuật loại 2--/Đỡ đẻ thường ngôi chòm
PH2673	Phát hiện kháng đông ngoại sinh		lần	1	83.100	80.800	80.800	-
DI875	Định lượng Phospho (máu)		lần	1	21.800	21.500	21.500	-Mỗi chất
KH103	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH1463	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học		lần	1	1.007.000	963.000	963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm chi phí màng ối./Phẫu thuật cắt mạc ghép màng ối, kết mạc - gây tê
DO77	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên		lần	1	1.330.000	1.227.000	1.227.000	Thủ thuật loại 1--/Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên
TH364	Thời gian máu chảy phương pháp Duke		phút	1	13.000	12.600	12.600	Thủ thuật loại 3--/Thời gian máu chảy/(phương pháp Duke)
DI658	Định lượng Protein toàn phần [Máu]		g/L	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH110	Khâu phủ kết mạc		lần	1	660.000	638.000	638.000	Phẫu thuật loại 2--/Phủ kết mạc
PH1462	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học		lần	1	872.000	840.000	840.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mạc ghép kết mạc tự thân
DO74	Đốt điện cuốn mũi dưới		lần	1	463.000	447.000	447.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi đốt điện cuốn mũi hoặc cắt cuốn mũi gây tê
TH409	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động		lần	1	65.300	63.500	63.500	--/Thời gian Prothrombin (PT,TQ) bằng máy bán tự động, tự động
DI635	Định lượng sắt huyết thanh		lần	1	32.800	32.300	32.300	--/Định lượng Sắt huyết thanh hoặc Mg ++ huyết thanh
KH133	Khâu phục hồi bờ mi		lần	1	737.000	693.000	693.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu phục hồi bờ mi
PH1384	Phẫu thuật mạc đơn thuần		lần	1	902.000	870.000	870.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mạc đơn thuần một mắt - gây tê
DO73	Đốt điện cuốn mũi dưới		lần	1	684.000	673.000	673.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi đốt điện cuốn mũi hoặc cắt cuốn mũi gây mê
TH406	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động		lần	1	41.500	40.400	40.400	--/Thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT)
DI652	Định lượng Transferin [Máu]		lần	1	64.600	64.600	64.600	--/Transferin/độ bão hòa tranferin
KH155	Khâu phục hồi bờ mi		lần	1	737.000	693.000	693.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Khâu phục hồi bờ mi
PH1365	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi		lần	1	4.732.000	4.615.000	4.615.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi
DO72	Đốt họng hạt bằng nhiệt		lần	1	82.900	79.100	79.100	Thủ thuật loại 2--/Đốt họng hạt
TO08	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)		lần	1	47.500	46.200	46.200	--/Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm laser

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI651	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]		lần	1	27.300	26.900	26.900	--/Định lượng Tryglyceride hoặc Phospholipid hoặc Lipid toàn phần hoặc Cholesterol toàn phần hoặc HDL-Cholesterol hoặc LDL - Cholesterol
DO144	Đốt lông xiêu, nhỏ lông siêu		lần	1	50.000	47.900	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Đốt lông xiêu
KH150	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH2496	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DO124	Đốt lông xiêu, nhỏ lông siêu		lần	1	50.000	47.900	47.900	Thủ thuật loại 2--/Đốt lông xiêu
KH221	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi		lần	1	3.087.000	2.963.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH916	Phẫu thuật nạo túi lợi		lần	1	79.700	74.000	74.000	Phẫu thuật loại 3--/Nạo túi lợi 1 sextant
KH228	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2328	Phẫu thuật nạo V.A nội soi		lần	1	2.898.000	2.814.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nạo V.A nội soi
PH1187	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)		lần	1	1.291.000	1.236.000	1.236.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Mổ quặm 4 mi - gây tê
DO96	Đốt nhiệt họng hạt		lần	1	82.900	79.100	79.100	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Đốt họng hạt
XE25	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)		%	1	27.200	26.400	26.400	--/Hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI712	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)		lần	1	32.000	30.800	30.800	Định nhóm máu hệ Rh(D) bằng phương pháp ống nghiệm, phiên đá/
CH469	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
KH224	Khâu rách cùng đồ âm đạo[Gây tê]		lần	1	1.429.000	1.240.793	1.898.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu rách cùng đồ âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH363	Chăm sóc bệnh nhân dị ứng thuốc nặng		lần	1	166.000	158.000	158.000	Thủ thuật loại 1--Áp dụng với người bệnh hội chứng Lyell, Steven Johnson./Chăm sóc da cho người bệnh dị ứng thuốc nặng
FO02	Forceps		lần	1	1.021.000	952.000	952.000	Thủ thuật loại 1--/Forceps hoặc Giác hút sản khoa
PH1021	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản		lần	1	813.000	790.000	790.000	Phẫu thuật loại 2--/Nạo VA gây mê
CH585	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [thẳng và nghiêng]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
KH151	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại DB--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
NO416	Nối nang tụy - dạ dày[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH944	Phẫu thuật quặm tái phát		lần	1	877.000	845.000	845.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 2 mi - gây tê
KH222	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V		lần	1	3.087.000	2.963.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
GI78	Giác hơi		lần	1	34.500	33.200	33.200	Thủ thuật loại 3--/Giác hơi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2498	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
KH229	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1716	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
GI79	Giác hơi điều trị cảm cúm		lần	1	34.500	33.200	33.200	Thủ thuật loại 3--/Giác hơi
KH111	Khâu tử cung do nạo thủng		lần	1	2.881.000	2.782.000	2.782.000	Phẫu thuật loại 2--/Khâu tử cung do nạo thủng
PH2443	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GI81	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn		lần	1	34.500	33.200	33.200	Thủ thuật loại 3--/Giác hơi
DO87	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu]		U/L-37°	1	27.300	26.900	26.900	--/Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)
KH227	Khâu tử cung do nạo thủng[Gây tê]		lần	1	2.303.000	1.856.164	2.782.000	Phẫu thuật loại 2--/Khâu tử cung do nạo thủng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2429	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GI80	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt		lần	1	34.500	33.200	33.200	Thủ thuật loại 3--/Giác hơi
KY29	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
DO83	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]		U/L (37°)	1	19.500	19.200	19.200	--/Gama GT

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH114	Khâu vết thương thành bụng		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
PH1710	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
GI74	Giác hút		lần	1	1.021.000	952.000	952.000	Thủ thuật loại 1--/Forceps hoặc Giác hút sản khoa
SI149	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng		lần	1	568.000	558.000	558.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm can thiệp điều trị áp xe hoặc u hoặc nang trong ổ bụng
KY35	Kỹ thuật tạo vật da chữ Z điều trị sẹo bong		lần	1	3.759.000	3.601.000	3.601.000	Phẫu thuật loại 1--/Kỹ thuật tạo vật da tại chỗ điều trị vết thương, vết bong và di chứng
GI75	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng		lần	1	661.000	649.000	649.000	Thủ thuật loại 1--/Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng
PH2435	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LA100	Làm hậu môn nhân tạo		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 2--/Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1090	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
GI77	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da		lần	1	919.000	885.000	885.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Giảm mẫn cảm với thuốc hoặc sữa hoặc thức ăn
LA155	Lấy dị vật tiền phòng		lần	1	1.160.000	1.112.000	1.112.000	Phẫu thuật loại 1--/Lấy dị vật tiền phòng
PH2436	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GI82	Giảm mẫn cảm với sữa		lần	1	919.000	885.000	885.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Giảm mẫn cảm với thuốc hoặc sữa hoặc thức ăn

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DO141	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]		U/L (37°)	1	27.300	26.900	26.900	--/LDH
LA96	Lấy dị vật trực tràng		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH2428	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
GI83	Giảm mẫn cảm với thức ăn		lần	1	919.000	885.000	885.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Giảm mẫn cảm với thuốc hoặc sữa hoặc thức ăn
LA133	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
PH1719	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
GI84	Giảm mẫn cảm với thuốc tiêm		lần	1	919.000	885.000	885.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Giảm mẫn cảm với thuốc hoặc sữa hoặc thức ăn
DO149	Đo hoạt độ Lipase [Máu]		lần	1	60.100	59.200	59.200	
CH449	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	532.000	522.000	522.000	--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang
PH941	Phẫu thuật quặm tái phát		lần	1	1.921.000	1.837.000	1.837.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 4 mi - gây mê
GO12	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	271.000	258.000	258.000	Thủ thuật loại 3--/Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường
CH483	Chụp Xquang cột sống cùng cột thắt nghiêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
LA104	Lấy máu tụ bao gan		lần	1	5.487.000	5.273.000	5.273.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm vật liệu cầm máu./Phẫu thuật khâu vết thương gan hoặc chèn gạc cầm máu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2445	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LA113	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não		lần	1	5.295.000	5.081.000	5.081.000	Phẫu thuật loại ĐB-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ hoặc ngoài màng cứng hoặc dưới màng cứng hoặc trong não
PH1718	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
HA06	Hạ thân nhiệt chỉ huy		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
NG26	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén		lần	1	162.000	160.000	160.000	
LA201	Lấy sỏi bàng quang		lần	1	4.270.000	4.098.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH2430	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
HA07	Hào châm		lần	1	69.400	65.300	65.300	Thủ thuật loại 3--/Châm (kim ngắn)
CE02	Cell bloc (khối tế bào)		lần	1	248.000	234.000	234.000	--/Cell Bloc (khối tế bào)
CH329	Chích áp xe phần mềm lớn		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chích rạch nhọt, Áp xe nhỏ dẫn lưu
LA140	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
HA08	Hào châm		lần	1	69.400	65.300	65.300	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Châm (kim ngắn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2475	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LA215	Lấy sỏi bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1706	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
HO10	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)		ngày	1	583.000	559.000	559.000	--/Thở máy (01 ngày điều trị)
KY30	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
CH356	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da		lần	1	276.000	258.000	258.000	Thủ thuật loại 3--/Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học qua chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA)
CH588	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
LA142	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH2500	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA717	Cấy chi điều trị đau dạ dày		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
HO08	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản		ngày	1	583.000	559.000	559.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Thở máy (01 ngày điều trị)
SI101	Siêu âm can thiệp - Chọc hút và tiêm thuốc điều trị nang gan		lần	1	568.000	558.000	558.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm can thiệp điều trị áp xe hoặc u hoặc nang trong ổ bụng
HO09	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện		lần	1	485.000	459.000	459.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại II (HSCC - CĐ)
LA86	Lấy sỏi mờ bể thận trong xoang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH2478	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LA144	Lấy sỏi mờ bể thận trong xoang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH1715	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
HU47	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết		lần	1	215.000	204.000	204.000	Thủ thuật loại 2--/Hút buồng tử cung do rong kinh rong huyết
NH33	Nhuộm phiên đồ tế bào theo Papanicolaou		lần	1	374.000	349.000	349.000	--/Xét nghiệm chẩn đoán tế bào học bong bằng phương pháp nhuộm Papanicolaou
LA227	Lấy sỏi mờ bể thận trong xoang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2479	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
HU53	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục		lần	1	188.000	185.000	185.000	Thủ thuật loại 3--/Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục
XE27	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết		lần	1	350.000	328.000	328.000	Thủ thuật loại 3--/Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng phương pháp nhuộm Hemtoxylin Eosin
LA85	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH1711	Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
HU60	Hút dịch khớp cổ chân		lần	1	120.000	114.000	114.000	Thủ thuật loại 3--/Hút dịch khớp
KY37	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
DE12	Dengue virus NS1Ag test nhanh		lần	1	135.000	130.000	130.000	--/Dengue NS1Ag/IgM-IgG test nhanh
CH505	Chụp Xquang sọ thẳng/ngiênêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
LA143	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH2481	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
HU59	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	132.000	125.000	125.000	Thủ thuật loại 2--/Hút dịch khớp dưới hướng dẫn của siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DO71	Đơn bảo đường ruột sôi tươi		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm sôi tươi
CH827	Chụp Xquang khớp vai thẳng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
LA218	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO421	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán[Gây tê]		lần	1	2.290.000	2.089.451	2.828.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung chẩn đoán/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
HU58	Hút dịch khớp cổ tay		lần	1	120.000	114.000	114.000	Thủ thuật loại 3--/Hút dịch khớp
PH1708	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỗ cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
CH436	Chụp Xquang tại giường [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	Thủ thuật loại 3--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X- quang số hóa 1 phim
HU65	Hút dịch khớp gối		lần	1	120.000	114.000	114.000	Thủ thuật loại 3--/Hút dịch khớp
LA105	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH1728	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
HU63	Hút dịch khớp háng		lần	1	120.000	114.000	114.000	Thủ thuật loại 3--/Hút dịch khớp
CH841	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
LA81	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
LA219	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH911	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng		lần	1	362.000	342.000	342.000	Phẫu thuật loại 2--/Nhổ răng số 8 có biến chứng khít hàm
HU62	Hút dịch khớp khuỷu		lần	1	120.000	114.000	114.000	Thủ thuật loại 3--/Hút dịch khớp
NE09	Neisseria meningitidis nhuộm soi		lần	1	70.300	68.000	68.000	--/Vi khuẩn nhuộm soi
CH465	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
LA83	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH2411	Phẫu thuật rò hậu môn thê đơn giản[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH617	Chích áp xe quanh Amidan		lần	1	745.000	729.000	729.000	Thủ thuật loại 1--/Trích rạch apxe Amidan (gây mê)
HU61	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	132.000	125.000	125.000	Thủ thuật loại 2--/Hút dịch khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
PH913	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới		lần	1	362.000	342.000	342.000	Phẫu thuật loại 2--/Nhổ răng số 8 có biến chứng khít hàm
LA82	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
HU55	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	132.000	125.000	125.000	Thủ thuật loại 2--/Hút dịch khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
NO320	Nội soi bàng quang tán sỏi		lần	1	1.303.000	1.279.000	1.279.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi./Tán sỏi qua nội soi (sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang)
PH914	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên		lần	1	362.000	342.000	342.000	Phẫu thuật loại 3--/Nhổ răng số 8 có biến chứng khít hàm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA221	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
MO101	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật		lần	1	4.671.000	4.499.000	4.499.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi./Phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
PH932	Phẫu thuật rò khe mang I có bọc lộ dây VII		lần	1	4.740.000	4.623.000	4.623.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII
PH1751	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ		lần	1	348.000	337.000	337.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
HU38	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.		lần	1	12.200	11.100	11.100	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Hút đờm
LA111	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại		lần	1	7.128.000	6.827.000	6.827.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi./Phẫu thuật lấy sỏi ống mật phức tạp
PH1327	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ		lần	1	348.000	337.000	337.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
CH312	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê		lần	1	745.000	729.000	729.000	Thủ thuật loại 1--/Trích rạch áp xe thành sau họng (gây mê)
HU36	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín		lần	1	485.000	459.000	459.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Thủ thuật loại II (HSCC - CĐ)
TR22	Trichomonas vaginalis nhuộm soi		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
GI162	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	192.100	170.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
CH495	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH450	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
LA87	Lấy sỏi san hô thận		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1299	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
LA145	Lấy sỏi san hô thận		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH2512	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
HU44	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuy n mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)		lần	1	337.000	317.000	317.000	Thủ thuật loại 3--/Thủ thuật loại III (HSCC - CĐ)
CH842	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
HU45	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuy n mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)		lần	1	12.200	11.100	11.100	Thủ thuật loại 2--/Hút đờm
LA118	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
NO419	Nối nang tụy với dạ dày[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1298	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
VI26	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường		lần	1	246.000	238.000	238.000	--/Vi khuẩn nuôi cấy định danh phương pháp thông thường
PH2480	Phẫu thuật sửa mòm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mòm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LA223	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
HU46	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuy n mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)		lần	1	12.200	11.100	11.100	Thủ thuật loại 3--/Hút đờm
PH1049	Phẫu thuật nội soi bóc tách rò dịch não tủy ở mũi		lần	1	7.355.000	7.170.000	7.170.000	Phẫu thuật loại DB--Chưa bao gồm keo sinh học./Phẫu thuật nội soi lấy u hoặc điều trị rò dịch não tủy, thoát vị nền sọ
LA128	Lấy u sau phúc mạc		lần	1	5.970.000	5.712.000	5.712.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1078	Phẫu thuật nội soi bóc tách vách ngăn mũi		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
HU54	Hút nang bao hoạt dịch		lần	1	120.000	114.000	114.000	Thủ thuật loại 3--/Hút dịch khớp
VI18	Vibrio cholerae nhuộm soi		lần	1	70.300	68.000	68.000	--/Vi khuẩn nhuộm soi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA212	Lấy u xương (ghép xi măng)[Gây tê]		lần	1	3.123.000	2.915.683	3.746.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học./Phẫu thuật lấy bỏ u xương/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1184	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
HU40	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	132.000	125.000	125.000	Thủ thuật loại 2--/Hút dịch khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
VI16	Vibrio cholerae soi tươi		lần	1	70.300	68.000	68.000	--/Vi khuẩn nhuộm soi
MO88	Mổ bóc nhân xơ vú		lần	1	1.019.000	984.000	984.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Bóc nhân xơ vú
PH2299	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung		lần	1	6.274.000	6.116.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
CA722	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH486	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	532.000	522.000	522.000	--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang
CH856	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [Phải, 01 phim]		lần.	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
MO81	Mở bụng thăm dò		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1549	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung		lần	1	6.274.000	6.116.000	6.116.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
HU39	Hút rửa mũi, xoang sau mũi		lần	1	145.000	140.000	140.000	Thủ thuật loại 3--/Thủ thuật loại III (Tai Mũi Họng)
HI18	HIV đo tải lượng hệ thống tự động		lần	1	956.000	942.000	942.000	
HU48	Hút thai dưới siêu âm		lần	1	480.000	456.000	2.492.000	Thủ thuật loại 1--/Hút thai dưới siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO91	Mở bụng thăm dò		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1044	Phẫu thuật nội soi bơm dây thanh (mô/Teflon...)		lần	1	3.037.000	2.955.000	2.955.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi vì phẫu thuật quản cắt u nang hoặc polyp hoặc hạt xơ hoặc u hạt dây thanh
MO92	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
NO392	Nội soi bàng quang tán sỏi		lần	1	1.303.000	1.279.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi./Tán sỏi qua nội soi (sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang)
HU71	Hút thai dưới siêu âm		lần	1	480.000	456.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Hút thai dưới siêu âm
PH1488	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc		lần	1	5.716.000	5.558.000	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật
TR24	Trứng giun, sán soi tươi		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
HU41	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai		lần	1	2.448.000	2.407.000	2.407.000	Thủ thuật loại ĐB--/Huỷ thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai
MO80	Mở bụng thăm dò, sinh thiết		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2643	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ từ cung dưới niêm mạc[Gây tê]		lần	1	4.881.000	4.559.585	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
MO71	Mở dạ dày xử lý tổn thương		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH1483	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung		lần	1	5.716.000	5.558.000	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật
KE12	Kéo nắn cột sống cổ		lần	1	48.700	45.300	45.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp
DI544	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]		mIU/mL	1	87.500	86.200	86.200	--/Beta - HCG
MO99	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
PH1485	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung		lần	1	5.716.000	5.558.000	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật
PH884	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi		lần	1	2.883.000	2.790.000	2.790.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2
KE11	Kéo nắn cột sống thắt lưng		lần	1	48.700	45.300	45.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp
DI515	Định lượng Cortisol (máu)		lần	1	92.900	91.600	91.600	--/Cortison
GI194	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	192.100	170.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
KH216	Khai thông động mạch phổi bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị tắc mạch phổi cấp		lần	1	557.000	546.000	546.000	--/Đặt catheter động mạch quay

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO103	Mở khí quản thường quy		lần	1	734.000	719.000	719.000	Phẫu thuật loại 2--/Mở khí quản
PH1320	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi		lần	1	2.834.000	2.750.000	2.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi 1 bên, 2 bên
KH218	Khai thông động mạch vành bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp		lần	1	557.000	546.000	546.000	--/Đặt catheter động mạch quay
MO98	Mổ lấy sỏi bàng quang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH990	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang		lần	1	1.605.000	1.574.000	1.574.000	Phẫu thuật loại 3--Đã bao gồm cả dao Hummer./Nội soi nạo VA gây mê sử dụng Hummer
CH442	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA716	Cấy chi điều trị dị ứng		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
KH217	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp		lần	1	557.000	546.000	546.000	--/Đặt catheter động mạch quay
CH852	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
DA241	Dẫn lưu áp xe gan[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
MO154	Mổ lấy sỏi bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1657	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH510	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)		lần	1	532.000	522.000	522.000	--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang
KH131	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn		lần	1	268.000	257.000	257.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm
MO61	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết		lần	1	3.398.000	3.285.000	3.285.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực
PH1241	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
GI193	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	192.100	170.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
KH121	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo		lần	1	1.600.000	1.564.000	1.564.000	Thủ thuật loại 1--/Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
MO84	Mở ngực thăm dò		lần	1	3.398.000	3.285.000	3.285.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực
PH1759	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
KH95	Khám Da liễu		lần	1	37.500	34.500	34.500	
KH158	Khâu vết rách vành tai		lần	1	184.000	178.000	178.000	Thủ thuật loại 3--/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm
MO151	Mở ngực thăm dò, sinh thiết[Gây tê]		lần	1	2.522.000	2.310.638	3.285.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1687	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
PH1245	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi hai bên		lần	1	2.737.000	2.593.000	2.593.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình môi hai bên

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO153	Mở ngực thăm dò, sinh thiết[Gây tê]		lần	1	2.522.000	2.310.638	3.285.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
KH108	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ		lần	1	184.000	178.000	178.000	Thủ thuật loại 1--/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm
NO428	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung[Gây tê]		lần	1	3.686.000	3.430.647	4.394.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung can thiệp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1239	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
NO232	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết		lần	1	255.000	244.000	244.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết
CH369	Chích áp xe tuyến Bartholin		lần	1	875.000	831.000	831.000	Thủ thuật loại 2--/Chích áp xe tuyến Bartholin
KH106	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ		lần	1	268.000	257.000	257.000	Thủ thuật loại 1--/Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm
MO87	Mở sào bào		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Mở sào bào - thương nhĩ
PH1681	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
MO90	Mổ thăm dò ổ bụng, sinh thiết u		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1680	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH126	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm		lần	1	268.000	257.000	257.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm
DI661	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)		lần	1	13.000	12.900	12.900	--/Glucose dịch
MO146	Mổ thăm dò ổ bụng, sinh thiết u[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1679	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
KH129	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm		lần	1	323.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm
DI666	Định lượng Glucose (dịch não tủy)		mmol/L	1	13.000	12.900	12.900	--/Glucose dịch
KH100	Khám Mắt		lần	1	37.500	34.500	34.500	
MO82	Mở thông dạ dày		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1153	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
PH1246	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên		lần	1	2.637.000	2.493.000	2.493.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình môi một bên
KH130	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm		lần	1	248.000	237.000	237.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH146	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ		lần	1	323.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm
MO89	Mở thông dạ dày ra da do ung thư		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1582	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc		lần	1	4.325.000	4.170.000	4.170.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi u thượng thận hoặc nang thận
MO62	Mở thông túi mật		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
PH1580	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc		lần	1	4.325.000	4.170.000	4.170.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi u thượng thận hoặc nang thận
KH148	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ		lần	1	248.000	237.000	237.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm
DI665	Định lượng Protein (dịch não tủy)		g/L	1	10.900	10.700	10.700	--/Protein dịch
NA141	Nắn chỉnh hình thái mũi sau chấn thương		lần	1	2.720.000	2.672.000	2.672.000	Phẫu thuật loại 2--/Nâng xương chỉnh mũi sau chấn thương gây mê
PH1080	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
KH149	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ		lần	1	184.000	178.000	178.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm
DI669	Định lượng Protein (niệu)		g/d	1	14.000	13.900	13.900	--/Protein niệu hoặc đường niệu định lượng
NA160	Nắn sai khớp thái dương hàm		lần	1	105.000	103.000	103.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Nắn trật khớp thái dương hàm
KH159	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng		lần	1	23.000	20.400	20.400	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc khí dung./Khí dung
PH1542	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn mũi dưới		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
KH118	Khí dung mũi họng		lần	1	23.000	20.400	20.400	--Chưa bao gồm thuốc khí dung./Khí dung
KH98	Khám Ngoại		lần	1	37.500	34.500	34.500	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NA175	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê		lần	1	1.724.000	1.662.000	1.662.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn
PH971	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung		lần	1	4.972.000	4.838.000	4.838.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung
PH1106	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt dây chằng gỡ dính ruột
CA1074	Cắt u vú lành tính[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA277	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê		lần	1	1.724.000	1.662.000	1.662.000	Phẫu thuật loại 1--/Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn
PH1231	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
KH113	Khí dung thuốc cấp cứu		lần	1	23.000	20.400	20.400	-NHI KHOA-Chưa bao gồm thuốc khí dung./Khí dung
TO10	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)		lần	1	27.800	27.400	27.400	--/Tổng phân tích nước tiểu
KH174	Khí dung thuốc giãn phế quản		lần	1	23.000	20.400	20.400	--Chưa bao gồm thuốc khí dung./Khí dung
NA172	Nắn sống mũi sau chấn thương		lần	1	2.720.000	2.672.000	2.672.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Nâng xương chính mũi sau chấn thương gây mê
PH1230	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
NA171	Nâng xương chính mũi sau chấn thương		lần	1	2.720.000	2.672.000	2.672.000	Phẫu thuật loại 3--/Nâng xương chính mũi sau chấn thương gây mê
PH1699	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung		lần	1	6.274.000	6.116.000	6.116.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
KH172	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)		lần	1	23.000	20.400	20.400	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc khí dung./Khí dung
NA273	Nạo vét hạch D2		lần	1	3.988.000	3.817.000	3.817.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật nạo vét hạch
PH1146	Phẫu thuật nội soi cắt khối chứa ngoài tử cung		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH112	Khí dung thuốc thở máy		lần	1	23.000	20.400	20.400	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm thuốc khí dung./Khí dung
NA142	Nạo xương viêm trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	2.621.000	2.477.000	2.477.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại bỏ hoại tử ổ loét vết thương mạn tính
PH1610	Phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột		lần	1	3.821.000	3.680.000	3.680.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm, kẹp khóa mạch máu./Phẫu thuật nội soi cắt u trong ổ bụng
KI02	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp		lần	1	1.718.000	1.625.000	1.625.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung./Cấy hoặc đặt máy tạo nhịp hoặc cấy máy tạo nhịp phá rung
NO300	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết		lần	1	430.000	408.000	408.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết
NA320	Nạo xương viêm trên người bệnh đái tháo đường[Gây tê]		lần	1	1.842.000	1.537.236	2.477.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại bỏ hoại tử ổ loét vết thương mạn tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1119	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
PH2667	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương		lần	1	2.168.000	2.106.000	2.106.000	Phẫu thuật loại DB-Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
KY44	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti		lần	1	242.000	234.000	234.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột bàn chân hoặc bàn tay (bột liền)
NE08	Néo ép hoặc buộc vòng chì thép gây xương bánh chè		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1683	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KY27	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
NO278	Nối dạ dày-ruột (omega hay Roux-en-Y)		lần	1	4.465.000	4.293.000	4.293.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt nối ruột
PH1237	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
KY31	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
NO245	Nối gân duỗi		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH1007	Phẫu thuật bóc tách ổ dịch não tủy ở mũi		lần	1	5.453.000	5.336.000	5.336.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật chấn thương xoang sàng - hàm
KY38	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
PH1684	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
DI522	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]		lần	1	21.800	21.500	21.500	--Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được./Định lượng Bilirubin toàn phần hoặc trực tiếp; các enzym: phosphatase kiềm hoặc GOT hoặc GPT...
NO423	Nối gân duỗi[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1452	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KY26	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
DI520	Định lượng Calci toàn phần [Máu]		mmol/l	1	13.000	12.900	12.900	Calci/
KY39	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
NO261	Nối gân gấp		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH1742	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
DI475	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)		mmol/L	1	27.300	26.900	26.900	--/Định lượng Tryglyceride hoặc Phospholipid hoặc Lipid toàn phần hoặc Cholesterol toàn phần hoặc HDL-Cholesterol hoặc LDL - Cholesterol
NO347	Nối gân gấp		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH1328	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi		lần	1	468.000	457.000	457.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi cắt polype mũi gây tê
KY40	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
DI484	Định lượng Creatinin (máu)		lần	1	21.800	21.500	21.500	--Mỗi chất/Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...
NO346	Nối mật-Hồng tràng do ung thư		lần	1	4.571.000	4.399.000	4.399.000	--/Phẫu thuật nối mật ruột
KY32	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
PH2364	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi		lần	1	679.000	663.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Nội soi cắt polype mũi gây mê
GI201	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nhi		ngày	1	212.600	187.100	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
KY36	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO274	Nổi nang tụy - dạ dày		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
PH1329	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi		lần	1	679.000	663.000	663.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi cắt polype mũi gây mê
CH895	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
NO322	Nổi nang tụy với dạ dày		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
PH1229	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
KY41	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
DO120	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]		mmol/l	1	21.800	21.500	21.500	--Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được./Định lượng Bilirubin toàn phần hoặc trực tiếp; các enzym: phosphataze kiềm hoặc GOT hoặc GPT...
CA639	Cắt bỏ túi lệ		lần	1	872.000	840.000	840.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt bỏ túi lệ
NO305	Nổi nang tụy với hồng tràng		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
KY42	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người		lần	1	45.700	42.300	42.300	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động đoạn chi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1228	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.		lần	1	7.849.000	7.652.000	7.652.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại đặc biệt tuyến nội tiết mô nội soi dùng dao siêu âm
DO116	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]		U/L (37°)	1	21.800	21.500	21.500	--Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được./Định lượng Bilirubin toàn phần hoặc trực tiếp; các enzym: phosphataze kiềm hoặc GOT hoặc GPT...
KY45	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống		lần	1	152.000	146.000	146.000	--/Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống
NO276	Nối ống mật chủ - hồng tràng		lần	1	4.571.000	4.399.000	4.399.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật nối mật ruột
PH1269	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
NO249	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính		lần	1	3.129.000	3.044.000	3.044.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt túi sa niệu quản bằng nội soi
LA92	Làm Proetz		lần	1	61.800	57.600	57.600	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Hút xoang dưới áp lực
PH1233	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
NO291	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung		lần	1	4.494.000	4.394.000	4.394.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung can thiệp
PH1232	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc		lần	1	7.849.000	7.652.000	7.652.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại đặc biệt tuyến nội tiết mô nội soi dùng dao siêu âm
KY46	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân		lần	1	55.800	50.700	50.700	Thủ thuật loại 3--/Xoa bóp toàn thân
LA93	Làm thuốc tai		lần	1	21.100	20.500	20.500	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Chưa bao gồm thuốc./Làm thuốc thanh quản hoặc tai
NO429	Nội soi buồng tử cung can thiệp[Gây tê]		lần	1	3.686.000	3.430.647	4.394.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung can thiệp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1209	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.		lần	1	7.958.000	7.761.000	7.761.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại đặc biệt tuyến nội tiết mô mỡ có dùng dao siêu âm
LA161	Làm thuốc tai		lần	1	21.100	20.500	20.500	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc./Làm thuốc thanh quản hoặc tai
DI878	Định lượng Mg [Máu]		lần	1	32.800	32.300	32.300	
NO293	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán		lần	1	2.904.000	2.828.000	2.828.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung chẩn đoán
PH1210	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
LA117	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản		lần	1	21.100	20.500	20.500	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm thuốc./Làm thuốc thanh quản hoặc tai
NO185	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản		lần	1	2.898.000	2.814.000	2.814.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây mê)
LA150	Laser châm		lần	1	49.100	47.400	47.400	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Laser châm
PH1476	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn		lần	1	6.072.000	5.914.000	5.914.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt tử cung
NO437	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2-
LA149	Laser châm		lần	1	49.100	47.400	47.400	Thủ thuật loại 2--/Laser châm
PH1756	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật		lần	1	3.216.000	3.093.000	3.093.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt túi mật
NO440	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2-
LA78	Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt		lần	1	1.475.000	1.444.000	1.444.000	Thủ thuật loại 2--/Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt, bệnh vông mạc trẻ đẻ non, u nguyên bào vông mạc
PH1206	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật		lần	1	3.216.000	3.093.000	3.093.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi cắt túi mật
NO328	Nội soi đặt sonde JJ		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
PH2311	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật		lần	1	3.216.000	3.093.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt túi mật
LA138	Lấy calci kết mạc		lần	1	37.300	35.200	35.200	Thủ thuật loại 3--/Lấy sạn vôi kết mạc

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TA58	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
MO76	Mở thông dạ dày		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
NO250	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại II (Nội soi)
LA76	Lấy cao răng		lần	1	82.700	77.000	77.000	Thủ thuật loại 1--/Lấy cao răng và đánh bóng một vùng hoặc một hàm
PH1163	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
TR25	Treponema pallidum soi tươi		lần	1	70.300	68.000	68.000	--/Vi khuẩn nhuộm soi
NO422	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán[Gây tê]		lần	1	2.290.000	2.089.451	2.828.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung chẩn đoán/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO436	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản		lần	1	4.198.000	4.027.000	4.027.000	Phẫu thuật loại 1-
PH1167	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel		lần	1	4.395.000	4.241.000	4.241.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật nội soi cắt nối ruột
LA77	Lấy cao răng		lần	1	143.000	134.000	134.000	Thủ thuật loại 1--/Lấy cao răng và đánh bóng hai hàm
VI24	Vi khuẩn kháng thuốc định tính		lần	1	202.000	196.000	196.000	--/Vi khuẩn/ vi nấm kháng thuốc định tính hoặc vi khuẩn/ vi nấm kháng thuốc trên máy tự động
NO252	Nội soi ổ bụng chẩn đoán		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Nội soi)
PH1017	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh quản,...) (gây tê/gây mê)		lần	1	4.296.000	4.159.000	4.159.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papilloma, kén hơi thanh quản...)
CH323	Chích chấp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc		lần	1	81.000	78.400	78.400	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chích chấp hoặc lẹo

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA122	Lấy dị vật giác mạc		lần	1	688.000	665.000	665.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây mê)
NO327	Nội soi tháo sonde JJ		lần	1	915.000	893.000	893.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Nội soi bàng quang và gấp dị vật hoặc lấy máu cục
LA121	Lấy dị vật giác mạc		lần	1	88.400	82.100	82.100	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê)
PH1016	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Microdebrider (Hummer)		lần	1	4.296.000	4.159.000	4.159.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papilloma, kén hơi thanh quản...)
NO415	Nội soi đặt sonde JJ[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LA119	Lấy dị vật giác mạc		lần	1	338.000	327.000	327.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây tê)
NO439	Nội soi vá rò bàng quang - âm đạo		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1-
PH1321	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang		lần	1	9.235.000	9.019.000	9.019.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm keo sinh học./Phẫu thuật nội soi cắt bỏ khối u vùng mũi xoang
NO438	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ bàng quang		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1-
PH1693	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
LA120	Lấy dị vật giác mạc		lần	1	893.000	862.000	862.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây mê)
NO190	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng		lần	1	4.465.000	4.293.000	4.293.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt nối ruột
LA135	Lấy dị vật giác mạc sâu		lần	1	88.400	82.100	82.100	Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê)
PH1600	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO189	Nội tắt ruột non - ruột non		lần	1	4.465.000	4.293.000	4.293.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt nối ruột
PH1450	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
LA134	Lấy dị vật giác mạc sâu		lần	1	338.000	327.000	327.000	Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây tê)
PH967	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1019	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hổ lưỡi thanh thiệt		lần	1	3.125.000	3.002.000	3.002.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi cắt u hạ họng hoặc hổ lưỡi thanh thiệt
LA88	Lấy dị vật hạ họng		lần	1	41.600	40.800	40.800	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật họng
LA102	Lấy dị vật hạ họng		lần	1	41.600	40.800	40.800	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Lấy dị vật họng
PH2408	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1451	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
NO331	Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc/ hóa chất		lần	1	5.036.000	5.010.000	5.010.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm thuốc gây mê/Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc hoặc hóa chất
LA89	Lấy dị vật họng miệng		lần	1	41.600	40.800	40.800	Thủ thuật loại 3--/Lấy dị vật họng
NO435	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản		lần	1	1.303.000	1.279.000	1.279.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH961	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
PH1415	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
PH1215	Phẫu thuật nội soi cắt u nang mạc nối lớn		lần	1	3.821.000	3.680.000	3.680.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm, kẹp khóa mạch máu./Phẫu thuật nội soi cắt u trong ổ bụng
LA139	Lấy dị vật kết mạc		lần	1	67.000	64.400	64.400	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật kết mạc nông một mắt
PH1336	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
PH999	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng		lần	1	2.898.000	2.814.000	2.814.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nạo V.A nội soi
LA109	Lấy dị vật kết mạc		lần	1	67.000	64.400	64.400	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Lấy dị vật kết mạc nông một mắt
PH1062	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư- tuyến vú		lần	1	5.060.000	4.803.000	4.803.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt vú theo phương pháp Patey, cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách
PH2296	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa		lần	1	3.996.000	3.873.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi
LA90	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê		lần	1	201.000	194.000	194.000	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật trong mũi không gây mê
PH2423	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng[Gây tê]		lần	1	2.235.000	2.026.009	2.677.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1541	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
LA198	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê		lần	1	684.000	673.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật trong mũi có gây mê
PH1705	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn		lần	1	3.988.000	3.817.000	3.817.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật nạo vét hạch

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2361	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn		lần	1	3.311.000	3.188.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
LA91	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê		lần	1	684.000	673.000	673.000	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật trong mũi có gây mê
PH1725	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ		lần	1	3.988.000	3.817.000	3.817.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật nạo vét hạch
PH1043	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
PH1724	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách		lần	1	3.988.000	3.817.000	3.817.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật nạo vét hạch
PH1142	Phẫu thuật nội soi cổ định dạ dày		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
LA107	Lấy dị vật tai		lần	1	65.600	62.900	62.900	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật tai ngoài đơn giản
CH903	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
LA95	Lấy dị vật tai		lần	1	520.000	514.000	514.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây mê)
NO431	Nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận		lần	1	3.946.000	3.718.000	3.718.000	Phẫu thuật loại ĐB-
PH1479	Phẫu thuật cầm máu lại sau mổ tuyến giáp		lần	1	3.446.000	3.345.000	3.345.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
PH1156	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
CH844	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
LA94	Lấy dị vật tai		lần	1	161.000	155.000	155.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây tê)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2613	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1342	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ		lần	1	3.102.000	3.040.000	3.040.000	Phẫu thuật loại 3--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên
NO430	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận		lần	1	3.946.000	3.718.000	3.718.000	Phẫu thuật loại ĐB-
PH1357	Phẫu thuật cắt 1 túi trĩ		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH2534	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ[Gây tê]		lần	1	2.762.000	2.076.340	3.040.000	Phẫu thuật loại 3--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH399	Chích chấp, lẹo, nang lông mi, chích áp xe mi, kết mạc		lần	1	81.000	78.400	78.400	Thủ thuật loại 2--/Chích chấp hoặc lẹo
LA98	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)		lần	1	520.000	514.000	514.000	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây mê)
NO434	Nội soi nong niệu quản hẹp		lần	1	929.000	917.000	917.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm Sonde JJ.
LA116	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)		lần	1	161.000	155.000	155.000	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây tê)
NO248	Nội soi tán sỏi niệu đạo		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Nội soi)
PH2314	Phẫu thuật cắt 1 túi trĩ		lần	1	2.655.000	2.562.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2656	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đường vào qua ổ bụng (TAPP)		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm tấm lưới nhân tạo.
LA202	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài		lần	1	65.600	62.900	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Lấy nút biểu bì ống tai
CH921	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	159.000	150.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
PH1038	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator		lần	1	2.403.000	2.355.000	2.355.000	Phẫu thuật loại 2--Bao gồm cả Coblator./Cắt Amidan dùng Coblator (gây mê)
PH2468	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	2.862.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1164	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng		lần	1	2.657.000	2.564.000	2.564.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
PH2305	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê		lần	1	1.689.000	1.648.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt Amidan bằng dao điện
PH1214	Phẫu thuật nội soi điều trị apxe gan		lần	1	3.486.000	3.316.000	3.316.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm đầu dao cắt gan siêu âm, keo sinh học, dao cắt hàn mạch, hàn mô./Phẫu thuật nội soi điều trị bệnh lý gan mật khác
PH2318	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay		lần	1	3.011.000	2.887.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
LA114	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài		lần	1	65.600	62.900	62.900	Thủ thuật loại 2--/Lấy nút biểu bì ống tai
PH1737	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê		lần	1	1.689.000	1.648.000	1.648.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt Amidan bằng dao điện

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1216	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột		lần	1	4.395.000	4.241.000	4.241.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật nội soi cắt nối ruột
LA110	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi		lần	1	968.000	944.000	944.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm sonde niệu quản và dây dẫn Guide wire./Lấy sỏi niệu quản qua nội soi
PH1218	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt		lần	1	4.019.000	3.789.000	3.789.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế./Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy hoặc tế bào gai vùng mặt + tạo hình vật da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình
PH1599	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)		lần	1	6.181.000	6.023.000	6.023.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)
PH1036	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vật tại chỗ		lần	1	3.759.000	3.601.000	3.601.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Kỹ thuật tạo vật da tại chỗ điều trị vết thương, vết bỏng và di chứng
LA148	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi		lần	1	968.000	944.000	944.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm sonde niệu quản và dây dẫn Guide wire./Lấy sỏi niệu quản qua nội soi
PH1617	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mồm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH1330	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt		lần	1	5.892.000	5.628.000	5.628.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt
LO16	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc		lần	1	1.672.000	1.636.000	1.636.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin./Lọc tách huyết tương (01 lần)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2482	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì đè[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1544	Phẫu thuật nội soi hàm sàng trán bướm		lần	1	8.419.000	8.042.000	8.042.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm
LO11	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc (quả lọc kép)		lần	1	1.672.000	1.636.000	1.636.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin./Lọc tách huyết tương (01 lần)
NO275	Nội túi mật - hồng tràng		lần	1	4.571.000	4.399.000	4.399.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật nối mật ruột
PH1160	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ		lần	1	2.962.000	2.862.000	2.862.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
PH2300	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở		lần	1	2.618.000	2.448.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Phẫu thuật Nội soi)
LO19	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục		lần	1	988.000	964.000	964.000	Thủ thuật loại 1--/Lọc màng bụng liên tục 24 giờ bằng máy (thẩm phân phúc mạc)
LO13	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục 24h		ngày	1	574.000	562.000	562.000	Thủ thuật loại 1--/Lọc màng bụng chu kỳ (CAPD)
PH1226	Phẫu thuật cắt bỏ u da ác tính vành tai		lần	1	4.019.000	3.789.000	3.789.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế./Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy hoặc tế bào gai vùng mặt + tạo hình vật da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình
PH1345	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dái tai		lần	1	849.000	834.000	834.000	Phẫu thuật loại 3--/Mổ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây tê
PH1031	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở		lần	1	2.618.000	2.448.000	2.448.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Phẫu thuật Nội soi)
PH1346	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dái tai		lần	1	1.353.000	1.334.000	1.334.000	Phẫu thuật loại 3--/Mổ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây mê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1480	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung		lần	1	5.247.000	5.089.000	5.089.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung
LO12	Lọc màng bụng chu kỳ (CAPD)		lần	1	574.000	562.000	562.000	Thủ thuật loại 1--/Lọc màng bụng chu kỳ (CAPD)
PH876	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai		lần	1	1.353.000	1.334.000	1.334.000	Phẫu thuật loại 3--/Mổ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây mê
PH1738	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày		lần	1	2.984.000	2.896.000	2.896.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
LO06	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)		lần	1	1.565.000	1.541.000	1.541.000	Thủ thuật loại 1--/Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận./Thận nhân tạo cấp cứu
PH2463	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH894	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu từ 2cm trở lên		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
PH882	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật lân cận		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
PH1141	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng		lần	1	4.395.000	4.241.000	4.241.000	Phẫu thuật loại 1--/Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật nội soi cắt nối ruột
LO14	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)		lần	1	1.565.000	1.541.000	1.541.000	--/Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận./Thận nhân tạo cấp cứu
PH1220	Phẫu thuật tạo vật da lân cận cho vết thương khuyết da mi		lần	1	4.986.000	4.770.000	4.770.000	Phẫu thuật loại 2--/Kỹ thuật tạo vật da có cuống mạch liền điều trị vết thương, sẹo
LO17	Lọc máu hấp phụ bằng quả lọc resin		lần	1	1.565.000	1.541.000	1.541.000	Thủ thuật loại ĐB--/Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận./Thận nhân tạo cấp cứu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH102	Khám Phục hồi chức năng		lần	1	37.500	34.500	34.500	
PH1282	Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo		lần	1	2.759.000	2.660.000	2.660.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo
PH1202	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương khí quản cổ		lần	1	12.317.000	12.173.000	12.173.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm Stent, bộ tim phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim (ở người bệnh hẹp khí - phế quản bẩm sinh)/Tạo hình khí-phế quản
PH1420	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH2422	Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo[Gây tê]		lần	1	2.039.000	1.794.711	2.660.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1613	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng		lần	1	4.395.000	4.241.000	4.241.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật nội soi cắt nối ruột
LO10	Lọc máu liên tục		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH1185	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa		lần	1	2.962.000	2.862.000	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
PH2442	Phẫu thuật tháo khớp vai[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1618	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2420	Phẫu thuật nội soi khâu thùng ruột non[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DO111	Đo sắc giác		lần	1	71.300	65.900	65.900	--/Sắc giác
LO31	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại DB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH1319	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi
PH1740	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày		lần	1	2.984.000	2.896.000	2.896.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi khâu thùng dạ dày
PH1341	Phẫu thuật bóc u thành ngực		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
PH2579	Phẫu thuật cắt cụt đùi[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2472	Phẫu thuật tháo nẹp, vít[Gây tê]		lần	1	2.350.000	2.139.746	2.822.000	--/Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương hai bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1140	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng		lần	1	4.395.000	4.241.000	4.241.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật nội soi cắt nối ruột
CH330	Chích hạch viêm mũi		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại DB-NHI KHOA-/Chích rạch nốt, Ap xe nhỏ dẫn lưu
LO29	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại DB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2495	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1108	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
PH1137	Phẫu thuật trĩ độ 1V		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
BO32	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu		lần	1	5.160.000	4.947.000	4.947.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến
PH2395	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LO28	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
RU59	Rửa bàng quang lấy máu cục		lần	1	209.000	198.000	198.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm hóa chất./Rửa bàng quang
CA409	Cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
PH1122	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
CH331	Chích rạch áp xe nhỏ		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Chích rạch nhọt, Áp xe nhỏ dẫn lưu
LO20	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH1572	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng		lần	1	5.690.000	5.528.000	5.528.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LO27	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH1698	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản đoạn trên qua nội soi sau phúc mạc		lần	1	4.198.000	4.027.000	4.027.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
LO21	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
CH947	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) [R41]		lần	1	20.700	18.900	18.900	
LO30	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH1175	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr		lần	1	3.486.000	3.316.000	3.316.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi./Phẫu thuật nội soi lấy sỏi mật hay dị vật đường mật
PH1323	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang		lần	1	5.039.000	4.922.000	4.922.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu hoặc cắt bỏ u nhày xoang
PH2402	Phẫu thuật trĩ độ 3[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kê hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LO15	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
CH867	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA221	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 2--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng
LO26	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH1248	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
PH1170	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da		lần	1	2.715.000	2.697.000	2.697.000	Phẫu thuật loại 1--/Mở thông dạ dày qua nội soi
PH2410	Phẫu thuật cắt 1 túi trĩ[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1105	Phẫu thuật nội soi mở hồng tràng ra da		lần	1	2.715.000	2.697.000	2.697.000	Phẫu thuật loại 1--/Mở thông dạ dày qua nội soi
LO25	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH1380	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
LO24	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH1417	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1070	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới		lần	1	998.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Tai Mũi Họng)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH905	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức		lần	1	2.660.000	2.598.000	2.598.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu
PH1176	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi		lần	1	3.216.000	3.093.000	3.093.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt túi mật
KH136	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bụng sâu		lần	1	193.000	182.000	182.000	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc vô cảm, sản phẩm nuôi cấy, quần áo, tắt áp lực, thuốc chống se./Thủ thuật loại III (Bông)
LO23	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp		lần	1	2.248.000	2.212.000	2.212.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc./Lọc máu liên tục (01 lần)
PH2604	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LO09	Lọc máu thay huyết tương		lần	1	1.672.000	1.636.000	1.636.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin./Lọc tách huyết tương (01 lần)
PH1481	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa		lần	1	2.881.000	2.782.000	2.782.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa
PH1169	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật		lần	1	2.715.000	2.697.000	2.697.000	Phẫu thuật loại 1--/Mở thông dạ dày qua nội soi
KY25	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người		lần	1	51.400	46.900	46.900	Thủ thuật loại 3--/Tập vận động toàn thân
LO18	Lọc và tách huyết tương chọn lọc		lần	1	1.672.000	1.636.000	1.636.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin./Lọc tách huyết tương (01 lần)
PH2595	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2353	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc		lần	1	4.325.000	4.170.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi u thượng thận hoặc nang thận
PH1124	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày		lần	1	2.715.000	2.697.000	2.697.000	Phẫu thuật loại 2--/Mở thông dạ dày qua nội soi
PH1172	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
MO93	Mở bao sau đục bằng laser		lần	1	268.000	257.000	257.000	Thủ thuật loại 1--/Mở bao sau bằng Laser
MO95	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bông		lần	1	734.000	719.000	719.000	Thủ thuật loại 1--/Mở khí quản
PH1669	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH2371	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm		lần	1	3.996.000	3.833.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
PH1002	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
MO55	Mở khí quản qua da cấp cứu		lần	1	734.000	719.000	719.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Mở khí quản
CA527	Cắt các u lành tuyến giáp		lần	1	1.914.000	1.784.000	1.784.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
CA560	Cắt u bao gân		lần	1	1.914.000	1.784.000	1.784.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
PH2282	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng		lần	1	3.037.000	2.955.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang hoặc polyp hoặc hạt xơ hoặc u hạt dây thanh
MO72	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngay thở		lần	1	734.000	719.000	719.000	Thủ thuật loại 1--/Mở khí quản
CH408	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
MO75	Mở màng phổi cấp cứu		lần	1	607.000	596.000	596.000	Thủ thuật loại 1--/Dẫn lưu màng phổi tối thiểu
PH1004	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng		lần	1	3.037.000	2.955.000	2.955.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang hoặc polyp hoặc hạt xơ hoặc u hạt dây thanh

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1071	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.894.511	2.761.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt bỏ âm hộ đơn thuần/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
MO74	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca		lần	1	607.000	596.000	596.000	Thủ thuật loại 1--/Dẫn lưu màng phổi tối thiểu
PH1005	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuồn mũi dưới
CH871	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1543	Phẫu thuật nội soi nạo sàng trước / sau		lần	1	8.419.000	8.042.000	8.042.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm
PH988	Phẫu thuật tắc ruột do giun		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH1723	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ		lần	1	5.232.000	5.019.000	5.019.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, vật liệu tạo hình hộp sọ, màng não nhân tạo./Phẫu thuật u xương sọ
MO54	Mở thông bàng quang trên xương mu		lần	1	384.000	373.000	373.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Mở thông bàng quang (gây tê tại chỗ)
GI57	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	182.700	160.000	160.000	
PH1068	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)		lần	1	1.605.000	1.574.000	1.574.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm cả dao Hummer./Nội soi nạo VA gây mê sử dụng Hummer
CH368	Chích rạch màng trinh do ứ máu kinh		lần	1	825.000	790.000	790.000	Thủ thuật loại 1--/Chích rạch màng trinh do ứ máu kinh
NA188	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu		lần	1	412.000	399.000	399.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn trật khớp khuỷu tay hoặc khớp xương đòn hoặc khớp hàm (bột liền)
PH1736	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày		lần	1	2.984.000	2.896.000	2.896.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
PH1072	Phẫu thuật nội soi nong- dẫn lưu túi lệ		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1364	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân		lần	1	7.372.000	7.175.000	7.175.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân
DA173	Đặt ống nội khí quản		lần	1	579.000	568.000	568.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt nội khí quản
NA280	Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT		lần	1	48.700	45.300	45.300	Thủ thuật loại 2--/Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp
PH1482	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa		lần	1	5.121.000	4.963.000	4.963.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
NA278	Nắn sai khớp thái dương hàm		lần	1	105.000	103.000	103.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn trật khớp thái dương hàm
PH1551	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa		lần	1	5.121.000	4.963.000	4.963.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
NA174	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê		lần	1	1.724.000	1.662.000	1.662.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn
PH871	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật		lần	1	2.660.000	2.598.000	2.598.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu
PH2358	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa		lần	1	5.121.000	4.963.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
PH2448	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm²[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm²/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA276	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê		lần	1	1.724.000	1.662.000	1.662.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn
KH101	Khám Răng hàm mặt		lần	1	37.500	34.500	34.500	
PH1147	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai		lần	1	5.690.000	5.528.000	5.528.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng
KH173	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)		lần	1	23.000	20.400	20.400	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc khí dung./Khí dung
NA173	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi		lần	1	37.300	35.200	35.200	Thủ thuật loại 3--/Nặn tuyến bờ mi
TH238	Tháo lồng bằng bơm khí/nước		lần	1	148.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Tháo lồng ruột bằng hơi hay baryte
TH463	Thay băng trên người bệnh loét loét đường		lần	1	85.000	82.400	82.400	Thủ thuật loại 3--/Thay băng vết thương chiều dài trên 15cm đến 30 cm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1155	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
NA204	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay		lần	1	412.000	399.000	399.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn trật khớp khuỷu tay hoặc khớp xương đòn hoặc khớp hàm (bột liền)
PH1283	Phẫu thuật tạo hình vết thương khuyết da dương vật bằng vật da tại chỗ		lần	1	4.986.000	4.770.000	4.770.000	Phẫu thuật loại 2--/Kỹ thuật tạo vật da có cuống mạch liền điều trị vết thương, sẹo
DA217	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)		lần	1	579.000	568.000	568.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt nội khí quản
HU34	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	132.000	125.000	125.000	Thủ thuật loại 2--/Hút dịch khớp dưới hướng dẫn của siêu âm
LA108	Làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm khuẩn		lần	1	88.900	85.600	85.600	--/Làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm khuẩn
CA1059	Cắt bỏ tinh hoàn[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1598	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ		lần	1	9.311.000	9.153.000	9.153.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ
CH366	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng		lần	1	949.000	880.000	880.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng
NA294	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay		lần	1	412.000	399.000	399.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp khuỷu tay hoặc khớp xương đòn hoặc khớp hàm (bột liền)
PH1115	Phẫu thuật nội soi sào bào thượng nhĩ (kín / hở)		lần	1	8.419.000	8.042.000	8.042.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm
NA156	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)
PH1151	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận		lần	1	4.198.000	4.027.000	4.027.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NA216	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)
GI163	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	182.700	160.000	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
PH1158	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Nội soi)
NA184	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)
PH2409	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1154	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Nội soi)
PH2288	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay		lần	1	2.883.000	2.790.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vắ da nhỏ diện tích < 10 cm2
DA91	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên		lần	1	22.800	21.400	21.400	Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền./Truyền tĩnh mạch
KY28	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)		lần	1	52.500	48.600	48.600	--/Kỹ thuật tập luyện với dụng cụ chỉnh hình
CH924	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	568.000	554.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Siêu âm can thiệp điều trị áp xe hoặc u hoặc nang trong ổ bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1733	Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng		lần	1	4.395.000	4.241.000	4.241.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật nội soi cắt nối ruột
PH1446	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)		lần	1	5.596.000	5.383.000	5.383.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ./Phẫu thuật vết thương sọ não hở
NA192	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
PH1601	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
PH1066	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh		lần	1	3.037.000	2.955.000	2.955.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang hoặc polyp hoặc hạt xơ hoặc u hạt dây thanh
DA125	Đặt sonde hậu môn		lần	1	85.900	82.100	82.100	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thụt tháo phân hoặc Đặt sonde hậu môn
LA106	Lấy dị vật âm đạo		lần	1	602.000	573.000	573.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật âm đạo
PH2372	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi		lần	1	1.499.000	1.388.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
CH338	Chọc dịch màng bụng		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
LA200	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê		lần	1	201.000	194.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật trong mũi không gây mê
NA290	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
NO342	Nội soi tai mũi họng		lần	1	108.000	104.000	104.000	--Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca./Nội soi Tai Mũi Họng
PH966	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
NA218	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH873	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1046	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)		lần	1	998.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Tai Mũi Họng)
PH1048	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng Laser		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
NA158	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)
GI197	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa nội tổng hợp		ngày	1	182.700	160.000	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
PH1150	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận		lần	1	3.129.000	3.044.000	3.044.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt túi sa niệu quản bằng nội soi
NA239	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
PH1605	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
CH453	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH2485	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa môm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH525	Tháo khớp khuỷu[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2313	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ		lần	1	5.229.000	5.071.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
NA180	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
PH1579	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc		lần	1	4.325.000	4.170.000	4.170.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi u thượng thận hoặc nang thận

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1607	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
PH880	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bẩm sinh		lần	1	2.637.000	2.493.000	2.493.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng
PH903	Phẫu thuật tháo nẹp, vít		lần	1	3.002.000	2.822.000	2.822.000	--/Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương hai bên
NA199	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
CA539	Cắt polype trực tràng		lần	1	1.063.000	1.038.000	1.038.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt polyp ống tiêu hoá (thực quản hoặc dạ dày hoặc đại tràng hoặc trực tràng)
PH1606	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
NA220	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)
PH1168	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng		lần	1	4.448.000	4.276.000	4.276.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm./Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
CA1030	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm		lần	1	729.000	705.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm
NA161	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)
CA430	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
PH1217	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mí mắt		lần	1	2.883.000	2.790.000	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2
CA450	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
PH2623	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng[Gây tê]		lần	1	3.393.000	3.103.773	4.276.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm./Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NA178	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
CA1064	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH832	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1012	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong		lần	1	3.621.000	3.424.000	3.424.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Tai Mũi Họng)
NA202	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)
PH1010	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch sàng		lần	1	2.834.000	2.750.000	2.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi 1 bên, 2 bên
PH2569	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa[Gây tê]		lần	1	2.635.000	1.990.196	3.342.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA259	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
PH2659	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2-
NA195	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
PH897	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm		lần	1	729.000	705.000	705.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm
PH1013	Phẫu thuật nội soi thắt/ đốt động mạch bướm khẩu cái		lần	1	2.834.000	2.750.000	2.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi 1 bên, 2 bên
PH2543	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI802	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quận thận		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
NA201	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
PH2427	Phẫu thuật nội soi thắt/ đốt động mạch bướm khâu cái[Gây tê]		lần	1	1.887.000	1.628.167	2.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi 1 bên, 2 bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2537	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên[Gây tê]		lần	1	2.357.000	2.199.780	2.945.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai lần thứ 2 trở lên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1389	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
DI601	Điện nhĩ châm điều trị chấp lẹo		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
NA254	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
TA88	Tập với dụng cụ quay khớp vai		lần	1	30.600	29.000	29.000	--/Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
NG17	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin		lần	1	132.000	130.000	130.000	--/Nghiệm pháp dung nạp glucose cho bệnh nhân thường
PH1302	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
PH1677	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
KY47	Kỹ thuật xoa bóp vùng		lần	1	45.200	41.800	41.800	Thủ thuật loại 3--/Xoa bóp cục bộ bằng tay
NA245	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
PH875	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai		lần	1	849.000	834.000	834.000	Phẫu thuật loại 3--/Mổ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây tê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2323	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng		lần	1	5.229.000	5.071.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
NA181	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
PH998	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh bằng ống soi mềm gây tê		lần	1	3.037.000	2.955.000	2.955.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang hoặc polyp hoặc hạt xơ hoặc u hạt dây thanh
DI762	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
DI583	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
NA212	Nắn, bó bột gãy Dupuytren		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)
PH2290	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ		lần	1	6.832.000	6.575.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
NA165	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
CA1105	Cấp cứu nội niệu đạo do vỡ xương chậu[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1552	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung		lần	1	6.832.000	6.575.000	6.575.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
PH1414	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
DI496	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NA263	Nắn, bó bột gãy mâm chày		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)
HB15	HBsAb test nhanh		lần	1	61.700	59.700	59.700	--/HBeAb test nhanh
PH1297	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)		lần	1	3.131.000	2.973.000	2.973.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nối dây thần kinh (tính 1 dây)
PH2488	Phẫu thuật viêm xương đùi đực, mô, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa môm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA261	Nắn, bó bột gãy Monteggia		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)
PH1388	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam		lần	1	2.962.000	2.862.000	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
NA210	Nắn, bó bột gãy Monteggia		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)
CH927	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	228.000	219.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Chọc hút dịch điều trị u nang giáp dưới hướng dẫn của siêu âm
PH2333	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam		lần	1	2.962.000	2.862.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
VA08	Vá nhĩ đơn thuần		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Vá nhĩ đơn thuần
NA226	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)
PH2466	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA644	Cắt 1 thyu tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao siêu âm		lần	1	4.569.000	4.468.000	4.468.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI507	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
KH160	Khâu vòng cổ tử cung		lần	1	561.000	549.000	549.000	Thủ thuật loại 1--/Khâu vòng cổ tử cung
LA199	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)		lần	1	161.000	155.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây tê)
NA307	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)
PH2470	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2383	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn[Gây tê]		lần	1	1.928.000	1.814.685	2.321.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA224	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)
PH1559	Phẫu thuật quặm		lần	1	1.474.000	1.417.000	1.417.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 2 mi - gây mê
NA265	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)
GI208	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	287.500	256.300	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
PH1555	Phẫu thuật quặm		lần	1	1.921.000	1.837.000	1.837.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 4 mi - gây mê
NA243	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
CH403	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	760.000	722.000	722.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc ối
CH611	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH1556	Phẫu thuật quặm		lần	1	1.710.000	1.640.000	1.640.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 3 mi - gây mê
NA208	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân		lần	1	242.000	234.000	234.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột bàn chân hoặc bàn tay (bột liền)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2315	Phẫu thuật quặm		lần	1	660.000	638.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 1 mi - gây tê
PH2664	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ		lần	1	5.596.000	5.383.000	5.383.000	Phẫu thuật loại ĐB-Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng vá khuyết sọ, miếng vá nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ.
VA16	Vá nhĩ đơn thuần[Gây tê]		lần	1	2.989.000	2.709.775	3.720.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Vá nhĩ đơn thuần/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA148	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân		lần	1	242.000	234.000	234.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột bàn chân hoặc bàn tay (bột liền)
PH1561	Phẫu thuật quặm		lần	1	1.277.000	1.235.000	1.235.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 1 mi - gây mê
NA222	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay		lần	1	242.000	234.000	234.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Nắn, bó bột bàn chân hoặc bàn tay (bột liền)
GI164	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	182.700	160.000	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
PH1554	Phẫu thuật quặm		lần	1	1.291.000	1.236.000	1.236.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 4 mi - gây tê
RU39	Rút chỉ thép xương ức		lần	1	1.777.000	1.731.000	1.731.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Rút đinh hoặc tháo phương tiện kết hợp xương
BO35	Bơm thông lệ đạo		lần	1	98.600	94.400	94.400	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Thông lệ đạo hai mắt
NA308	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay		lần	1	242.000	234.000	234.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột bàn chân hoặc bàn tay (bột liền)
PH1560	Phẫu thuật quặm		lần	1	660.000	638.000	638.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 1 mi - gây tê
VA17	Vá nhĩ đơn thuần[Gây tê]		lần	1	2.989.000	2.709.775	3.720.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Vá nhĩ đơn thuần/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA228	Nắn, bó bột gãy xương chậu		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
PH1558	Phẫu thuật quặm		lần	1	877.000	845.000	845.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 2 mi - gây tê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
SI130	Sinh thiết tổ chức kết mạc		lần	1	150.000	150.000	150.000	Phẫu thuật loại 3--/Sinh thiết u, tế bào học, dịch tổ chức
PH2653	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)		lần	1	4.465.000	4.307.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân hoặc bệnh lý sản khoa
NA214	Nắn, bó bột gãy xương chày		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền)
CA600	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư- + nạo vết hạch bẹn hai bên		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
PH1190	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)		lần	1	1.921.000	1.837.000	1.837.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mô quặm 4 mi - gây mê
TA65	Tạo hình các vật da che phủ, vật trượt		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
AP04	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)		lần	1	134.000	130.000	130.000	Thủ thuật loại 2--/Đốt họng bằng khí CO2 (Bảng áp lạnh)
NA269	Nắn, bó bột gãy xương đòn		lần	1	412.000	399.000	399.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp khuỷu tay hoặc khớp xương đòn hoặc khớp hàm (bột liền)
PH1189	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)		lần	1	1.291.000	1.236.000	1.236.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mô quặm 4 mi - gây tê
CH298	Chọc dịch tủy sống		lần	1	114.000	107.000	107.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chưa bao gồm kim chọc dò./Chọc dò tủy sống
NA152	Nắn, bó bột gãy xương gót		lần	1	152.000	144.000	144.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó gãy xương gót
CA1109	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư- + nạo vết hạch bẹn hai bên[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1193	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)		lần	1	877.000	845.000	845.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mô quặm 2 mi - gây tê
BO36	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng		lần	1	184.000	178.000	178.000	Thủ thuật loại 2--/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NA179	Nắn, bó bột gãy xương gót		lần	1	152.000	144.000	144.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nắn, bó gãy xương gót
PH1194	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)		lần	1	1.474.000	1.417.000	1.417.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 2 mi - gây mê
NA206	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân		lần	1	242.000	234.000	234.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Nắn, bó bột bàn chân hoặc bàn tay (bột liền)
SI104	Siêu âm Doppler mạch máu cấp cứu		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
BO66	Bóc nang tuyến Bartholin		lần	1	1.309.000	1.274.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Bóc nang tuyến Bartholin
PH942	Phẫu thuật quặm tái phát		lần	1	1.710.000	1.640.000	1.640.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 3 mi - gây mê
PH1540	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi		lần	1	8.775.000	8.559.000	8.559.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật nội soi cắt bỏ u xơ mạch vòm mũi họng
BO44	Bóc nang tuyến Bartholin		lần	1	1.309.000	1.274.000	1.274.000	Thủ thuật loại 1--/Bóc nang tuyến Bartholin
DI852	Điện châm		lần	1	78.400	74.300	74.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (có kim dài)
GI178	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	182.700	160.000	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
PH946	Phẫu thuật quặm tái phát		lần	1	660.000	638.000	638.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 1 mi - gây tê
NA151	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân		lần	1	242.000	234.000	234.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột bàn chân hoặc bàn tay (bột liền)
CA642	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
PH943	Phẫu thuật quặm tái phát		lần	1	1.112.000	1.068.000	1.068.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 3 mi - gây tê
NA144	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân		lần	1	267.000	259.000	259.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp khuỷu chân hoặc khớp cổ chân hoặc khớp gối (bột liền)
GI45	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền		ngày	1	147.600	130.600	130.600	
SI135	Siêu âm Doppler mạch máu khối u gan		lần	1	233.000	222.000	222.000	--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO388	Nội soi tán sỏi niệu đạo		lần	1	1.507.000	1.456.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Nội soi)
PH947	Phẫu thuật quặm tái phát		lần	1	1.277.000	1.235.000	1.235.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 1 mi - gây mê
BO39	Bơm hơi vòi nhĩ		lần	1	119.000	115.000	115.000	Thủ thuật loại 2--/Thông vòi nhĩ nội soi
CH364	Chọc dò màng bụng sơ sinh		lần	1	419.000	404.000	404.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc dò màng bụng sơ sinh
MO73	Mở khí quản qua màng nhĩn giáp		lần	1	734.000	719.000	719.000	Thủ thuật loại 1--/Mở khí quản
NA163	Nắn, bó bột trật khớp gối		lần	1	267.000	259.000	259.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp khuỷu chân hoặc khớp cổ chân hoặc khớp gối (bột liền)
SI137	Siêu âm Doppler màu tim gắng sức với Dobutamine		lần	1	598.000	587.000	587.000	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm tim gắng sức
PH1063	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú		lần	1	5.060.000	4.803.000	4.803.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt vú theo phương pháp Patey, cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách
PH940	Phẫu thuật quặm tái phát		lần	1	1.291.000	1.236.000	1.236.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 4 mi - gây tê
BO45	Bơm rửa khoang màng phổi		lần	1	227.000	216.000	216.000	Thủ thuật loại 2--/Bơm rửa khoang màng phổi
CH417	Chọc dò màng ngoài tim		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc dò màng tim
MO102	Mở thông bàng quang trên xương mu		lần	1	384.000	373.000	373.000	Thủ thuật loại 1--/Mở thông bàng quang (gây tê tại chỗ)
CA1032	Cắt u thành âm đạo		lần	1	2.128.000	2.048.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Cắt u thành âm đạo
PH1745	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt		lần	1	2.288.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị viêm nhiễm toả lan, áp xe vùng hàm mặt
BO50	Bơm rửa lệ đạo		lần	1	38.300	36.700	36.700	Thủ thuật loại 2--/Bơm rửa lệ đạo
CA475	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)		lần	1	279.000	275.000	275.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Cầm máu mũi bằng Merocell (2 bên)
NA250	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh		lần	1	727.000	714.000	714.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh (bột liền)
PH1054	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt		lần	1	2.288.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật điều trị viêm nhiễm toả lan, áp xe vùng hàm mặt
CA398	Cắt móng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp		lần	1	970.000	934.000	934.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm đầu cắt./Phẫu thuật cắt màng đồng tử

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2578	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2627	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại từ cung sau mổ lấy thai[Gây tê]		lần	1	3.409.000	3.063.069	4.585.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại từ cung sau mổ lấy thai/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1432	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1111	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tăng sinh môn đơn giản		lần	1	2.340.000	2.248.000	2.248.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn
PH1433	Phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2626	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng[Gây tê]		lần	1	3.555.000	3.268.327	4.415.000	Phẫu thuật loại ĐB-- /Phẫu thuật đóng dò bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
BO65	Bơm rửa lệ đạo		lần	1	38.300	36.700	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Bơm rửa lệ đạo
NA267	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu		lần	1	412.000	399.000	399.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp khuỷu tay hoặc khớp xương đòn hoặc khớp hàm (bột liền)
PH1311	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
BO53	Bơm rửa ổ lao khớp		lần	1	96.000	92.900	92.900	Thủ thuật loại 1--/Thay rửa hệ thống dẫn lưu màng phổi
CH618	Chọc dò ổ bụng cấp cứu		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NA271	Nắn, bó bột trật khớp vai		lần	1	327.000	319.000	319.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp vai (bột liền)
PH933	Phẫu thuật rò khe mang I		lần	1	4.740.000	4.623.000	4.623.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII
CA780	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
NA146	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn		lần	1	412.000	399.000	399.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp khuỷu tay hoặc khớp xương đòn hoặc khớp hàm (bột liền)
CA680	Cắt u buồng trứng qua nội soi		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
PH934	Phẫu thuật rò sống mũi		lần	1	7.372.000	7.175.000	7.175.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình thóp mũi bằng vật liệu ghép tự thân
BO51	Bơm thông lệ đạo		lần	1	61.500	59.400	59.400	Thủ thuật loại 1--/Thông lệ đạo một mắt
CH907	Chọc dò trung thất dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại ĐB--/Chọc dò màng tim
NA230	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng		lần	1	267.000	259.000	259.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp khuỷu chân hoặc khớp cổ chân hoặc khớp gối (bột liền)
GI216	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	192.100	170.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
CA1016	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm		lần	1	1.914.000	1.784.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
PH2367	Phẫu thuật rò, nang ống rốn trắng, niệu rốn		lần	1	2.122.000	1.965.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
NA275	Nạo hút thai trứng		lần	1	824.000	772.000	772.000	Thủ thuật loại 1--/Nạo hút thai trứng
DA244	Đặt ống thông khí màng nhĩ[Gây tê]		lần	1	2.762.000	2.076.340	3.040.000	Phẫu thuật loại 3--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH906	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt		lần	1	2.605.000	2.461.000	2.461.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1029	Phẫu thuật rò, nang ống rốn trắng, niệu rốn		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
CH401	Chọc dò tủy sống sơ sinh		lần	1	114.000	107.000	107.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm kim chọc dò./Chọc dò tủy sống
NA182	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ		lần	1	355.000	344.000	344.000	Thủ thuật loại 2--/Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
CA1084	Cắt u nang buồng trứng xoắn[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH929	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ		lần	1	3.125.000	3.002.000	3.002.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe
BO37	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ		lần	1	227.000	216.000	216.000	Thủ thuật loại 2--/Bơm rửa khoang màng phổi
CA397	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu		lần	1	340.000	339.000	339.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Nhãn khoa)
CA766	Cấy chi điều trị hen phế quản		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
NA319	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ		lần	1	355.000	340.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 2--/Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
PH2541	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ[Gây tê]		lần	1	1.463.000	1.598.927	3.002.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
BO34	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh		lần	1	498.000	479.000	479.000	--Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần./Cấp cứu ngừng tuần hoàn
KH230	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2404	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH337	Chọc hút áp xe thành bụng		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Chích rạch nhọt, Apxe nhỏ dẫn lưu
PH889	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi đơn		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
NG25	Ngâm thuốc YHCT bộ phận		lần	1	51.400	49.400	49.400	Thủ thuật loại 3-
PH888	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi kép		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
NH29	Nhét bắc mũi sau		lần	1	124.000	116.000	116.000	Thủ thuật loại 2--/Nhét meche hoặc bắc mũi
CH410	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu		lần	1	5.487.000	5.273.000	5.273.000	Phẫu thuật loại 1--Chứa bao gồm vật liệu cầm máu./Phẫu thuật khâu vết thương gan hoặc chèn gạc cầm máu
KH169	Khâu kết mạc		lần	1	841.000	809.000	809.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây tê
PH2467	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chứa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2567	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ[Gây tê]		lần	1	2.139.000	1.772.056	3.288.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt sẹo khâu kín/Chứa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
SI140	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	847.000	828.000	828.000	Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết vú hoặc tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
PH1132	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chứa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
NH28	Nhét bắc mũi trước		lần	1	124.000	116.000	116.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Nhét meche hoặc bắc mũi
PH1275	Phẫu thuật sửa móm cụt chi		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
CA487	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA		lần	1	124.000	116.000	116.000	Thủ thuật loại 2--/Nhét meche hoặc bắc mũi
NH27	Nhét bắc mũi trước		lần	1	124.000	116.000	116.000	Thủ thuật loại 2--/Nhét meche hoặc bắc mũi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
GI288	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội tổng hợp		ngày	1	212.600	187.100	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
PH1495	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1059	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi		lần	1	313.000	295.000	295.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt, tạo hình phanh môi, phanh má hoặc lưỡi (không gây mê)
PH2492	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NH36	Nhĩ châm		lần	1	69.400	65.300	65.300	Thủ thuật loại 2--/Châm (kim ngắn)
PH1577	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vật tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
CA437	Cầm máu mũi bằng Merocel		lần	1	209.000	205.000	205.000	Thủ thuật loại 2--/Cầm máu mũi bằng Merocell (1 bên)
NH34	Nhổ chân răng sữa		lần	1	40.700	37.300	37.300	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nhổ răng sữa hoặc chân răng sữa
NG16	Nghiệm pháp phát hiện glocom		lần	1	115.000	107.000	107.000	Thủ thuật loại 3--/Nghiệm pháp phát hiện Glôcôm
PH1207	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
CH299	Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh		lần	1	114.000	107.000	107.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kim chọc dò./Chọc dò tủy sống
GI152	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền		ngày	1	60.900	48.000	48.000	
CA1061	Cắt u tá tràng[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2309	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
NG18	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm		lần	1	115.000	107.000	107.000	Thủ thuật loại 2--/Nghiệm pháp phát hiện Glôcôm
CA618	Cắt u thành âm đạo		lần	1	2.128.000	2.048.000	2.048.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt u thành âm đạo
PH2477	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1436	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
CA737	Cấy chỉ điều trị trĩ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
DO90	Đo điện thế kích thích cảm giác		lần	1	131.000	128.000	128.000	Thủ thuật loại 3--/Điện cơ (EMG)
CH434	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)[không thuốc cản quang]		lần	1	532.000	522.000	522.000	Thủ thuật loại 2--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang
CA474	Cắt u thành âm đạo		lần	1	2.128.000	2.048.000	2.048.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt u thành âm đạo
PH996	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản		lần	1	4.732.000	4.615.000	4.615.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm chi phí mũi khoan./Phẫu thuật chỉnh hình sẹp hẹp thanh khí quản bằng đặt ống nông
PH900	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liên
PH2591	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH893	Phẫu thuật tái tạo cho vết thương góc mắt		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
NH23	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay		lần	1	105.000	102.000	102.000	Thủ thuật loại 1--/Nhổ răng đơn giản
CH433	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)		lần	1	532.000	522.000	522.000	--/Chụp CT Scanner đến 32 dây không có thuốc cản quang
SI122	Siêu âm Doppler hốc mắt		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bảng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí
CA1053	Cắt u thành âm đạo[Gây tê]		lần	1	1.577.000	1.390.243	2.048.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u thành âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1052	Cắt u thành âm đạo[Gây tê]		lần	1	1.577.000	1.390.243	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Cắt u thành âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH511	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1- 32 dây)[có thuốc cản quang]		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dây có thuốc cản quang
SI114	Siêu âm Doppler tuyến vú		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bảng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí
PH2454	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	2.790.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO284	Nội soi bàng quang		lần	1	543.000	525.000	525.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi bàng quang không sinh thiết
PH1335	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
CA1075	Cắt u vú lành tính[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO279	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng quang không sinh thiết)		lần	1	872.000	849.000	849.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi tiết niệu có gây mê
CA1076	Cắt u vú lành tính[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	2.862.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1546	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL		lần	1	2.690.000	2.654.000	2.654.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm thủy tinh thể nhân tạo; đã bao gồm casset dùng nhiều lần, dịch nhầy./Phẫu thuật đục thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco (01 mắt)
NO277	Nội soi bàng quang có gây mê		lần	1	872.000	849.000	849.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi tiết niệu có gây mê
PH925	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
PH977	Phẫu thuật lấy thai lần đầu		lần	1	2.431.000	2.332.000	2.332.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy thai lần đầu
PH2283	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL		lần	1	2.690.000	2.654.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm thủy tinh thể nhân tạo; đã bao gồm casset dùng nhiều lần, dịch nhầy./Phẫu thuật đục thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco (01 mắt)
NO288	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang		lần	1	915.000	893.000	893.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi bàng quang và gắp dị vật hoặc lấy máu cục
SI203	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	1.025.000	995.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết gan hoặc thận dưới hướng dẫn của siêu âm
PH1553	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả		lần	1	1.160.000	1.112.000	1.112.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo cùng đồ lắp mắt giả
NO350	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản		lần	1	479.000	467.000	467.000	Thủ thuật loại 1--/Bơm rửa niệu quản sau tán sỏi (ngoài cơ thể)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2607	Phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1253	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng vật da tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liên
NO224	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản		lần	1	479.000	467.000	467.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Bơm rửa niệu quản sau tán sỏi (ngoài cơ thể)
PH2386	Phẫu thuật lấy thai lần đầu[Gây tê]		lần	1	1.600.000	1.500.832	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy thai lần đầu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH447	Chụp CLVT hàm- mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dây có thuốc cản quang
PH937	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng bằng ghép da tự thân		lần	1	4.400.000	4.228.000	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥10 cm2
NO283	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi		lần	1	915.000	893.000	893.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi bàng quang và gắp dị vật hoặc lấy máu cục
NO390	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết		lần	1	198.000	189.000	854.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 3--/Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
PH2517	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2616	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cằm bằng ghép da tự thân[Gây tê]		lần	1	3.665.000	3.411.679	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ² /Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA630	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc		lần	1	498.000	479.000	479.000	Thủ thuật loại 1--/Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần./Cấp cứu ngừng tuần hoàn
NO211	Nội soi bề cuốn mũi dưới		lần	1	144.000	133.000	133.000	Thủ thuật loại 1--/Bề cuốn mũi
PH1574	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cằm chân bằng vật da tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
CH374	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp		lần	1	183.000	176.000	176.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
NO243	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất		lần	1	543.000	525.000	525.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi bàng quang không sinh thiết
CH439	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)		lần	1	532.000	522.000	522.000	--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang
PH939	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân		lần	1	4.400.000	4.228.000	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ²
NA167	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật		lần	1	652.000	644.000	644.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn trật khớp háng (bột liền)
NO289	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể		lần	1	479.000	467.000	467.000	Thủ thuật loại 1--/Bơm rửa niệu quản sau tán sỏi (ngoài cơ thể)
CH292	Chích dẫn lưu túi lệ		lần	1	81.000	78.400	78.400	Phẫu thuật loại 3--/Chích chấp hoặc lẹo
PH1208	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản		lần	1	998.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Tai Mũi Họng)
PH2617	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân[Gây tê]		lần	1	3.665.000	3.411.679	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ² /Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO304	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê		lần	1	479.000	467.000	467.000	Thủ thuật loại 2--/Bơm rửa niệu quản sau tán sỏi (ngoài cơ thể)
PH1576	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vật da tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO253	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
PH938	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân		lần	1	4.400.000	4.228.000	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ²
PH2403	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA681	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản		lần	1	498.000	479.000	479.000	Thủ thuật loại 1--Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần./Cấp cứu ngừng tuần hoàn
CH297	Chọc dò ổ bụng cấp cứu		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
NO240	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxeo (i bên)		lần	1	209.000	205.000	205.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Cầm máu mũi bằng Merocell (1 bên)
NO316	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết		lần	1	322.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết
PH2619	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân[Gây tê]		lần	1	3.665.000	3.411.679	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ² /Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NA249	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay		lần	1	348.000	335.000	335.000	Thủ thuật loại 1--/Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền)
NO306	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1cm		lần	1	1.063.000	1.038.000	1.038.000	Thủ thuật loại 1--/Cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản hoặc dạ dày hoặc đại tràng hoặc trực tràng)
TH276	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [từ trên 30 cm đến 50 cm]		lần	1	115.000	112.000	112.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Thay băng vết thương hoặc mổ chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1575	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vật da tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
NO201	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1cm hoặc nhiều polyp		lần	1	1.713.000	1.696.000	1.696.000	Thủ thuật loại ĐB--/Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi
CH321	Chích nhọt ống tai ngoài		lần	1	197.000	186.000	186.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Chích rạch nhọt, Apxe nhỏ dẫn lưu
PH928	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước		lần	1	7.372.000	7.175.000	7.175.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình thóp mũi bằng vật liệu ghép tự thân
CA405	Cắt bỏ chấp có bọc		lần	1	81.000	78.400	78.400	Thủ thuật loại 1--/Chích chấp hoặc lẹo
NO202	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa		lần	1	1.713.000	1.696.000	1.696.000	Thủ thuật loại ĐB--/Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi
PH2291	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1391	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 1--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Mở sào bảo - thương nhĩ
CH296	Chọc hút dịch nang thận có tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	384.000	373.000	373.000	Thủ thuật loại 1--/Mở thông bàng quang (gây tê tại chỗ)
NO206	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
PH1227	Phẫu thuật tạo hình dị dạng da tai bằng vật tại chỗ		lần	1	4.986.000	4.770.000	4.770.000	Phẫu thuật loại 2--/Kỹ thuật tạo vật da có cuống mạch liền điều trị vết thương, sẹo
PH2523	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NH30	Nhét bắc mũi sau		lần	1	124.000	116.000	116.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Nhét meche hoặc bắc mũi
NO199	Nội soi can thiệp - tiêm Histoacryl búi giãn tĩnh mạch phình vị		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
PH1247	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay		lần	1	2.883.000	2.790.000	2.790.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2
NO207	Nội soi can thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
PH2455	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	2.790.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO220	Nội soi cắt polip ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)		lần	1	1.063.000	1.038.000	1.038.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Cắt polyp ống tiêu hoá (thực quản hoặc dạ dày hoặc đại tràng hoặc trực tràng)
NO355	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết		lần	1	430.000	408.000	408.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết
PH2451	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1028	Cắt bỏ chấp có bọc		lần	1	81.000	78.400	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Chích chấp hoặc lẹo
NO296	Nội soi dạ dày-tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
CH332	Chụp Xquang bằng quang trên xương mu		lần	1	221.000	206.000	206.000	Thủ thuật loại 2--/Chụp bằng quang có bơm thuốc cản quang
PH2385	Phẫu thuật lấy thai lần đầu[Gây tê]		lần	1	1.600.000	1.500.832	2.332.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy thai lần đầu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1421	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
NH21	Nhổ răng thừa		lần	1	218.000	207.000	207.000	Thủ thuật loại 1--/Nhổ răng khó
NO184	Nội soi dạ dày cầm máu		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
PH2483	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA704	Cấy chỉ điều trị hội chứng tự kỷ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
NO340	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
CH390	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng		lần	1	554.000	539.000	539.000	Thủ thuật loại 1--/Chụp hệ tiết niệu có tiêm thuốc cản quang (UIV)
PH881	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng mắc phải		lần	1	2.637.000	2.493.000	2.493.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng
NO407	Nội soi đại tràng-lấy dị vật		lần	1	1.713.000	1.691.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi
DI868	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH923	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
DA228	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO230	Nội soi đại tràng-lấy dị vật		lần	1	1.713.000	1.696.000	1.696.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi
PH2459	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh ổ chậu do lao[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH921	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật liệu ghép tự thân/ vật liệu ghép tổng hợp		lần	1	2.129.000	2.012.000	2.012.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Tai Mũi Họng)
NO260	Nội soi đại tràng-lấy dị vật		lần	1	1.713.000	1.696.000	1.696.000	Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi
DI617	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH1393	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ		lần	1	3.102.000	3.040.000	3.040.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên
NO354	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu		lần	1	605.000	576.000	576.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm dụng cụ kẹp và clip cầm máu./Soi đại tràng, tiêm hoặc kẹp cầm máu
PH2549	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2533	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ[Gây tê]		lần	1	2.762.000	2.076.340	3.040.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO396	Nội soi đại tràng tiêu cầm máu		lần	1	605.000	576.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm dụng cụ kẹp và clip cầm máu./Soi đại tràng, tiêu hoặc kẹp cầm máu
CH389	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng		lần	1	624.000	609.000	609.000	Thủ thuật loại 1--/Chụp hệ tiết niệu có tiêm thuốc cản quang (UIV) số hóa
DA242	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2335	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL		lần	1	1.666.000	1.634.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm thủy tinh thể nhân tạo./Phẫu thuật thủy tinh thể ngoài bao (1 mắt)
PH883	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tại chỗ		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật đa có cuống mạch liền
CA746	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
NO229	Nội soi đại tràng tiêu cầm máu		lần	1	605.000	576.000	576.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm dụng cụ kẹp và clip cầm máu./Soi đại tràng, tiêu hoặc kẹp cầm máu
PH1471	Phẫu thuật tạo hình nếp mí		lần	1	1.137.000	1.093.000	1.093.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo mí (2 mắt)
NO307	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu		lần	1	322.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết
NO408	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết		lần	1	430.000	401.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết
PH878	Phẫu thuật tạo hình nhân trung		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
NO309	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su		lần	1	258.000	243.000	243.000	Thủ thuật loại 2--/Soi trực tràng, tiêu hoặc thắt trĩ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA117	Dẫn lưu áp xe tụy		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
PH2461	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thất lưng do lao[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1392	Phẫu thuật tạo hình ống tai ngoài thiếu sản		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 1--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Mở sào bào - thương nhĩ
NO312	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ		lần	1	258.000	243.000	243.000	Thủ thuật loại 2--/Soi trực tràng, tiêm hoặc thắt trĩ
PH879	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép		lần	1	396.000	371.000	371.000	Phẫu thuật loại 2--/Thủ thuật loại II (Ngoại khoa)
DA243	Dẫn lưu áp xe tụy[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1031	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung		lần	1	125.000	117.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)--/Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
NO341	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản		lần	1	108.000	104.000	104.000	--Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca./Nội soi Tai Mũi Họng
PH2374	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng chu kỳ[Gây tê]		lần	1	6.815.000	6.587.681	7.275.000	Phẫu thuật loại 2--/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1348	Phẫu thuật tạo hình tai giữa		lần	1	5.326.000	5.209.000	5.209.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình tai giữa
PH2332	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng		lần	1	2.655.000	2.562.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
NO326	Nội soi khớp vai chẩn đoán (có sinh thiết)		lần	1	513.000	498.000	498.000	Thủ thuật loại 1--/Soi khớp có sinh thiết

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI592	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH2671	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1-Chưa bao gồm gân nhân tạo.
PH892	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật da kề cận		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
CA521	Cắt chỉ khâu da		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
NO208	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê		lần	1	201.000	194.000	194.000	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật trong mũi không gây mê
NO336	Nội soi bằng quang chẩn đoán (Nội soi bằng quang không sinh thiết)		lần	1	543.000	525.000	525.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi bằng quang không sinh thiết
DA231	Dẫn lưu đường mật ra da[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1362	Phẫu thuật tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng mảnh ghép tự do da, cân cơ, xương		lần	1	6.054.000	5.937.000	5.937.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tái tạo vùng đầu cổ mặt bằng vật da cơ xương
NO394	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê		lần	1	684.000	673.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật trong mũi có gây mê
PH890	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2cm)		lần	1	1.266.000	1.234.000	1.234.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật u có và da tạo hình
PH1286	Phẫu thuật loét tì đè cùng cụt bằng vật da cơ có cuống mạch		lần	1	4.986.000	4.770.000	4.770.000	Phẫu thuật loại 1--/Kỹ thuật tạo vật da có cuống mạch liền điều trị vết thương, sẹo
PH922	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng sụn sườn		lần	1	3.621.000	3.424.000	3.424.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đặc biệt (Tai Mũi Họng)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1021	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản		lần	1	35.600	32.900	854.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
NO398	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê		lần	1	201.000	194.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật trong mũi không gây mê
NG21	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ		lần	1	214.000	201.000	201.000	Thủ thuật loại 2--/Điện tâm đồ gắng sức
PH887	Phẫu thuật tạo lỗ mũi		lần	1	3.469.000	3.325.000	3.325.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền
NO217	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê		lần	1	684.000	673.000	673.000	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật trong mũi có gây mê
PH1221	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi		lần	1	4.986.000	4.770.000	4.770.000	Phẫu thuật loại 2--/Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liền điều trị vết thương, sẹo
NO181	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	524.000	513.000	513.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây tê
SI182	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu		lần	1	49.300	43.900	43.900	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm
PH1360	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
PH1100	Phẫu thuật Longo		lần	1	2.346.000	2.254.000	2.254.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật điều trị trĩ kỹ thuật cao (phương pháp Longo)
PH1587	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng và ống bẹn cho người bệnh không sờ thấy và siêu âm không thấy tinh hoàn		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
NO187	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]		lần	1	520.000	514.000	514.000	Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây mê)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2389	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng và ống bẹn cho người bệnh không sờ thấy và siêu âm không thấy tinh hoàn[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO228	Nội soi lấy sỏi niệu quản		lần	1	968.000	944.000	944.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-Chưa bao gồm sonde niệu quản và dây dẫn Guide wire./Lấy sỏi niệu quản qua nội soi
PH1089	Phẫu thuật lấy hạch mạc treo trong ổ bụng do lao		lần	1	3.988.000	3.817.000	3.817.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật nạo vét hạch
PH1116	Phẫu thuật tháo khớp chi		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt cụt chi
CA654	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
CA402	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	414.000	392.000	392.000	Thủ thuật loại 2--/Thủ thuật loại II (Nội tiết)
NO205	Nội soi mật tụy ngược dòng - (ERCP)		lần	1	2.693.000	2.678.000	2.678.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm dụng cụ can thiệp: stent, bộ tán sỏi cơ học, rọ lấy dị vật, dao cắt, bóng kéo, bóng nông./Nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP)
PH2580	Phẫu thuật tháo khớp chi[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA818	Cắt chỉ khâu giác mạc		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 2--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
NO271	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết		lần	1	524.000	513.000	513.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây tê
PH1198	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
CA742	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO237	Nội soi mũi, họng có sinh thiết		lần	1	524.000	513.000	513.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây tê
PH1024	Phẫu thuật tháo khớp vai		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
CA691	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH294	Chọc hút dịch nang thận dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	384.000	373.000	373.000	Thủ thuật loại 1--/Mở thông bàng quang (gây tê tại chỗ)
NO238	Nội soi mũi, họng có sinh thiết		lần	1	1.575.000	1.559.000	1.559.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây mê
PH1504	Phẫu thuật KHX gây mất cá kèm trật khớp cổ chân		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH982	Phẫu thuật tháo lồng có cắt ruột, nối ngay hoặc dẫn lưu 2 đầu ruột		lần	1	4.801.000	4.629.000	4.629.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt ruột non
CA480	Cắt chỉ khâu giác mạc		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
NO223	Nội soi niệu quản chẩn đoán		lần	1	943.000	925.000	925.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm sonde JJ./Nội soi bàng quang - Nội soi niệu quản
KE10	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liền máu chuyển hoặc dưới máu chuyển		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH983	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
NO244	Nội soi niệu quản chẩn đoán		lần	1	943.000	925.000	925.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Nội soi bàng quang - Nội soi niệu quản
PH2581	Phẫu thuật Manchester[Gây tê]		lần	1	3.230.000	2.947.055	3.681.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật Manchester/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI837	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gãy mê hoặc gãy tê)		lần	1	3.036.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy gò má cung tiếp 2 bên
PH901	Phẫu thuật tháo nẹp, vít		lần	1	2.830.000	2.686.000	2.686.000	--/Phẫu thuật loại 1 tháo nẹp vít sau kết hợp xương một bên
CH295	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	384.000	373.000	373.000	Thủ thuật loại 1--/Mở thông bàng quang (gây tê tại chỗ)
NO311	Nội soi ổ bụng		lần	1	854.000	825.000	825.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi ổ bụng
DI440	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 2--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
PH902	Phẫu thuật tháo nẹp, vít		lần	1	2.939.000	2.759.000	2.759.000	--/Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương lồi cầu
CA522	Cắt chỉ khâu kết mạc		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
PH2320	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung		lần	1	3.455.000	3.355.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung
NO268	Nội soi ổ bụng- sinh thiết		lần	1	1.023.000	982.000	982.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi ổ bụng có sinh thiết
PH2424	Phẫu thuật tháo nẹp, vít[Gãy tê]		lần	1	2.172.000	1.995.863	2.686.000	--/Phẫu thuật loại 1 tháo nẹp vít sau kết hợp xương một bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO400	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết		lần	1	430.000	408.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết
CH922	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	159.000	150.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
DI492	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH896	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên		lần	1	729.000	705.000	705.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2609	Phẫu thuật KHX gây móm khuỷu[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI630	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH2456	Phẫu thuật tháo nẹp, vít[Gây tê]		lần	1	2.349.000	2.144.784	2.759.000	--/Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương lồi cầu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO310	Nội soi ổ bụng có sinh thiết		lần	1	1.023.000	982.000	982.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi ổ bụng có sinh thiết
PH895	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2cm		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
PH1458	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần		lần	1	4.034.000	3.876.000	3.876.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung
PH1397	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
NO356	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán		lần	1	854.000	825.000	825.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi ổ bụng
LA80	Lấy sỏi bàng quang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
LA141	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH1117	Phẫu thuật cắt cụt chi		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt cụt chi
PH2365	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ		lần	1	3.044.000	2.944.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
PH973	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa		lần	1	4.967.000	4.867.000	4.867.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa
SI121	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bằng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1643	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1640	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH904	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm		lần	1	2.887.000	2.777.000	2.777.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở xoang lấy răng ngầm
PH2638	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa[Gây tê]		lần	1	4.430.000	3.242.733	4.867.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA728	Cấy chỉ điều trị bí đái		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
SI127	Siêu âm tim cấp cứu tại giường		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA1089	Cắt cụt cẳng chân[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI629	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH1053	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm		lần	1	2.887.000	2.777.000	2.777.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở xoang lấy răng ngầm
PH1011	Phẫu thuật thắt động mạch sàng		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
CA396	Cắt chỉ sau phẫu thuật		lần	1	35.600	32.900	32.900	--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
SI154	Siêu âm tim cấp cứu tại giường		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
KH161	Khâu rách cùng đồ âm đạo		lần	1	1.979.000	1.898.000	1.898.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu rách cùng đồ âm đạo

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH891	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)		lần	1	756.000	724.000	724.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật u mi không vấ da
PH1506	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1322	Phẫu thuật mở cạnh mũi		lần	1	5.039.000	4.922.000	4.922.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở cạnh mũi
DI622	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
PH2344	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu		lần	1	4.109.000	3.985.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH869	Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không đặt IOL [TT35]		lần	1	4.928.000	4.866.000	4.866.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm thủy tinh thể nhân tạo, thiết bị cố định mắt (Pateient interface)/.Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không có đặt IOL
NO334	Nội soi phế quản dưới gây mê		lần	1	1.778.000	1.761.000	1.761.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi phế quản dưới gây mê có sinh thiết
TH457	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa		lần	1	55.000	55.000	55.000	--Trường hợp theo dõi tim thai và cơn co tử cung của sản phụ khoa trong cuộc đẻ thì thanh toán 01 lần/ngày điều trị. /Theo dõi tim thai và cơn co tử cung bằng monitoring
PH1591	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH923	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	184.000	175.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--Áp dụng với trường hợp dùng bơm kim thông thường để chọc hút./Chọc dò sinh thiết vú dưới siêu âm
DO118	Đóng đinh xương chân mở		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2559	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA607	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mí		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 2--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
DO110	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)		lần	1	31.200	29.900	29.900	--/Soi bóng đồng tử
GA04	Găm Kirschner trong gãy mắt cá		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CA714	Cấy chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
PH1413	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
NO218	Nội soi sinh thiết u hốc mũi		lần	1	301.000	290.000	290.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại II (Tai Mũi Họng)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA497	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản		lần	1	184.000	178.000	178.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm
KH223	Khâu rách cùng đồ âm đạo[Gây tê]		lần	1	1.429.000	1.240.793	1.898.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu rách cùng đồ âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1128	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược		lần	1	8.176.000	7.919.000	7.919.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược
PH2640	Phẫu thuật mở cạnh mũi[Gây tê]		lần	1	3.419.000	3.245.297	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở cạnh mũi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2351	Phẫu thuật mộng đơn thuần		lần	1	902.000	870.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mộng đơn thuần một mắt - gây tê
CH925	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	159.000	150.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
PH1407	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm tẩm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
CA401	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	654.000	616.000	616.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Nội tiết)
NO209	Nội soi sinh thiết u vòm		lần	1	524.000	513.000	513.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây tê
PH2345	Phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1071	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới		lần	1	998.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Tai Mũi Họng)
CH512	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
DO68	Đóng lỗ dò đường lệ		lần	1	1.497.000	1.440.000	1.440.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây mê
PH1586	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
CA400	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	654.000	616.000	616.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Nội tiết)
CH300	Chọc hút nước tiểu trên xương mu		lần	1	116.000	110.000	110.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chọc hút hạch hoặc u
NO264	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)		lần	1	1.303.000	1.279.000	1.279.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi./Tán sỏi qua nội soi (sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang)
PH1590	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
NO225	Nội soi bàng quang tìm xem đài dương chấp, đặt catheter lên thận bơm thuốc để tránh phẫu thuật		lần	1	712.000	694.000	694.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nội soi bàng quang điều trị đài dương chấp
NO285	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).		lần	1	1.303.000	1.279.000	1.279.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi./Tán sỏi qua nội soi (sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH513	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
CA782	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
NO412	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê		lần	1	255.000	240.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết
KH233	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1371	Phẫu thuật KHX gây nội khớp đầu dưới xương quay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1423	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
NA154	Nắn, bó bột gãy xương chày		lần	1	242.000	234.000	234.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột bàn chân hoặc bàn tay (bột liền)
SI126	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	847.000	828.000	828.000	Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết vú hoặc tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
CA1036	Cắt polyp mũi		lần	1	679.000	663.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Nội soi cắt polype mũi gây mê
KH168	Khâu cò mi, tháo cò		lần	1	419.000	400.000	400.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu cò mi
KH115	Khâu vết thương lách		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2561	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA399	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	258.000	246.000	246.000	Thủ thuật loại 2--Áp dụng đối với bệnh Pemphigus hoặc Pemphigoid hoặc ly thương bì bong nước bẩm sinh hoặc vết loét bàn chân do đái tháo đường hoặc vết loét, hoại tử ở bệnh nhân phong hoặc vết loét, hoại tử do tỳ đờ. /Thay băng cắt lọc vết thương mạn tính
CA803	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH422	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
DA222	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	620.000	590.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
PH1406	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt		lần	1	3.351.000	3.258.000	3.258.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng
NO191	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	378.000	362.000	362.000	Thủ thuật loại ĐB--/Lấy dị vật thanh quản gây tê ống cứng
PH2566	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung[Gây tê]		lần	1	2.609.000	2.351.117	3.322.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1382	Phẫu thuật KHX gây nội khớp xương khớp ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
DA183	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	620.000	597.000	597.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
NO226	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi		lần	1	915.000	893.000	893.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nội soi bàng quang và gắp dị vật hoặc lấy máu cục
KH154	Khâu giác mạc		lần	1	777.000	764.000	764.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu giác mạc đơn thuần
PH2469	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	2.862.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DO95	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm		lần	1	62.900	59.100	59.100	Thủ thuật loại 2--/Đo tính công suất thủy tinh thể nhân tạo
SI119	Siêu âm Doppler gan lách		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bằng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí
SI139	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	1.025.000	1.002.000	1.002.000	Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết gan hoặc thận dưới hướng dẫn của siêu âm
KH125	Khâu lại mép mô giác mạc, củng mạc		lần	1	777.000	764.000	764.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Khâu giác mạc đơn thuần
PH1075	Phẫu thuật mở xoang hàm		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
PH1079	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
CA747	Cấy chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA695	Cấy chỉ điều trị giảm khúu giác		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH423	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH143	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
PH1428	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động		lần	1	4.830.000	4.616.000	4.616.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
CH425	Chọc hút tế bào xương bằng kim nhỏ		lần	1	116.000	110.000	110.000	Thủ thuật loại 3--/Chọc hút hạch hoặc u
NA176	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn		lần	1	327.000	319.000	319.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn trật khớp vai (bột liền)
NO286	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục		lần	1	915.000	893.000	893.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi bàng quang và gắp dị vật hoặc lấy máu cục
NO236	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết		lần	1	224.000	213.000	213.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Soi thanh khí phế quản bằng ống mềm
CH437	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)[không có thuốc cản quang]		lần	1	532.000	522.000	522.000	Thủ thuật loại 2--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang
PH2316	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động		lần	1	4.830.000	4.616.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
NO173	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê		lần	1	893.000	865.000	865.000	Thủ thuật loại ĐB--/Thủ thuật đặc biệt (Tai Mũi Họng)
KH234	Khâu nối thần kinh[Gây tê]		lần	1	2.433.000	2.197.199	2.973.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nối dây thần kinh (tính 1 dây)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1631	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1353	Phẫu thuật Longo		lần	1	2.346.000	2.254.000	2.254.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật điều trị trĩ kỹ thuật cao (phương pháp Longo)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2636	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động[Gây tê]		lần	1	3.930.000	3.615.298	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH322	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại ĐB--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
NO404	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa		lần	1	753.000	719.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
NO171	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê		lần	1	524.000	513.000	513.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây tê
SI147	Siêu âm tim thai qua thành bụng		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
PH2637	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động[Gây tê]		lần	1	3.930.000	3.615.298	4.616.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA683	Cấy chỉ điều trị bứt rứt cổ đơn thuần		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA764	Cấy chỉ điều trị đau lưng		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
NO234	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật		lần	1	1.713.000	1.696.000	1.696.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi
SI103	Sinh thiết hốc mũi		lần	1	130.000	126.000	126.000	Thủ thuật loại 2--/Sinh thiết da hoặc niêm mạc
PH1349	Phẫu thuật tiết căn xương chũm		lần	1	5.332.000	5.215.000	5.215.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật tiết căn xương chũm
CA772	Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
KH144	Khâu rách cùng đồ âm đạo		lần	1	1.979.000	1.898.000	1.898.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu rách cùng đồ âm đạo
PH2610	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2274	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa		lần	1	872.000	840.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mạc ghép kết mạc tự thân
CH600	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH965	Phẫu thuật tịt lỗ mũi sau bẩm sinh		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
CA703	Cấy chỉ điều trị hen phế quản		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
NO216	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi		lần	1	615.000	580.000	580.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Nội khoa)
CH431	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH303	Chọc thăm dò màng phổi		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 2--NHI KHOA-/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
CH604	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH1464	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học		lần	1	1.534.000	1.477.000	1.477.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm chi phí màng ối./Phẫu thuật cắt mạc ghép màng ối, kết mạc - gây mê
SI136	Siêu âm Dopple màu tim gắng sức với xe đạp lực kế		lần	1	598.000	587.000	587.000	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm tim gắng sức
PH2522	Phẫu thuật tổn thương gân Achilles[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA694	Cấy chỉ điều trị mày đay		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
SI192	Siêu âm tinh hoàn hai bên		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CH859	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA438	Cắt polyp ống tai		lần	1	613.000	602.000	602.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt polyp ống tai gây tê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1094	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
NO393	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	722.000	703.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây mê ống cứng
CH438	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
SI200	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	847.000	822.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết vú hoặc tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
KH232	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2508	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA684	Cấy chỉ điều trị đái dầm		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
NO195	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	234.000	223.000	223.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây tê ống cứng
SI146	Sinh thiết màng phổi mù		lần	1	442.000	431.000	431.000	Thủ thuật loại 2--/Sinh thiết màng phổi
LA97	Làm hậu môn nhân tạo		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1629	Phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương đùi		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH957	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CA765	Cấy chi điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
CU22	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
NO196	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	722.000	703.000	703.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây mê ống cứng
PH2507	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA773	Cấy chi điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
CA723	Cấy chi điều trị táo bón		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
NO257	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê		lần	1	722.000	703.000	703.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây mê ống cứng
PH2570	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung[Gây tê]		lần	1	2.699.000	2.450.989	3.355.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1766	Phẫu thuật mạc đơn thuần		lần	1	902.000	870.000	870.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mạc đơn thuần một mắt - gây tê
PH1092	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CH372	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	183.000	176.000	176.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO197	Nội soi trực tràng ống cứng có sinh thiết		lần	1	198.000	189.000	189.000	Thủ thuật loại 3--/Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
PH1615	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)		g/l	1	76.900	74.800	74.800	--/Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)
NO338	Nội soi mũi		lần	1	40.000	40.000	40.000	-NHI KHOA-Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca./Nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng
PH2329	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay		lần	1	3.087.000	2.963.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CA721	Cấy chi điều trị đau do thoái hóa khớp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)
CH929	Chườm ngải		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3-
NO395	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1cm		lần	1	1.063.000	1.038.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản hoặc dạ dày hoặc đại tràng hoặc trực tràng)
NO198	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết		lần	1	148.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 3--/Tháo lòng ruột bằng hơi hay baryte
PH1673	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CA768	Cấy chi điều trị rối loạn kinh nguyệt		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)
NO317	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu		lần	1	198.000	189.000	189.000	Thủ thuật loại 3--/Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
KH152	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH2509	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2370	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi		lần	1	4.732.000	4.577.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO241	Nong cổ tử cung do bế sản dịch		lần	1	292.000	281.000	281.000	Thủ thuật loại 3--/Nong cổ tử cung do bế sản dịch
TH510	Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần) [COVID]		lần	1	487.300	487.300	487.300	Thủ thuật loại 2--/
PH1179	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CA734	Cấy chỉ điều trị đau ngực, sườn		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA707	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH287	Chụp tuỷ bằng Hydroxit canxi		lần	1	280.000	265.000	265.000	Thủ thuật loại 3--/Răng viêm tuỷ hồi phục
PH2499	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa móm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2321	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I		lần	1	3.087.000	2.963.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
PH2622	Phẫu thuật viêm phức mạc ruột thừa[Gây tê]		lần	1	2.992.000	3.289.567	4.289.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ú mủ vòi trứng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO280	Nong niệu đạo		lần	1	252.000	241.000	241.000	Thủ thuật loại 1--/Nong niệu đạo và đặt thông đái
PH2526	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1566	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18		lần	1	1.193.000	1.152.000	1.152.000	Thủ thuật loại 1--/Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18
CH318	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]		lần	1	125.000	122.000	122.000	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 3 phim
PH1438	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1637	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CA740	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
PH2629	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi[Gây tê]		lần	1	2.706.000	2.216.333	4.615.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1567	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22		lần	1	569.000	545.000	545.000	--/Phá thai từ 13 tuần đến 22 tuần bằng thuốc
CA394	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mổ bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
PH2336	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay		lần	1	3.087.000	2.963.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
NH20	Nhổ răng sữa		lần	1	40.700	37.300	37.300	Thủ thuật loại 1--/Nhổ răng sữa hoặc chân răng sữa
PH1547	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không		lần	1	408.000	384.000	384.000	Thủ thuật loại 3--/Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
CH835	Chụp Xquang khớp thái dương hàm [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2527	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH288	Chụp tuỷ bằng MTA		lần	1	280.000	265.000	265.000	Thủ thuật loại 2--/Răng viêm tuỷ hồi phục
DI819	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
PH1584	Phẫu thuật cắt cụt đùi		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
PH1478	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vết hạch chậu		lần	1	6.402.000	6.145.000	6.145.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vết hạch chậu
PH2510	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO399	Nội soi đại tràng-lấy dị vật		lần	1	1.713.000	1.696.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi
KH171	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
PH1569	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước		lần	1	1.074.000	1.040.000	1.040.000	Thủ thuật loại 2--/Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước
SO33	Sốc điện phá rung nhĩ, cơn tim đập nhanh		lần	1	1.008.000	989.000	989.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Tạo nhịp cấp cứu ngoài lồng ngực
PH1660	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH2301	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay		lần	1	3.087.000	2.963.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA110	Dẫn lưu cùng đồ Douglas		lần	1	869.000	835.000	835.000	Thủ thuật loại 1--/Dẫn lưu cùng đồ Douglas
PH1563	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không		lần	1	408.000	396.000	396.000	Thủ thuật loại 2--/Phá thai từ tuần thứ 7 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không
CA525	Cắt các u ác tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA620	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA621	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
DA116	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
PH1700	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH2529	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA733	Cấy chỉ điều trị di tinh		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
PH1729	Phẫu thuật sùi mào gà đường kính 5 cm trở lên		lần	1	758.000	682.000	682.000	Thủ thuật loại 1--/Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO2, cắt bỏ thương tổn
PH2528	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH905	Chụp Xquang khớp vai thẳng [thẳng và nghiêng][Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
LA99	Lạnh đông thể mi		lần	1	1.755.000	1.724.000	1.724.000	Phẫu thuật loại 3--/Lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc
PH912	Phẫu thuật nhỏ răng khôn mọc lệch có cắt thân		lần	1	362.000	342.000	342.000	Phẫu thuật loại 2--/Nhỏ răng số 8 có biến chứng khít hàm
PH1091	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
CH487	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
KH104	Khâu vết thương vùng môi		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
PH2630	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	4.059.000	3.803.683	4.634.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật ghép xương/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1701	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mồm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH2530	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA696	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CO41	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn		lần	1	53.000	49.900	49.900	Thủ thuật loại 2--/Cố định gãy xương sườn
NO194	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	742.000	723.000	723.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây mê ống mềm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2531	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1290	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)		lần	1	348.000	337.000	337.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Hàn composite cổ răng
KH134	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan		lần	1	5.487.000	5.273.000	5.273.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm vật liệu cầm máu./Phẫu thuật khâu vết thương gan hoặc chèn gạc cầm máu
PH2588	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn[Gây tê]		lần	1	3.262.000	2.946.465	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1020	Phẫu thuật nạo V.A nội soi		lần	1	2.898.000	2.814.000	2.814.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nạo V.A nội soi
PH2532	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO222	Nội soi bàng quang sinh thiết		lần	1	675.000	649.000	649.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nội soi bàng quang có sinh thiết
PH1039	Phương pháp Proetz		lần	1	61.800	57.600	57.600	Thủ thuật loại 3--/Hút xoang dưới áp lực
SI201	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	1.025.000	995.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết gan hoặc thận dưới hướng dẫn của siêu âm
PH2355	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn		lần	1	1.340.000	1.242.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
RA11	Rạch áp xe mi		lần	1	197.000	186.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Chích rạch nhọt, Áp xe nhỏ dẫn lưu
PH1656	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1500	Phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
PH1316	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
CA679	Cầm máu nhu mô gan		lần	1	5.487.000	5.273.000	5.273.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm vật liệu cầm máu./Phẫu thuật khâu vết thương gan hoặc chèn gạc cầm máu
PH1014	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai		lần	1	998.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Tai Mũi Họng)
RA08	Rạch áp xe mi		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại 1--/Chích rạch nhọt, Apxe nhỏ dẫn lưu
PH1277	Phẫu thuật trật bánh chèn mắc phải		lần	1	3.041.000	2.829.000	2.829.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm phươg tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo
CA609	Cắt u mi cả bề dày không ghép		lần	1	756.000	724.000	724.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật u mi không vá da
CA467	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm		lần	1	1.353.000	1.334.000	1.334.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây mê
CA719	Cấy chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
PH1691	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
CO22	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm		lần	1	382.000	363.000	363.000	Thủ thuật loại ĐB--/Cố định tạm thời gãy xương hàm (buộc chỉ thép, băng cố định)
NO203	Nội soi can thiệp - kẹp Clip cầm máu		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
RA07	Rạch áp xe túi lệ		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại 1--/Chích rạch nhọt, Apxe nhỏ dẫn lưu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
SI125	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	847.000	828.000	828.000	Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết vú hoặc tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
KH135	Khâu vùi túi thừa tá tràng		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
PH1578	Phẫu thuật trật khớp háng		lần	1	3.378.000	3.250.000	3.250.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, ốc, khóa./Phẫu thuật tạo hình khớp háng
CO15	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm		lần	1	382.000	363.000	363.000	Thủ thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Cố định tạm thời gãy xương hàm (buộc chỉ thép, băng cố định)
RA10	Rạch áp xe túi lệ		lần	1	197.000	186.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 1--/Chích rạch nhọt, Áp xe nhỏ dẫn lưu
CH836	Chụp Xquang khớp thái dương hàm [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH474	Chụp Xquang khung chậu thẳng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1085	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương		lần	1	3.378.000	3.250.000	3.250.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, ốc, khóa./Phẫu thuật tạo hình khớp háng
DA179	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	697.000	678.000	678.000	Thủ thuật loại 2--/Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
RA05	Rạch hoại tử bóng giải thoát chèn ép		lần	1	591.000	558.000	558.000	Thủ thuật loại 1--Chưa kèm màng nuôi cấy, hỗn dịch, tẩm lót hút VAC (gồm miếng xốp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định), thuốc cản quang./Thủ thuật loại I (Bóng)
KH225	Khâu vùi túi thừa tá tràng[Gây tê]		lần	1	2.116.000	1.961.775	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1668	Phẫu thuật trật khớp khuỷu		lần	1	4.109.000	3.985.000	3.985.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định
DA99	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO314	Nội soi can thiệp - Nong thực quản bằng bóng		lần	1	2.312.000	2.277.000	2.277.000	Thủ thuật loại 1--/Nong thực quản qua nội soi
RU47	Rửa bàng quang		lần	1	209.000	198.000	198.000	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm hóa chất./Rửa bàng quang
SO21	Sốc điện điều trị rung nhĩ		lần	1	1.008.000	989.000	989.000	Thủ thuật loại 1--/Tạo nhịp cấp cứu ngoài lồng ngực
PH2598	Phẫu thuật trật khớp khuỷu[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA624	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA629	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
RU34	Rửa bàng quang lấy máu cục		lần	1	209.000	198.000	198.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm hóa chất./Rửa bàng quang
KH162	Khoét chóp cổ tử cung		lần	1	2.846.000	2.747.000	2.747.000	Phẫu thuật loại 2--/Khoét chóp hoặc cắt cụt cổ tử cung
PH1293	Phẫu thuật cắt phanh môi		lần	1	313.000	295.000	295.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Cắt, tạo hình phanh môi, phanh má hoặc lưỡi (không gây mê)
PH1655	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
PH1378	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phản mềm hoặc sửa mòm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2645	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung[Gây tê]		lần	1	4.881.000	4.559.585	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH596	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH1594	Phẫu thuật treo tử cung		lần	1	2.958.000	2.859.000	2.859.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật treo tử cung
RU48	Rửa bàng quang lấy máu cục		lần	1	209.000	198.000	198.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm hóa chất./Rửa bàng quang
PH2503	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2464	Phẫu thuật treo tử cung[Gây tê]		lần	1	2.883.000	2.021.711	2.859.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật treo tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
RU68	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc		lần	1	209.000	198.000	198.000	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm hóa chất./Rửa bàng quang
KH226	Khoét chóp cổ tử cung[Gây tê]		lần	1	2.132.000	1.889.469	2.747.000	Phẫu thuật loại 2--/Khoét chóp hoặc cắt cụt cổ tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1709	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
PH2398	Phẫu thuật trĩ độ 1V[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA759	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA718	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
RU43	Rửa cùng đồ		lần	1	44.000	41.600	41.600	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA- Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt/Rửa cùng đồ mắt
PH1064	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách		lần	1	5.060.000	4.803.000	4.803.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt vú theo phương pháp Patey, cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách
PH1139	Phẫu thuật trĩ độ 3		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
RU69	Rửa cùng đồ		lần	1	44.000	41.600	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2-- Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt/Rửa cùng đồ mắt
PH2603	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay[Gây tê]		lần	1	3.362.000	3.154.683	3.985.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kim./Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2505	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH597	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA715	Cấy chi hỗ trợ điều trị vẩy nến		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)
CH481	Chụp Xquang ngực thẳng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
KH137	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay		lần	1	5.250.000	5.122.000	5.122.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng
KY33	Kỹ thuật tạo vật da tại chỗ điều trị sẹo bỏng		lần	1	3.759.000	3.601.000	3.601.000	Phẫu thuật loại 1--/Kỹ thuật tạo vật da tại chỗ điều trị vết thương, vết bỏng và di chứng

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA228	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2400	Phẫu thuật trĩ độ 3[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CU24	Cứu		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
RU52	Rửa cùng đồ		lần	1	44.000	41.600	41.600	Thủ thuật loại 2-- Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt/Rửa cùng đồ mắt
PH970	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai		lần	1	4.681.000	4.585.000	4.585.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai
PH1310	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ		lần	1	2.655.000	2.562.000	2.562.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn
PH1474	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung		lần	1	6.274.000	6.116.000	6.116.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
CA706	Cấy chi điều trị hội chứng ngoại tháp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
CU29	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3-
CH391	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)		lần	1	624.000	609.000	609.000	Thủ thuật loại 3--/Chụp hệ tiết niệu có tiêm thuốc cản quang (UIV) số hóa
DI608	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 2--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KY34	Kỹ thuật tạo vật da V-Y điều trị sẹo bỏng		lần	1	3.759.000	3.601.000	3.601.000	Phẫu thuật loại 1--/Kỹ thuật tạo vật da tại chỗ điều trị vết thương, vết bỏng và di chứng
PH2298	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón		lần	1	3.011.000	2.887.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH2506	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai[Gây tê]		lần	1	4.465.000	2.265.043	2.944.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1509	Phẫu thuật tụ mũ ngoài màng cứng		lần	1	7.144.000	6.843.000	6.843.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm bộ dẫn lưu kín, miếng vá khuyết sọ./Phẫu thuật áp xe não
LA101	Làm hậu môn nhân tạo		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hông tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
RU46	Rửa dạ dày cấp cứu		lần	1	131.000	119.000	119.000	Thủ thuật loại 2--/Rửa dạ dày
LA224	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH440	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1722	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ		lần	1	5.232.000	5.019.000	5.019.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, vật liệu tạo hình hộp sọ, màng não nhân tạo./Phẫu thuật u xương sọ
RU33	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)		lần	1	849.000	831.000	831.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Rửa ruột non toàn bộ loại bỏ chất độc qua đường tiêu hoá

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1702	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
LA225	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1294	Phẫu thuật U máu		lần	1	3.123.000	3.014.000	3.014.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật u máu các vị trí
RU36	Rút catheter đường hầm		lần	1	184.000	178.000	178.000	--/Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
SA12	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)		lần	1	95.000	92.400	92.400	--/Sàng lọc kháng thể bất thường (kỹ thuật ống nghiệm)
PH2538	Phẫu thuật U máu[Gây tê]		lần	1	2.247.000	2.040.379	3.014.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật u máu các vị trí/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA705	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
NO214	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm gây tê/gây mê		lần	1	289.000	278.000	278.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi chọc thông xoang trán hoặc xoang bướm (gây tê)
RU38	Rút máu để điều trị		lần	1	256.000	236.000	236.000	Thủ thuật loại 2--/Rút máu để điều trị
TI89	Tiêm trong da		lần	1	12.800	11.400	11.400	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm./Tiêm (bắp hoặc dưới da hoặc tĩnh mạch)
PH1402	Phẫu thuật u thần kinh trên da		lần	1	1.156.000	1.126.000	1.126.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt u da đầu lạnh, đường kính từ 5 cm trở lên
NO282	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp
RU60	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe		lần	1	184.000	178.000	178.000	--/Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
SO30	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu		lần	1	485.000	459.000	459.000	Thủ thuật loại 2--/Thủ thuật loại II (HSCC - CĐ)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH411	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
PH1403	Phẫu thuật u thần kinh trên da		lần	1	729.000	705.000	705.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5 cm
CH926	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	158.000	149.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn của siêu âm
LA79	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1707	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
LA206	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2324	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm ²		lần	1	2.883.000	2.790.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm ²
RU50	Rút sonde dẫn lưu bề thận qua da		lần	1	184.000	178.000	178.000	--/Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
PH2565	Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng[Gây tê]		lần	1	2.522.000	2.310.638	3.285.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1300	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm ²		lần	1	2.883.000	2.790.000	2.790.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm ²

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
RU42	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe		lần	1	184.000	178.000	178.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
PH1714	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
SI160	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
LA207	Làm hậu môn nhân tạo[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2307	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới		lần	1	3.063.000	2.851.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
CA756	Cấy chỉ điều trị táo bón kéo dài		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CU14	Cứu điều trị đau lưng thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)
PH959	Phẫu thuật lấy dị vật phổi - màng phổi		lần	1	6.943.000	6.686.000	6.686.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật điều trị bệnh lý lồng ngực khác
PH1263	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
RU49	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận		lần	1	184.000	178.000	178.000	--/Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
PH1516	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy ở vòm sọ sau CTSN		lần	1	5.970.000	5.713.000	5.713.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm màng não nhân tạo, miếng vá khuyết sọ, bộ van dẫn lưu./Phẫu thuật tạo hình màng não
NO299	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết		lần	1	198.000	189.000	189.000	Thủ thuật loại 3--/Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
CH875	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA208	Làm hậu môn nhân tạo[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LA209	Làm hậu môn nhân tạo[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1200	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi		lần	1	6.943.000	6.686.000	6.686.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài./Phẫu thuật điều trị bệnh lý lồng ngực khác
PH1517	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não		lần	1	4.746.000	4.557.000	4.557.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm xương nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, đinh, nẹp, vít, lưới tital, ghim, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu cầm máu sinh học./Phẫu thuật ghép khuyết sọ
RU72	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang		lần	1	915.000	893.000	893.000	-
LA203	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn		lần	1	1.581.000	1.450.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Sân khoa)
PH1394	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi		lần	1	3.102.000	3.040.000	3.040.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên
PH1238	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CU21	Cứu điều trị nắc thể hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	Thủ thuật loại 3--/Cứu (Ngải cứu, túi chườm)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
SI198	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo		lần	1	393.000	382.000	854.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 3--/Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo
PH1466	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa		lần	1	1.534.000	1.477.000	1.477.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm chi phí màng ối./Phẫu thuật cắt mạc ghép màng ối, kết mạc - gây mê
PH917	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng		lần	1	868.000	820.000	820.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lật vật, nạo xương ổ răng 1 vùng
CH362	Chích áp xe tăng sinh môn		lần	1	831.000	807.000	807.000	Thủ thuật loại 2--/Chích áp xe tăng sinh môn
SI112	Sinh thiết u họng miệng		lần	1	130.000	126.000	126.000	Thủ thuật loại 2--/Sinh thiết đa hoặc niêm mạc
PH1337	Phẫu thuật vết hạch nách		lần	1	2.953.000	2.754.000	2.754.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ung bướu)
MO142	Mở bụng thăm dò[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2473	Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu[Gây tê]		lần	1	2.278.000	2.072.359	2.887.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỏm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH482	Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz số hóa 1 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
LA147	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn		lần	1	1.581.000	1.482.000	1.482.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Sân khoa)
CU27	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn		lần	1	36.100	35.500	35.500	-
VI15	Vi nấm nhuộm soi		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
SO22	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu		lần	1	753.000	728.000	728.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)/Nội soi dạ dày can thiệp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA130	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa		lần	1	2.693.000	2.612.000	2.612.000	Phẫu thuật loại 3--/Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa
MO104	Mở khí quản cấp cứu		lần	1	734.000	719.000	719.000	Phẫu thuật loại 1--/Mở khí quản
PH2444	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
LA210	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa[Gây tê]		lần	1	1.964.000	1.745.496	2.612.000	Phẫu thuật loại 3--/Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2437	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn[Gây tê]		lần	1	2.229.000	2.067.260	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA763	Cấy chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CH599	Chụp Xquang cột sống cổ chệch hai bên [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
NO183	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê		lần	1	301.000	290.000	290.000	Thủ thuật loại 2--/Thủ thuật loại II (Tai Mũi Họng)
CH324	Chụp Xquang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
DA141	Dẫn lưu đài bể thận qua da		lần	1	929.000	917.000	917.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm Sonde JJ./Đặt sonde JJ niệu quản
LA126	Lấy dị vật hốc mắt		lần	1	937.000	893.000	893.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy dị vật hốc mắt
KH94	Khám Nhi		lần	1	37.500	34.500	34.500	-NHI KHOA-/
TA85	Tán sỏi ngoài cơ thể		lần	1	2.412.000	2.500.000	2.500.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Tán sỏi ngoài cơ thể bằng sóng xung (thủy điện lực)
DA95	Dẫn lưu dịch quanh thận dưới siêu âm		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng
PH1060	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ		lần	1	348.000	337.000	337.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
DA159	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh		lần	1	607.000	596.000	596.000	Thủ thuật loại 1--/Dẫn lưu màng phổi tối thiểu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
KH99	Khám Phụ sản		lần	1	37.500	34.500	34.500	
CH838	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
MO100	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật		lần	1	4.671.000	4.499.000	4.499.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi./Phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
LA123	Lấy dị vật tiền phòng		lần	1	1.160.000	1.112.000	1.112.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Lấy dị vật tiền phòng
LA129	Lấy dị vật trong củng mạc		lần	1	937.000	893.000	893.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy dị vật hốc mắt
CA760	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
CA775	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chỉ (cấy chỉ)
PH915	Phẫu thuật nhổ răng ngầm		lần	1	218.000	207.000	207.000	Phẫu thuật loại 2--/Nhổ răng khó
MO69	Mổ quặm bẩm sinh		lần	1	660.000	638.000	638.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 1 mi - gây tê
CH858	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH2368	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ		lần	1	520.000	3.020.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm chi phí mũi khoan/Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ 1 bên, 2 bên
LA137	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ		lần	1	2.981.000	2.860.000	2.860.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ
DA137	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu		lần	1	807.000	762.000	762.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (HSCC - CD)
SO36	Soi đáy mắt trực tiếp		lần	1	55.300	52.500	52.500	Thủ thuật loại 2--/Soi đáy mắt hoặc soi góc tiền phòng
DI701	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bề (Trabeculoplasty)		lần	1	323.000	312.000	312.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt mộng mắt chu biên bằng Laser
PH2326	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I		lần	1	3.087.000	2.963.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO53	Mở ngực thăm dò, sinh thiết		lần	1	3.398.000	3.285.000	3.285.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực
PH1487	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung		lần	1	5.716.000	5.558.000	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật
NO215	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê		lần	1	615.000	580.000	580.000	Thủ thuật loại 1--/Thủ thuật loại I (Nội khoa)
CH889	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH328	Chích áp xe sàn miệng		lần	1	274.000	263.000	263.000	Thủ thuật loại 1--/Chích rạch áp xe thành sau họng (gây tê)
DA178	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính		lần	1	1.218.000	1.199.000	1.199.000	Thủ thuật loại 1--/Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
MO94	Mổ quặm bẩm sinh		lần	1	660.000	638.000	638.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ quặm 1 mi - gây tê
CA541	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài		lần	1	1.340.000	1.242.000	1.242.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)
SO23	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm		lần	1	322.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết
LA211	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ[Gây tê]		lần	1	2.245.000	1.975.981	2.860.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DO127	Đo khuếch tán phổi - Diffusion Capacity		lần	1	1.371.000	1.344.000	1.344.000	Thủ thuật loại 1--/Đo khuếch tán phổi - Diffusion Capacity
NO287	Nội soi đặt catheter bàng quang niệu quản để chụp UPR		lần	1	663.000	645.000	645.000	Thủ thuật loại 1--/Chưa bao gồm thuốc cản quang./Soi bàng quang, chụp thận ngược dòng
KH138	Khâu kết mạc		lần	1	1.497.000	1.440.000	1.440.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây mê
LA103	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn		lần	1	2.340.000	2.248.000	2.248.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA124	Lấy máu tụ tầng sinh môn		lần	1	2.340.000	2.248.000	2.248.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
PH2644	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung[Gây tê]		lần	1	4.881.000	4.559.585	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA136	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ		lần	1	697.000	678.000	678.000	Thủ thuật loại 2--/Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
CH890	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chệch [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
NO212	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới		lần	1	684.000	673.000	673.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi đốt điện cuốn mũi hoặc cắt cuốn mũi gây mê
CH445	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH896	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
NO213	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới		lần	1	463.000	447.000	447.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi đốt điện cuốn mũi hoặc cắt cuốn mũi gây tê
DI574	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
LA132	Lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
PH1484	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung		lần	1	5.716.000	5.558.000	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật
CA750	Cấy chi điều trị viêm quanh khớp vai		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1--/Chôn chi (cấy chi)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA125	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
DA135	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ		lần	1	1.218.000	1.199.000	1.199.000	Thủ thuật loại 2--/Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
PH1747	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm		lần	1	1.028.000	1.014.000	1.014.000	Phẫu thuật loại 1--/Lấy sỏi ống Wharton
GI203	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	182.700	160.000	160.000	
GI212	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	224.700	199.200	199.200	
DA165	Dẫn lưu nang tụy		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
TR29	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp		lần	1	224.000	212.000	212.000	Thủ thuật loại 1--/Trám bít hố rãnh
ST05	Streptococcus pyogenes ASO		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/ASLO
PH2646	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung[Gây tê]		lần	1	4.881.000	4.559.585	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA702	Cấy chi điều trị viêm xoang		lần	1	148.000	143.000	143.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chôn chi (cấy chi)
CH897	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
SO26	Soi ối		lần	1	50.900	48.500	48.500	--/Soi ối
LA217	Lấy sỏi bàng quang[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA130	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	929.000	917.000	917.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm Sonde JJ./Đặt sonde JJ niệu quản
PH924	Phẫu thuật lấy sỏi sỏi làm vật liệu ghép tự thân		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
NO406	Nội soi đại tràng tiêu cầm máu		lần	1	605.000	566.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm dụng cụ kẹp và clip cầm máu./Soi đại tràng, tiêu hoặc kẹp cầm máu
LA84	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang		lần	1	4.270.000	4.098.000	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang
PH2647	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung[Gây tê]		lần	1	4.881.000	4.559.585	5.558.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA120	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu		lần	1	35.600	32.900	32.900	Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Cắt chỉ
PH1270	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CH893	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
LA229	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1538	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp + eo giáp		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
NA170	Nâng xương chính mũi sau chấn thương		lần	1	1.295.000	1.277.000	1.277.000	Phẫu thuật loại 3--/Nâng xương chính mũi sau chấn thương gây tê
PH976	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)		lần	1	4.336.000	4.202.000	4.202.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2331	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa		lần	1	2.657.000	2.564.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
PH2525	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI769	Điện nhĩ châm điều trị giảm khúu giác		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
LA226	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1758	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mở mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
SO34	Soi đáy mắt cấp cứu		lần	1	55.300	52.500	52.500	Thủ thuật loại 3--/Soi đáy mắt hoặc soi góc tiền phòng
DA122	Đặt catheter động mạch		lần	1	1.379.000	1.367.000	1.367.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt catheter động mạch theo dõi huyết áp liên tục
LA220	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2381	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản[Gây tê]		lần	1	1.798.000	1.408.368	2.248.000	Phẫu thuật loại 2--/Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH868	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH2425	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi[Gây tê]		lần	1	1.887.000	1.628.167	2.750.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi 1 bên, 2 bên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DI877	Định lượng BNP (B-Type Natriuretic Peptide) [Máu]		pg/mL	1	414.000	406.000	406.000	BNP (B - Type Natriuretic Peptide)/ Giá áp dụng cho bệnh nhân KHÔNG SUY THẬN
LA214	Lấy sỏi san hô thận[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1532	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
NO186	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]		lần	1	161.000	155.000	155.000	Thủ thuật loại 1--/Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây tê)
PH1757	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
LA222	Lấy sỏi san hô thận[Gây tê]		lần	1	3.248.000	2.961.869	4.098.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DA109	Đặt catheter lọc máu cấp cứu		lần	1	1.137.000	1.126.000	1.126.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-Chỉ áp dụng với trường hợp lọc máu./Đặt ống thông tĩnh mạch bằng catheter 2 nòng
PH1157	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
DA172	Đặt catheter lọc máu cấp cứu		lần	1	1.137.000	1.126.000	1.126.000	Thủ thuật loại 2--Chỉ áp dụng với trường hợp lọc máu./Đặt ống thông tĩnh mạch bằng catheter 2 nòng
CH444	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH432	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
NO348	Nối gân duỗi		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA112	Lấy u xương (ghép xi măng)		lần	1	3.870.000	3.746.000	3.746.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học./Phẫu thuật lấy bỏ u xương
CH309	Chích áp xe quanh Amidan		lần	1	745.000	729.000	729.000	Thủ thuật loại 1--/Trích rạch apxe Amidan (gây mê)
PH1689	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CH367	Chọc dò túi cùng Douglas		lần	1	291.000	280.000	280.000	--/Chọc dò túi cùng Douglas
NO425	Nối gân duỗi[Gây tê]		lần	1	2.389.000	2.187.199	2.963.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH492	Chọc hút dẫn lưu nang giả tụy dưới hướng dẫn của siêu âm trong hồi sức cấp cứu		lần	1	620.000	597.000	597.000	--Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
PH1475	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần		lần	1	6.072.000	5.914.000	5.914.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nội soi cắt tử cung
TA59	Tán sỏi ngoài cơ thể		lần	1	2.412.000	2.500.000	2.500.000	Thủ thuật loại ĐB--/Tán sỏi ngoài cơ thể bằng sóng xung (thủy điện lực)
SO24	Soi đáy mắt cấp cứu		lần	1	55.300	52.500	52.500	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Soi đáy mắt hoặc soi góc tiền phòng
PH2624	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)[Gây tê]		lần	1	3.305.000	2.915.101	4.307.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân hoặc bệnh lý sản khoa/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1760	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CH347	Chích áp xe quanh Amidan		lần	1	274.000	263.000	263.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chích rạch apxe Amidan (gây tê)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO96	Mở bề có hoặc không cắt bề		lần	1	1.140.000	1.104.000	1.104.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt bề
DA215	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu		lần	1	1.137.000	1.126.000	1.126.000	Thủ thuật loại 2--Chỉ áp dụng với trường hợp lọc máu./Đặt ống thông tĩnh mạch bằng catheter 2 nòng
CH327	Chích áp xe sàn miệng		lần	1	745.000	729.000	729.000	Thủ thuật loại 1--/Trích rạch áp xe thành sau họng (gây mê)
PH1686	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CH379	Chụp Xquang đại tràng		lần	1	159.000	156.000	156.000	--/Chụp khung đại tràng có thuốc cản quang
DA132	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm		lần	1	1.137.000	1.126.000	1.126.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng
MO59	Mổ bóc nhân xơ vú		lần	1	1.019.000	984.000	984.000	Phẫu thuật loại 3--/Bóc nhân xơ vú
PH2338	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên		lần	1	3.102.000	2.945.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai lần thứ 2 trở lên
PH1732	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel		lần	1	4.395.000	4.241.000	4.241.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy./Phẫu thuật nội soi cắt nối ruột
CH345	Chích rạch màng nhĩ		lần	1	64.200	61.200	61.200	Thủ thuật loại 3--/Trích màng nhĩ
MO144	Mở bụng thăm dò, sinh thiết[Gây tê]		lần	1	2.169.000	2.060.535	2.514.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1537	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA601	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư-		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
PL06	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính		lần	1	33.200	32.100	32.100	--/Plasmodium (ký sinh trùng sốt rét) trong máu nhuộm soi

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO267	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết		lần	1	455.000	433.000	433.000	Thủ thuật loại 1--Đã bao gồm chi phí Test HP/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm có sinh thiết
DA108	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng
CH378	Chụp Xquang đại tràng		lần	1	279.000	264.000	264.000	--/Chụp khung đại tràng có thuốc cản quang số hóa
PH1534	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CH377	Chụp Xquang đường mật qua Kehr		lần	1	255.000	240.000	240.000	Thủ thuật loại 3--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp mật qua Kehr
NA169	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi		lần	1	637.000	624.000	624.000	Thủ thuật loại 2--/Nắn, bó bột xương đùi hoặc chậu hoặc cột sống (bột liền)
TH394	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm		%	1	17.800	17.300	17.300	--/Thể tích khối hồng cầu (Hematocrit)
CA827	Cắt nối niệu đạo trước		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
HA15	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ		lần	1	2.383.000	2.321.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
MO77	Mở dạ dày lấy bã thức ăn		lần	1	2.576.000	2.514.000	2.514.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo
PH1695	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ		lần	1	5.229.000	5.071.000	5.071.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
PH993	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng		lần	1	4.587.000	4.415.000	4.415.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật đóng dò bàng quang
PH1712	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
ST08	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi		lần	1	43.100	41.700	41.700	--/Ký sinh trùng/ Vi nấm soi tươi
CA648	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm		lần	1	4.569.000	4.468.000	4.468.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
DA147	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
CH308	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê		lần	1	274.000	263.000	263.000	Thủ thuật loại 1--/Chích rạch apxe thành sau họng (gây tê)
CH919	Chích áp xe tuyến Bartholin		lần	1	875.000	817.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 2--/Chích áp xe tuyến Bartholin
DA121	Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da		lần	1	664.000	653.000	653.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng
PH2633	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp[Gây tê]		lần	1	3.930.000	3.615.298	4.616.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1535	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
PH1533	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
SO37	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường		lần	1	55.300	52.500	52.500	Thủ thuật loại 3--/Soi đáy mắt hoặc soi góc tiền phòng
NO298	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết		lần	1	302.000	291.000	291.000	Thủ thuật loại 3--/Nội soi trực tràng có sinh thiết
CH358	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên [số hóa 3 phim]		lần	1	125.000	122.000	122.000	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 3 phim
MO150	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết[Gây tê]		lần	1	2.522.000	2.310.638	3.285.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO290	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung		lần	1	4.494.000	4.394.000	4.394.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung can thiệp

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1236	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân		lần	1	7.849.000	7.652.000	7.652.000	Phẫu thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại đặc biệt tuyến nội tiết mô nội soi dùng dao siêu âm
MO83	Mở ngực thăm dò, sinh thiết		lần	1	3.398.000	3.285.000	3.285.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lòng ngực
PH2536	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên[Gây tê]		lần	1	2.357.000	2.199.780	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật lấy thai lần thứ 2 trở lên/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1235	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độ		lần	1	7.849.000	7.652.000	7.652.000	Phẫu thuật loại ĐB-NHI KHOA-/Phẫu thuật loại đặc biệt tuyến nội tiết mô nội soi dùng dao siêu âm
NO432	Nội soi mở rộng niệu quản, nông rộng niệu quản		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 2-Chưa bao gồm sonde JJ.
CH365	Chích áp xe vú		lần	1	230.000	219.000	219.000	Thủ thuật loại 2--/Chích áp xe tuyến vú
CH914	Chích chấ, lẹo, nang lông mi, chích áp xe mi, kết mạc		lần	1	81.000	78.400	1.619.000	(THEO YÊU CẦU)Thủ thuật loại 2--/Chích chấ hoặc lẹo
NO325	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán		lần	1	943.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm sonde JJ./Nội soi bàng quang - Nội soi niệu quản
DI801	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
MO152	Mở ngực thăm dò[Gây tê]		lần	1	2.522.000	2.310.638	3.285.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lòng ngực/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DO130	Đo dung tích sống gắng sức - FVC		lần	1	788.000	778.000	778.000	Thủ thuật loại 3--/Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)/dung tích sống gắng sức - FVC/dung tích sống chậm - SVC/ thông khí tự nguyện tối đa - MVV/áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP / MEP
PH1678	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độ		lần	1	5.916.000	5.772.000	5.772.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật loại 1 mô nội soi tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA115	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng		lần	1	22.800	21.400	21.400	Thủ thuật loại 3--Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền./Truyền tĩnh mạch
CH291	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường		lần	1	197.000	186.000	186.000	Thủ thuật loại 3--/Chích rạch nốt, Áp xe nhỏ dẫn lưu
PH2330	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn mũi dưới		lần	1	3.996.000	3.873.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
CH339	Chọc áp xe gan qua siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
MO66	Mổ quặm bẩm sinh		lần	1	1.112.000	1.068.000	1.068.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 3 mi - gây tê
PH978	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)		lần	1	6.143.000	5.929.000	5.929.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1)
NO353	Nội soi đại tràng sigma		lần	1	322.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết
SO31	Soi đáy mắt trực tiếp		lần	1	55.300	52.500	52.500	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Soi đáy mắt hoặc soi góc tiền phòng
MO65	Mổ quặm bẩm sinh		lần	1	1.710.000	1.640.000	1.640.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 3 mi - gây mê
DI502	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Điện châm (kim ngắn)
NO204	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - cắt cơ oddi		lần	1	2.693.000	2.678.000	2.678.000	Thủ thuật loại ĐB--Chưa bao gồm dụng cụ can thiệp: stent, bộ tán sỏi cơ học, rọ lấy dị vật, dao cắt, bóng kéo, bóng nông./Nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP)
CH829	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [Phải, 02 phim]		lần	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
KH97	Khám YHCT		lần	1	37.500	34.500	34.500	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH1581	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc		lần	1	4.325.000	4.170.000	4.170.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi u thượng thận hoặc nang thận
PH1611	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột		lần	1	3.821.000	3.680.000	3.680.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm, kẹp khóa mạch máu./Phẫu thuật nội soi cắt u trong ổ bụng
CH830	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1755	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
MO63	Mổ quặm bẩm sinh		lần	1	1.921.000	1.837.000	1.837.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mổ quặm 4 mi - gây mê
CA1106	Cắt nối niệu đạo trước[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
MO86	Mở sào bào - thượng nhĩ		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Mở sào bào - thượng nhĩ
CH866	Chụp Xquang khớp háng nghiêng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
MO85	Mở sào bào thượng nhĩ - vâ nhĩ		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 1--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Mở sào bào - thượng nhĩ
BO41	Bóc nang tuyến Bartholin		lần	1	1.309.000	1.274.000	1.274.000	Phẫu thuật loại 2--/Bóc nang tuyến Bartholin
DI639	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement(GiC)		lần	1	102.000	97.000	97.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Hàn răng sữa sâu ngà
PH1545	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL		lần	1	1.666.000	1.634.000	1.634.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm thủy tinh thể nhân tạo./Phẫu thuật thủy tinh thể ngoài bao (1 mắt)
DA223	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	620.000	590.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
MO97	Mở thông bàng quang		lần	1	384.000	373.000	373.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Mở thông bàng quang (gây tê tại chỗ)
CH833	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
MU05	Mức nội nhãn		lần	1	561.000	539.000	539.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm vật liệu độn./Mức nội nhãn (có độn hoặc không độn)
CH352	Chọc dò túi cùng Douglas		lần	1	291.000	280.000	280.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Chọc dò túi cùng Douglas
BO40	Bóc nang tuyến Bartholin		lần	1	1.309.000	1.274.000	1.274.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Bóc nang tuyến Bartholin
CH416	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc dò màng tim
PH2405	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng[Gây tê]		lần	1	2.115.000	1.961.025	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nút kê hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH335	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	183.000	176.000	176.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
NA318	Nâng xương chính mũi sau chấn thương		lần	1	1.295.000	1.277.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Nâng xương chính mũi sau chấn thương gây tê
DI821	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
NA274	Nạo vét hạch D1		lần	1	3.988.000	3.817.000	3.817.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm dao siêu âm./Phẫu thuật nạo vét hạch
DI786	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
PH2471	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.213.991	2.862.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH361	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng		lần	1	143.000	137.000	137.000	Thủ thuật loại 2--/Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi
NO221	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết		lần	1	430.000	408.000	408.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết
CH395	Chụp Xquang đường dò		lần	1	421.000	406.000	406.000	Thủ thuật loại 2--/Lỗ dò cản quang
NO281	Nối mật-Hồng tràng do ung thư		lần	1	4.571.000	4.399.000	4.399.000	-NHI KHOA-/Phẫu thuật nối mật ruột
CH313	Chọc rửa xoang hàm		lần	1	289.000	278.000	278.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi chọc rửa xoang hàm (gây tê)
PH1595	Phẫu thuật Lefort		lần	1	2.882.000	2.783.000	2.783.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật Lefort hoặc Labhart
DI814	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ		lần	1	71.400	67.300	67.300	Thủ thuật loại 2--/Điện châm (kim ngắn)
NO420	Nối nang tụy với tá tràng[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2660	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2-
NO402	Nội soi ổ bụng chẩn đoán		lần	1	1.507.000	1.456.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Nội soi)
NO433	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản		lần	1	1.507.000	1.456.000	1.456.000	Phẫu thuật loại 2-
PH1727	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thất lưng do lao		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
NO417	Nối vị tràng[Gây tê]		lần	1	2.206.000	2.051.800	2.664.000	Phẫu thuật loại 3--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2665	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)		lần	1	4.250.000	4.122.000	4.122.000	Phẫu thuật loại 2-Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo.

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH834	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH2666	Phẫu thuật áp xe ngoài màng tủy		lần	1	4.250.000	4.122.000	4.122.000	Phẫu thuật loại 2-Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo.
DI694	Điều trị bằng các dòng điện xung		lần	1	42.700	41.400	41.400	Thủ thuật loại 3--/Điện xung
PH1596	Phẫu thuật Manchester		lần	1	3.839.000	3.681.000	3.681.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật Manchester
TA52	Tập ho có trợ giúp		lần	1	31.100	30.100	30.100	Thủ thuật loại 3--/Vật lý trị liệu hô hấp
DI673	Điều trị sản cục bằng Laser CO2		lần	1	357.000	333.000	333.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng
PH1123	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng		lần	1	2.265.000	2.167.000	2.167.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Nội soi)
DI636	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Răng sâu ngà
DI471	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Răng sâu ngà
DI693	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...		lần	1	170.000	159.000	159.000	Thủ thuật loại 2--/Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng: đốt điện hoặc nhiệt hoặc laser
DI642	Điều trị tủy răng sữa		lần	1	280.000	271.000	271.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Điều trị tủy răng sữa một chân
PH874	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai		lần	1	729.000	705.000	705.000	Phẫu thuật loại 3--/Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm
PH2297	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài		lần	1	2.038.000	1.990.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Cắt polyp ống tai gây mê
PH2577	Phẫu thuật cắt cụt chi[Gây tê]		lần	1	3.014.000	2.830.470	3.741.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt cụt chi/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH2587	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn[Gây tê]		lần	1	3.262.000	2.946.465	3.876.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA660	Cắt sẹo khâu kín		lần	1	3.432.000	3.288.000	3.288.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt sẹo khâu kín
GI76	Giác hơi điều trị các chứng đau		lần	1	34.500	33.200	33.200	Thủ thuật loại 3--/Giác hơi
PH994	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má		lần	1	998.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Tai Mũi Họng)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH837	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH1000	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
KH96	Khám Tâm thần		lần	1	37.500	34.500	34.500	
PH2275	Phẫu thuật cắt u thành bụng		lần	1	2.122.000	1.965.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
SI199	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	1.025.000	995.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết gan hoặc thận dưới hướng dẫn của siêu âm
CH584	Chụp Xquang ngực thẳng[thẳng và nghiêng]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
KH163	Khâu lại mép mô giác mạc, củng mạc		lần	1	777.000	764.000	764.000	Phẫu thuật loại 1--/Khâu giác mạc đơn thuần
PH1486	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)		lần	1	3.829.000	3.668.000	3.668.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)
CH392	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)		lần	1	554.000	539.000	539.000	Thủ thuật loại 3--/Chụp hệ tiết niệu có tiêm thuốc cản quang (UIV)
NO255	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê		lần	1	742.000	723.000	723.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây mê ống mềm
PH930	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ		lần	1	2.898.000	2.814.000	2.814.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây mê)
TE28	Test giãn phế quản (broncho modilator test)		lần	1	179.000	172.000	172.000	Thủ thuật loại 3--/Test hồi phục phế quản
CA538	Cắt cụt cánh tay		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 3--NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
PH2452	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu[Gây tê]		lần	1	2.422.000	2.277.420	2.790.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm2/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
HU56	Hút dịch khớp vai		lần	1	120.000	114.000	114.000	Thủ thuật loại 3--/Hút dịch khớp
CH879	Chụp Xquang Schuller [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1390	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung		lần	1	3.829.000	3.668.000	3.668.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH876	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA1029	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm		lần	1	1.156.000	1.126.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên
PH1159	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân		lần	1	5.105.000	4.907.000	4.907.000	Phẫu thuật loại 2--/Ghép da tự thân mất lưới (mesh graft)
PH2417	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật[Gây tê]		lần	1	2.042.000	1.910.305	2.598.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CH409	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	158.000	151.000	151.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn của siêu âm
CH393	Chụp Xquang tử cung vòi trứng		lần	1	426.000	411.000	411.000	Thủ thuật loại 2--/Chụp tử cung-vòi trứng bằng số hóa
PH2418	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức[Gây tê]		lần	1	2.042.000	1.910.305	2.598.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
DI450	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trục xoay cầm tay		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
DO112	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm		lần	1	29.600	28.800	28.800	--/Đo thị trường, ám điểm
CH881	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
PH2366	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay		lần	1	3.878.000	3.750.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH849	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA460	Cắt thân và đuôi tụy		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
CA435	Cắt mạc nối lớn		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
CH413	Chọc hút dịch màng tim dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	259.000	247.000	247.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc dò màng tim
KH93	Khám Tai mũi họng		lần	1	37.500	34.500	34.500	
DO80	Đo khúc xạ máy		lần	1	10.900	9.900	9.900	--/Đo khúc xạ máy
PH2295	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)		lần	1	3.829.000	3.668.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)
CH851	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
LA131	Lấy dị vật âm đạo		lần	1	602.000	573.000	573.000	Thủ thuật loại 2--/Lấy dị vật âm đạo
SI164	Siêu âm nhãn cầu		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
SI166	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
SI179	Siêu âm qua thóp		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CH870	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA488	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm		lần	1	849.000	834.000	834.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây tê
NO323	Nối nang tụy với tá tràng		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DO99	Đo độ lác		lần	1	68.600	63.800	63.800	--/Đo độ lác; Xác định sơ đồ song thị; Đo biên độ điều tiết; Đo thị giác 2 mắt; Đo thị giác tương phản
CH460	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH612	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
SI118	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bằng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí
CA519	Cắt polyp ống tai		lần	1	613.000	602.000	602.000	Phẫu thuật loại 2--NHI KHOA-/Cắt polyp ống tai gây tê
PH1472	Phẫu thuật tạo hình nếp mí		lần	1	872.000	840.000	840.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật tạo mí (1 mắt)
CH840	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
SI153	Siêu âm Doppler xuyên sọ		lần	1	233.000	222.000	222.000	--/Siêu âm Doppler màu tim ho?c m?ch máu
CH847	Chụp Xquang hàm chéch một bên [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
NO321	Nong niệu đạo		lần	1	252.000	241.000	241.000	Phẫu thuật loại 3--NHI KHOA-/Nong niệu đạo và đặt thông đài
CH625	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng		lần	1	239.000	224.000	224.000	--/Chụp thực quản có uống thuốc cản quang số hóa
CA677	Cắt thận đơn thuần		lần	1	4.404.000	4.232.000	4.232.000	Phẫu thuật loại 1--NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt thận
DO133	Đo chức năng hô hấp		lần	1	133.000	126.000	126.000	--/Đo chức năng hô hấp
CH899	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
PH1739	Phẫu thuật cắt u Amydal		lần	1	1.689.000	1.648.000	1.648.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt Amidan bằng dao điện
CA537	Cắt thận rộng rãi + nạo vết hạch		lần	1	4.404.000	4.232.000	4.232.000	Phẫu thuật loại ĐB--/Phẫu thuật cắt thận
DO104	Đo đa ký hô hấp		lần	1	1.997.000	1.950.000	1.950.000	--Chưa bao gồm bộ dụng cụ thăm dò điện sinh lý tim./Thăm dò điện sinh lý trong buồng tim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
PH2585	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo[Gây tê]		lần	1	3.122.000	2.806.465	3.736.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA453	Cắt toàn bộ thận và niệu quản		lần	1	4.404.000	4.232.000	4.232.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt thận
PH949	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt		lần	1	803.000	752.000	752.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật điều trị u dưới móng
PH935	Phẫu thuật khối u khoang bên họng		lần	1	5.776.000	5.659.000	5.659.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt bỏ ung thư Amidan hoặc thanh quản và nạo vết hạch cổ
KH220	Khám Lao		lần	1	37.500	34.500	34.500	
PH995	Phẫu thuật cắt u sàn miệng		lần	1	1.499.000	1.415.000	1.415.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Tai Mũi Họng)
SI128	Siêu âm tim cấp cứu tại giường		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA503	Cắt nang giáp móng		lần	1	2.190.000	2.133.000	2.133.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Cắt u nang giáp móng
CH404	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	159.000	152.000	152.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
CA647	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm		lần	1	4.569.000	4.468.000	4.468.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
NG15	Nghiệm pháp Atropin		lần	1	204.000	198.000	198.000	Thủ thuật loại 2--/Holter điện tâm đồ/ huyết áp
CA641	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
SI134	Siêu âm Doppler mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng		lần	1	233.000	222.000	222.000	--/Siêu âm Doppler màu tim ho?c m?ch máu
SI107	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo		lần	1	186.000	181.000	181.000	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm đầu dò âm đạo, trực tràng
CA506	Cắt túi thừa tá tràng		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
SI108	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
SI141	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	1.025.000	1.002.000	1.002.000	Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết gan hoặc thận dưới hướng dẫn của siêu âm
BO49	Bóc phúc mạc douglas		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
SI156	Siêu âm Doppler tim		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
BO47	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác		lần	1	4.842.000	4.670.000	4.670.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật u trong ổ bụng
PH2544	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác[Gây tê]		lần	1	2.655.000	2.484.005	3.258.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu./Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA468	Cắt chỏm nang gan		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
CA604	Cầm niệu quản bằng quang		lần	1	3.063.000	2.851.000	2.851.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)
CA483	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm		lần	1	849.000	834.000	834.000	Phẫu thuật loại 2--/Mổ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây tê
CA407	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm		lần	1	4.569.000	4.468.000	4.468.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
SI173	Siêu âm các tuyến nước bọt		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
PH1612	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt dây chằng gỡ dính ruột
CA507	Cắt u tá tràng		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
CH904	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
SI99	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực		lần	1	233.000	222.000	222.000	--/Siêu âm Doppler màu tim ho?c m?ch máu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA668	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bong sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em		lần	1	2.378.000	2.269.000	2.269.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bong sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn, dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
DO126	Đo các thể tích phổi - Lung Volumes		lần	1	2.842.000	2.809.000	2.809.000	Thủ thuật loại 1--/Đo các thể tích phổi - Lung Volumes
CA549	Cắt bỏ tinh hoàn		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.321.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
CH885	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
TH447	Tháo bột các loại		lần	1	56.000	52.900	52.900	Thủ thuật loại 3--NHI KHOA-Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú./Tháo bột khác
CH846	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng [Trái, 02 phim]		lần	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CH855	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA476	Cắt u nang buồng trứng		lần	1	3.044.000	2.944.000	2.944.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật mở bụng cắt u nang buồng trứng hoặc cắt phần phụ
CA500	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm		lần	1	1.266.000	1.234.000	1.234.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật u có vảy da tạo hình
CA496	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm		lần	1	1.266.000	1.234.000	1.234.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật u có vảy da tạo hình
DO79	Đo đường kính giác mạc		lần	1	59.600	54.800	54.800	--/Đo đường kính giác mạc; đo độ lồi
CH475	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiêu khung thường quy (từ 1-32 dãy)[có thuốc cản quang]		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dãy có thuốc cản quang
CA661	Cắt cụt chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi
TH452	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)		lần	1	32.000	29.900	29.900	--/Test trắc nghiệm tâm lý
NO180	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê		lần	1	524.000	513.000	513.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây tê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH900	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH839	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
SI169	Siêu âm dương vật		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CA614	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	3.426.000	3.268.000	3.268.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn, trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
CA666	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	2.407.000	2.298.000	2.298.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
CA494	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm		lần	1	868.000	820.000	820.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật lật vạt, nạo xương ổ răng 1 vùng
GI69	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội tổng hợp		ngày	1	212.600	187.100	187.100	
CA1035	Cắt u bao gân		lần	1	1.914.000	1.784.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
SI167	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CH396	Chụp đáy mắt không huỳnh quang		lần	1	217.000	214.000	214.000	Thủ thuật loại 1--/Chụp Angiography mắt
CA1019	Cắt bỏ tinh hoàn		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
DA168	Dẫn lưu đài bể thận qua da		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
NO262	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán		lần	1	2.904.000	2.828.000	2.828.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung chẩn đoán
PH1734	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa		lần	1	2.984.000	2.896.000	2.896.000	Phẫu thuật loại 1

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
SI183	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
TH456	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)		lần	1	22.000	19.900	19.900	--/Test tâm lý BECK/ZUNG
DO113	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel		lần	1	59.600	54.800	54.800	--/Đo đường kính giác mạc; đo độ lồi
CA414	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ		lần	1	2.383.000	2.321.000	2.321.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn
NO254	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê		lần	1	329.000	318.000	318.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây tê ống mềm
CH892	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA569	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm		lần	1	1.156.000	1.126.000	1.126.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên
DA92	Dẫn lưu áp xe ruột thừa		lần	1	2.945.000	2.832.000	2.832.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng
NO233	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết		lần	1	455.000	433.000	433.000	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-Đã bao gồm chi phí Test HP/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm có sinh thiết
CA568	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm		lần	1	729.000	705.000	705.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm
CA534	Cắt cụt cẳng chân do ung thư		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi
CA671	Cắt cụt cẳng tay		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
DA139	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
SI133	Siêu âm Doppler xuyên sọ		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
DA226	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
TH453	Thang đánh giá trầm cảm ở trẻ em		lần	1	32.000	29.900	29.900	--/Test trắc nghiệm tâm lý

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA167	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài
CH880	Chụp Xquang Schuller [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
BO54	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm		lần	1	729.000	705.000	705.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm
CA555	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình		lần	1	4.019.000	3.789.000	3.789.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm nếp, vít thay thế./Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy hoặc tế bào gai vùng mặt + tạo hình vật da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình
CA635	Cắt cụt cổ tử cung		lần	1	2.846.000	2.747.000	2.747.000	Phẫu thuật loại 2--/Khoét chóp hoặc cắt cụt cổ tử cung
CA533	Cắt cụt đuôi do ung thư		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi
CA443	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
CH898	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
SI191	Siêu âm tuyến vú hai bên		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CA542	Cắt dương vật không vết hạch, cắt một nửa dương vật		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
CA615	Cắt lách bán phần		lần	1	4.644.000	4.472.000	4.472.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt lách
DI438	Điều trị tủy răng sữa		lần	1	280.000	271.000	271.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng sữa một chân
CA456	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách		lần	1	4.644.000	4.472.000	4.472.000	--Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt lách
PH945	Phẫu thuật quặm tái phát		lần	1	1.474.000	1.417.000	1.417.000	Phẫu thuật loại 2--/Mô quặm 2 mi - gây mê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
TH461	Thăm dò chức năng hô hấp		lần	1	133.000	126.000	126.000	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Đo chức năng hô hấp
SI204	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	158.000	149.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn của siêu âm
CH886	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
NO411	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết		lần	1	255.000	240.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 2--/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết
SI177	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh		lần	1	49.300	43.900	43.900	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm
CA504	Cắt ruột non hình chêm		lần	1	3.730.000	3.579.000	3.579.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
CH407	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	158.000	151.000	151.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn của siêu âm
CA662	Cắt cụt cấp cứu chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt cụt chi
CA513	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời		lần	1	4.830.000	4.616.000	4.616.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
DO131	Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)		lần	1	788.000	778.000	778.000	Thủ thuật loại 1--/Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)/dung tích sống gắng sức - FVC/dung tích sống chậm - SVC/ thông khí tự nguyện tối đa - MVV/áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP / MEP
CH477	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)[không thuốc cản quang]		lần	1	532.000	522.000	522.000	Thủ thuật loại 2--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA464	Cắt u kết mạc không vá		lần	1	760.000	755.000	755.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt u kết mạc không vá
CA548	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu		lần	1	2.660.000	2.598.000	2.598.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu
CH350	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con		lần	1	3.843.000	3.720.000	3.720.000	Phẫu thuật loại 2--Đã bao gồm chi phí mũi khoan/Vá nhĩ đơn thuần
CH863	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
BO43	Bóc nhân xơ vú		lần	1	1.019.000	984.000	984.000	Thủ thuật loại 1--/Bóc nhân xơ vú
NO405	Nội soi đại tràng sigma		lần	1	322.000	300.000	1.619.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 2--/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết
CA491	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm		lần	1	439.000	415.000	415.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u lợi, lợi xơ để làm hàm giả
SI111	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng		lần	1	186.000	181.000	181.000	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm đầu dò âm đạo, trực tràng
CH590	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA1040	Cắt nang thờng tinh hai bên		lần	1	2.953.000	2.754.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại I (Ung bướu)
CO16	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút 1vy		lần	1	2.736.000	2.644.000	2.644.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm nẹp, vít./Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới
CA482	Cắt bỏ nhân cầu ± cắt thị thần kinh dài		lần	1	772.000	740.000	740.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Khoét bỏ nhân cầu
CA1107	Cắt nối niệu đạo sau[Gây tê]		lần	1	3.378.000	3.101.307	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO178	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê		lần	1	524.000	513.000	513.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây tê

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA516	Cắt đuôi tụy		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
DO67	Đóng lỗ dò đường lệ		lần	1	841.000	809.000	809.000	Phẫu thuật loại 3--/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây tê
DO114	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục		lần	1	4.271.000	4.113.000	4.113.000	Phẫu thuật loại 1--/Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục
SI163	Siêu âm màng phổi		lần	1	49.300	43.900	43.900	Thủ thuật loại 1-NHI KHOA-/Siêu âm
CA676	Cắt nối niệu quản		lần	1	5.749.000	5.390.000	5.390.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt niệu quản hoặc tạo hình niệu quản hoặc tạo hình bể thận (do bệnh lý hoặc chấn thương)
CA535	Cắt polyp cổ tử cung		lần	1	1.997.000	1.935.000	1.935.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung
DU04	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da		lần	1	1.813.000	1.751.000	1.751.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ
SI202	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	847.000	822.000	2.492.000	(THEO YÊU CẦU) Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết vú hoặc tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm
CH333	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng		lần	1	579.000	564.000	564.000	Thủ thuật loại 2--/Chụp niệu quản - bể thận ngược dòng (UPR) số hóa
CH845	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng [Phải, 02 phim]		lần	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA1041	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)		lần	1	1.298.000	1.206.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ung bướu)
CA432	Cắt ruột thừa đơn thuần		lần	1	2.654.000	2.561.000	2.561.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt ruột thừa
CA559	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)		lần	1	1.298.000	1.206.000	1.206.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Ung bướu)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA594	Cắt bỏ dương vật ung thư có vết hạch		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
CH491	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)		lần	1	532.000	522.000	522.000	--/Chụp CT Scanner đến 32 dãy không có thuốc cản quang
CA1049	Cắt u vú lành tính		lần	1	2.962.000	2.830.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU) Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
SI186	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu		lần	1	49.300	43.900	43.900	Thủ thuật loại 3--NHI KHOA-/Siêu âm
DI437	Điều trị tủy răng sữa		lần	1	394.000	382.000	382.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng sữa nhiều chân
CA649	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm		lần	1	4.348.000	4.281.000	4.281.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại 3 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
SI188	Siêu âm hốc mắt		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CA1114	Cắt toàn bộ thận và niệu quản[Gây tê]		lần	1	3.279.000	2.982.288	4.232.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt thận/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
CA1027	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm		lần	1	4.569.000	4.468.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại 2 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
CA428	Cắt đoạn đại tràng nối ngay		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
DO129	Đo thông khí tự nguyện tối đa - MVV		lần	1	788.000	778.000	778.000	--/Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)/dung tích sống gắng sức - FVC/dung tích sống chậm - SVC/ thông khí tự nguyện tối đa - MVV/áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP / MEP
NO179	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê		lần	1	524.000	513.000	513.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi sinh thiết vòm mũi họng gây tê
SI142	Siêu âm bán phần trước		lần	1	220.000	208.000	208.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm bán phần trước (UBM)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
SI181	Siêu âm tử cung phần phụ		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
CA427	Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra ngoài		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
SI168	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
SI194	Siêu âm tim cấp cứu tại giường		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CH901	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
SI113	Siêu âm tim cấp cứu tại giường		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA499	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời		lần	1	4.830.000	4.616.000	4.616.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
CA1126	Cắt u bàng quang đường trên[Gây tê]		lần	1	4.286.000	3.871.741	5.434.000	--/Phẫu thuật cắt u bàng quang/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
BO31	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang		lần	1	5.160.000	4.947.000	4.947.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến
CA530	Cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành		lần	1	5.125.000	4.913.000	4.913.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, kẹp khóa mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt bán phần dạ dày
CH613	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CA673	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da		lần	1	5.517.000	5.305.000	5.305.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt bàng quang
KH186	Khâu giác mạc		lần	1	1.160.000	1.112.000	1.112.000	Phẫu thuật loại 1--/Khâu giác mạc phức tạp
CH860	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH861	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [Phải, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
NO193	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê		lần	1	329.000	318.000	318.000	Thủ thuật loại ĐB--/Nội soi lấy dị vật thực quản gây tê ống mềm
CH878	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH894	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng [Trái, 02 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CH412	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm		lần	1	568.000	558.000	558.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm can thiệp điều trị áp xe hoặc u hoặc nang trong ổ bụng
CA667	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn		lần	1	3.443.000	3.285.000	3.285.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn, trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
TE27	Test thử cảm giác giác mạc		lần	1	42.100	39.600	39.600	--/Test thử cảm giác giác mạc
CH480	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA458	Cắt dạ dày do ung thư		lần	1	7.610.000	7.266.000	7.266.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, kẹp khóa mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt dạ dày
CH406	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	228.000	221.000	221.000	Thủ thuật loại 1--/Chọc hút dịch điều trị u nang giáp dưới hướng dẫn của siêu âm
CA576	Cắt lọc nhu mô gan		lần	1	8.477.000	8.133.000	8.133.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm keo sinh học, đầu dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô./Phẫu thuật cắt gan
CA512	Cắt cụt cẳng chân		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2--NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
SI195	Siêu âm Doppler xuyên sọ		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 2--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
SI138	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	1.025.000	1.002.000	1.002.000	Thủ thuật loại 1--/Sinh thiết gan hoặc thận dưới hướng dẫn của siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DA161	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
NO339	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori		lần	1	302.000	294.000	294.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi dạ dày làm Clo test
PH1583	Phẫu thuật viêm xương đùi đực, mỗ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỗ cắt ngón tay, chân hoặc cắt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
NO318	Nội soi trực tràng ống mềm		lần	1	198.000	189.000	189.000	Thủ thuật loại 3--/Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
CH470	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH865	Chụp Xquang khớp háng nghiêng [Phải, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
GI72	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu		ngày	1	359.200	325.000	325.000	
GI200	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội tim mạch		ngày	1	212.600	187.100	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
GI55	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội tim mạch		ngày	1	212.600	187.100	187.100	
GI199	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nội tim mạch		ngày	1	212.600	187.100	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
PH1622	Phẫu thuật gãy mỗ trên rỗng rọc xương cánh tay		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mỗ cắt ngón tay, chân hoặc cắt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
PH1377	Phẫu thuật viên tẩy bao hoạt dịch bàn tay		lần	1	2.850.000	2.758.000	2.758.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp
RU40	Rút đinh các loại		lần	1	1.777.000	1.731.000	1.731.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Rút đinh hoặc tháo phương tiện kết hợp xương

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
GI48	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	287.500	256.300	256.300	
GI43	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Lao		ngày	1	212.600	187.100	187.100	
GI71	Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nhi		ngày	1	212.600	187.100	187.100	
GI198	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa nội tổng hợp		ngày	1	182.700	160.000	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
PH1498	Phẫu thuật KHX gây nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
GI47	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	252.100	223.800	223.800	
GI172	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	192.100	170.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
GI171	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp		ngày	1	192.100	170.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
GI207	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	287.500	256.300	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
GI209	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	252.100	223.800	223.800	
DA239	Dẫn lưu áp xe ruột thừa[Gây tê]		lần	1	2.236.000	2.042.920	2.832.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH926	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân		lần	1	3.311.000	3.188.000	3.188.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt./Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
RU41	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật		lần	1	1.777.000	1.731.000	1.731.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Rút đinh hoặc tháo phương tiện kết hợp xương

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
GI52	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Phụ - Sản		ngày	1	287.500	256.300	256.300	
GI210	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	252.100	223.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
GI215	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	192.100	170.800	170.800	
GI217	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Chấn thương chỉnh hình		ngày	1	192.100	170.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
PH1186	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú		lần	1	2.962.000	2.862.000	2.862.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính
PH877	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời		lần	1	2.122.000	1.965.000	1.965.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ngoại khoa)
GI181	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	252.100	223.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
GI182	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	252.100	223.800	296.000	(THEO YÊU CẦU) 02 bệnh nhân/01 phòng
GI59	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	252.100	223.800	223.800	
GI183	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	252.100	223.800	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
GI189	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	224.700	199.200	405.000	(THEO YÊU CẦU) 01 bệnh nhân/01 phòng
GI58	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng		ngày	1	192.100	170.800	170.800	
DA166	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/ 2 bên		lần	1	2.756.000	2.664.000	2.664.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
GI61	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Răng - Hàm - Mặt		ngày	1	182.700	160.000	160.000	
CA1043	Cắt nang thờng tình một bên		lần	1	1.914.000	1.784.000	5.697.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật loại II (Ung bướu)
GI67	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	252.100	223.800	223.800	
GI66	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	224.700	199.200	199.200	
GI68	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt		ngày	1	182.700	160.000	160.000	
KH128	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng		lần	1	998.000	954.000	954.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật loại III (Tai Mũi Họng)
PH1418	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt cụt chi
PH1082	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới		lần	1	3.996.000	3.873.000	3.873.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới
GI56	Giường Hồi sức tích cực Hạng II - Khoa Hồi sức tích cực		ngày	1	673.900	602.000	602.000	
GI284	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức tích cực		ngày	1	359.200	325.000	325.000	
DA162	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)		lần	1	3.878.000	3.750.000	3.750.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít./Phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít
NO301	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết		lần	1	322.000	305.000	305.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết
CH883	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng [Phải, 03 phim]		lần	1	125.000	122.000	122.000	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 3 phim
DO106	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)		lần	1	28.000	25.900	25.900	--/Đo nhãn áp
NO303	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết		lần	1	455.000	433.000	433.000	Thủ thuật loại 1--Đã bao gồm chi phí Test HP/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm có sinh thiết
KH92	Khám Nội		lần	1	37.500	34.500	34.500	

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
GH18	Ghi điện tim cấp cứu tại giường		lần	1	35.400	32.800	32.800	Thủ thuật loại 3--/Điện tâm đồ
CA574	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm		lần	1	3.037.000	2.927.000	2.927.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt nang xương hàm từ 2-5cm
NO188	Nội tụy ruột		lần	1	4.571.000	4.399.000	4.399.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật nối mật ruột
TH455	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton		lần	1	22.000	19.900	19.900	--/Test tâm lý BECK/ZUNG
CH456	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)		lần	1	643.000	632.000	632.000	Thủ thuật loại 2--Chưa bao gồm thuốc cản quang./Chụp CT Scanner đến 32 dây có thuốc cản quang
CA1038	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm		lần	1	729.000	705.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm
PH1636	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại ĐB--Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)
SI120	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng		lần	1	84.800	82.300	82.300	Thủ thuật loại 3--Bảng phương pháp DEXA/Đo mật độ xương 1 vị trí
CH494	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiêu khung thường quy (từ 1-32 dây)[không có thuốc cản quang]		lần	1	532.000	522.000	522.000	Thủ thuật loại 2--/Chụp CT Scanner đến 32 dây không có thuốc cản quang
NO176	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê		lần	1	255.000	244.000	244.000	Thủ thuật loại 1--/Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết
SI157	Siêu âm Doppler mạch máu		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
SI189	Siêu âm hạch vùng cổ		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
SI172	Siêu âm màng phổi cấp cứu		lần	1	49.300	43.900	43.900	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm
SI178	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
SI161	Siêu âm tuyến giáp		lần	1	49.300	43.900	43.900	--/Siêu âm
PH1730	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương cho người bệnh phong		lần	1	584.000	546.000	546.000	Phẫu thuật loại 3--/Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương
SI148	Siêu âm tim Doppler		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 3-NHI KHOA-/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CH586	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gấp uốn [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
CH446	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH467	Chụp Xquang tại phòng mổ [số hóa 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	Thủ thuật loại 3--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CH884	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng [Trái, 03 phim]		lần	1	125.000	122.000	122.000	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 3 phim
CH598	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric) [số hóa 2 phim]		lần.	1	100.000	97.200	97.200	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 2 phim
DI441	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	434.000	422.000	422.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 1, 2, 3
PH1339	Phẫu thuật nạo VA gây mê		lần	1	813.000	790.000	790.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Nạo VA gây mê
DI442	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	819.000	795.000	795.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm dưới
CH872	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
NO292	Nội soi buồng tử cung can thiệp		lần	1	4.494.000	4.394.000	4.394.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung can thiệp
CH848	Chụp Xquang hàm chéch một bên [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim
CA583	Cắt bỏ túi lệ		lần	1	872.000	840.000	840.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-/Cắt bỏ túi lệ
CA664	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín $\geq 1\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em		lần	1	4.168.000	4.010.000	4.010.000	Phẫu thuật loại 1--/Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn, $\geq 1\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em
CH874	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch [Trái, 01 phim]		lần	1	68.300	65.400	65.400	--Áp dụng cho 01 vị trí/Chụp X-quang số hóa 1 phim

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
DO108	Đo độ lác		lần	1	68.600	63.800	63.800	--/Đo độ lác; Xác định sơ đồ song thị; Đo biên độ điều tiết; Đo thị giác 2 mắt; Đo thị giác tương phản
DA182	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm		lần	1	620.000	597.000	597.000	Thủ thuật loại 1--Chưa bao gồm ống thông./Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
CA449	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông		lần	1	4.801.000	4.629.000	4.629.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt ruột non
CA505	Cắt màng ngăn tá tràng		lần	1	2.574.000	2.498.000	2.498.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật cắt dây chằng đỡ dính ruột
DI463	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay máy		lần	1	949.000	925.000	925.000	Phẫu thuật loại 3--/Điều trị tủy răng số 6,7 hàm trên
TA51	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng		lần	1	4.400.000	4.228.000	4.228.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ²
CA606	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử		lần	1	970.000	934.000	934.000	Phẫu thuật loại 2--Chưa bao gồm đầu cắt./Phẫu thuật cắt màng đồng tử
CA424	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
DO143	Đóng lỗ dò đường lệ		lần	1	1.497.000	1.440.000	2.537.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 3--/Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây mê
CA412	Cắt đoạn đại tràng		lần	1	4.642.000	4.470.000	4.470.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Harman
CA585	Cắt một phần bàng quang		lần	1	5.517.000	5.305.000	5.305.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt bàng quang
GO09	Gỡ dính gân		lần	1	3.087.000	2.963.000	2.963.000	Phẫu thuật loại 2-NHI KHOA-Chưa bao gồm gân nhân tạo./Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA619	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow		lần	1	4.310.000	4.166.000	4.166.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết không dùng dao siêu âm
CA658	Cắt nối niệu đạo trước		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
CA415	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
CA608	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép		lần	1	1.190.000	1.154.000	1.154.000	Phẫu thuật loại 2--/Cắt u bì kết giác mạc có hoặc không ghép kết mạc
CA416	Cắt nối niệu đạo sau		lần	1	4.322.000	4.151.000	4.151.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác
CH398	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu		lần	1	217.000	214.000	214.000	Thủ thuật loại 1--/Chụp Angiography mắt
DO69	Đóng hậu môn nhân tạo		lần	1	4.465.000	4.293.000	4.293.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt nối ruột
SI155	Siêu âm tim 4D		lần	1	468.000	457.000	457.000	Thủ thuật loại 3--Chi áp dụng trong trường hợp chỉ định để thực hiện các phẫu thuật hoặc can thiệp tim mạch./Siêu âm Doppler màu tim 4 D (3D REAL TIME)
CA461	Cắt đuôi tụy và cắt lách		lần	1	4.656.000	4.485.000	4.485.000	--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm./Phẫu thuật cắt thân tụy hoặc cắt đuôi tụy
CH397	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu		lần	1	217.000	214.000	214.000	Thủ thuật loại 1--/Chụp Angiography mắt
CA448	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài		lần	1	4.801.000	4.629.000	4.629.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối./Phẫu thuật cắt ruột non
CA646	Cắt 1 thùy tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	6.560.000	Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
LA146	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương		lần	1	4.806.000	4.634.000	4.634.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương./Phẫu thuật ghép xương
KY52	Kỹ thuật đánh giá huyết động cấp cứu không xâm nhập bằng USCOM		lần	1	233.000	222.000	222.000	Thủ thuật loại 1--/Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu
CA651	Cắt cụt dưới máu chuyển xương đùi		lần	1	3.833.000	3.741.000	3.741.000	Phẫu thuật loại 1-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt cụt chi
KH166	Khâu phục hồi bờ mi		lần	1	737.000	693.000	693.000	Phẫu thuật loại 2--/Khâu phục hồi bờ mi
PH1621	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu		lần	1	3.011.000	2.887.000	2.887.000	Phẫu thuật loại 3-NHI KHOA-/Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa môm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)
DA216	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng		lần	1	1.137.000	1.126.000	1.126.000	Thủ thuật loại 1--/Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng
NO308	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết		lần	1	302.000	291.000	291.000	Thủ thuật loại 2--/Nội soi trực tràng có sinh thiết
NO242	Nội xoay thai		lần	1	1.430.000	1.406.000	1.406.000	Thủ thuật loại 1--/Nội xoay thai
NO294	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính		lần	1	597.000	580.000	580.000	Thủ thuật loại 1--/Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính
NO335	Nong niệu đạo và đặt sonde dài		lần	1	252.000	241.000	241.000	Thủ thuật loại 2--/Nong niệu đạo và đặt thông dài
ON04	Ôn châm		lần	1	69.400	65.300	65.300	Thủ thuật loại 2-NHI KHOA-/Châm (kim ngắn)
ON03	Ôn châm		lần	1	69.400	65.300	65.300	Thủ thuật loại 2--/Châm (kim ngắn)
PH972	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa		lần	1	3.435.000	3.342.000	3.342.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa
PH1548	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần		lần	1	189.000	183.000	183.000	--/Phá thai đến hết 7 tuần bằng thuốc
PH1568	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần		lần	1	320.000	302.000	302.000	--/Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 7 tuần đến hết 13 tuần
PH1570	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần		lần	1	320.000	302.000	302.000	--/Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 7 tuần đến hết 13 tuần

Mã CLS	Tên CLS	Ma Cha	ĐVT	BHYT	Giá BHYT	Giá dân	Giá Dịch vụ	Ghi chú
CA1044	Cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm		lần	1	6.704.000	6.560.000	8.372.000	(THEO YÊU CẦU)Phẫu thuật loại 1--/Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm
DA227	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận[Gây tê]		lần	1	1.368.000	1.255.945	1.751.000	Phẫu thuật loại 1--Chưa bao gồm sonde JJ./Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
NO427	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung[Gây tê]		lần	1	3.686.000	3.430.647	4.394.000	Phẫu thuật loại 2--/Nội soi buồng tử cung can thiệp/Chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ
PH1490	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng		lần	1	2.776.000	2.677.000	2.677.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng
PH1741	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê		lần	1	1.689.000	1.648.000	1.648.000	Phẫu thuật loại 2--/Phẫu thuật cắt Amidan bằng dao điện